V. BIN-SAI SOAN

VẤN ĐỀ PHỤ NỮ

ĐÃ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT Ở LIÊN-XÔ NHƯ THẾ NÀO?

NGUYỆT TÚ, DƯƠNG THỊ KHIẾN *dịch*

327.6
V121-D
Chính trị: lý luận phụ nữ
8559
VN 5384
8157
4881 25

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

LỜI GIỚI THIỆU

Vấn đề phụ nữ là một vấn đề lớn, lần đầu tiên đã được giải quyết tốt đẹp ở Liên-xô.

Cuốn sách nói lên phong trào vận động nữ công nhân ở Nga dưới thời Nga hoàng, lúc chủ nghĩa tư bản phát triển. Bằng những mẩu chuyện kể lại tinh thần đấu tranh của nữ công nhân chống lại chế độ khắc nghiệt của phong kiến và tư bản.

Những lý luận đã được chứng minh rằng nữ công nhân nước Nga đã tham gia tích cực vào cuộc Cách mạng Tháng Mười, đã đặt vấn đề giải phóng phụ nữ trên cơ sở giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc.

Nhưng con số và những hình ảnh đã nói lên các biện pháp cụ thể mà Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên-xô đã quan tâm thực hiện để giải phóng phụ nữ khỏi những tàn tích phong kiến, tư sản, huy động lực lượng của phụ nữ vào công cuộc công nghiệp và nông nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hợp tác hóa nông nghiệp, vai trò và khả năng của phụ nữ Liên-xô quan trọng như thế nào và những cuộc cải tạo quan hệ sản xuất cũ đã tác dụng đến việc giải phóng phụ nữ ra sao.

Cuốn sách lại hướng dẫn những thực tế chứng minh để chúng ta hiểu địa vị người phụ nữ Liên-xô hiện nay trong mọi ngành hoạt động: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v...

Ngoài ra, cuốn sách còn nói đến phụ nữ các dân tộc ở miền Đông Liên-xô, dưới chế độ phong kiến, với những tập quán dã man thời đó, và sự tiến bộ vượt bậc của phụ nữ các dân tộc Trung-Á hiện nay. Đây là một cuốn sách có cơ sở lý luận, xem rất dễ hiểu, chúng tôi xuất bản mong góp một phần vào công tác nghiên cứu vấn đề phụ nữ của các cấp ủy Đảng, các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ và các bạn đọc nam, nữ về vấn đề phụ nữ với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó sẽ trực tiếp giúp chúng ta hiểu thêm vấn đề phụ nữ Việt-nam trong thời kỳ quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Ngày 25 tháng 5 năm 1959

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

LỜI NÓI ĐẦU

Việc giải quyết vấn đề phụ nữ là một trong những thành tựu căn bản của chế độ xã hội Xô viết. Đây là một vấn đề có tính chất lịch sử đã giải quyết song song với các vấn đề dân tộc và dân cày ở Liên xô.

Phụ nữ gồm nửa phần dân số của đất nước. Nếu không giải phóng cho họ, không kêu gọi họ tham gia ngang hàng với nam giới trong các hoạt động xã hội, trong công cuộc sản xuất cũng như trong việc quản lý Nhà nước thì không thể nào tạo nên được một chính thể dân chủ xã hội chủ nghĩa và cũng không thể nào thực hiện được các kế hoạch vĩ đại của nền kinh tế quốc gia, đòi hỏi phải sử dụng triệt để tất cả các lực lượng sản xuất trong xã hội xô viết.

Giải phóng cho phụ nữ, chính quyền Xô viết đã giải phóng những lực lượng sáng tạo vô cùng to lớn của hàng triệu phụ nữ lao động, hướng các lực lượng ấy vào việc xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Nhà nước Xô viết không phải chỉ tuyên bố quyền bình đẳng giữa nam nữ mà còn bằng hành động cụ thể, bảo đảm cho phụ nữ có thể tham gia, ngang hàng với nam giới, các mặt hoạt động xã hội kinh tế trong nước và cả việc quản lý Nhà nước nữa. Đảng cộng sản và chính quyền Xô viết vận dụng mọi biện pháp vật chất, pháp lý và tư tưởng, để xóa bỏ mọi hàng rào ngăn cản phụ nữ trở thành người công dân thực sự ngang hàng với nam giới.

Các vấn đề liên quan đến việc đấu tranh thực hiện quyền bình đẳng và giải phóng phụ nữ chiếm một địa vị quan trọng trong các mặt hoạt động của Đảng cộng sản và trong các nghị quyết Đại hội Đảng. Từ Cách mạng tháng 10, hầu hết các đại hội Đảng đều có thông qua các nghị quyết nói về lao động phụ nữ và việc tạo điều kiện cần thiết để phát triển văn hóa cho phụ nữ, thúc đẩy phụ nữ tích cực tham gia mọi ngành hoạt động kinh tế và xã hội.

Hiện nay vấn đề bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong lao động và trong đời sống hàng ngày, vấn đề giáo dục nhi đồng và bảo vệ sản phụ, hài nhi là những vấn đề đang được xúc tiến mạnh mẽ.

Những thiếu sót trong việc xây dựng nhà giữ trẻ vườn trẻ, nhà văn hóa và các sở công cộng khác chứng tỏ một số cán bộ Đảng và chính quyền chưa quan tâm đến việc tạo điều kiện để phụ nữ vừa tham gia kiến thiết xã hội chủ nghĩa vừa có thể chăm sóc đến việc giáo dục con cái, là một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất đối với xã hội.

Dưới ánh sáng của đường lối Đại hội Đảng cộng sản lần thứ 20 rất quan tâm đến quyền lợi phụ nữ lao động trong nhà máy cũng như trong đời sống hàng ngày, việc phổ biến, các mặt hoạt động của Đảng và nhà nước nhằm thực hiện quyền bình đẳng thực sự giữa nam nữ đã có một ý nghĩa đặc biệt. Các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vấn đề phụ nữ ở Liên xô, về phương diện lịch sử cũng như về nhiệm vụ xây dựng xã hội cộng sản hiện nay là những vấn đề vô cùng quan trọng nhưng thực tế rất ít sách vở bàn đến.

Cuốn sách này sẽ phổ biến những công tác mà các cơ quan Xô viết và Đảng đã làm để giải phóng phụ nữ tại xã hội Xô viết.

CHƯƠNG I

PHONG TRÀO NỮ CÔNG NHÂN Ở NƯỚC NGA

Chủ nghĩa tư bản ở Liên-xô phát triển rất nhanh vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, làm cho nền kinh tế quốc dân hoàn toàn phụ thuộc vào những công ty tư bản, những nhóm độc quyền. Con số xí nghiệp, nhà máy ngày càng tăng, thành phố kỹ nghệ mọc lên làm cho con số công nhân những năm 1900 tăng lên đến 2.792.000 người, ở những ngành công nghiệp quan trọng, ngành mỏ, đường sắt.

Việc sử dụng máy móc trong công nghiệp làm cho phương pháp sản xuất đơn giản hóa rất nhiều, việc cải tiến những ngành công nghiệp cho phép người ta sử dụng nhân công phụ nữ, trẻ con không chuyên môn trên một quy mô rộng lớn.

Dưới thời Nga hoàng, việc sử dụng nhân công phụ nữ trong công nghiệp càng tăng. Như vậy, khoảng giữa năm 1901-1903, nếu so sánh tỷ lệ thì số nữ công nhân trong các xí nghiệp lớn tăng hơn rất nhiều so với nam công nhân. Trong khi số thợ nói chung tăng 37% thì nữ công nhân tăng từ 64,1% và nam công nhân chỉ tăng có 27,5%.

Hoàn cảnh nữ công nhân thời Nga hoàng rất đen tối. Không những họ phải chịu chung số phận vô cùng khổ

sở của công nhân, họ lại còn phải chịu những gánh nặng của chế độ tư bản đè nén lên tầng lớp phụ nữ vô sản.

Ở Nga, trước cách mạng, không hề có một hệ thống giáo dục chuyên nghiệp nào nên phụ nữ không thể vào những ngành công nghiệp có tính chất chuyên môn: phụ nữ chỉ làm việc trong những bộ phận chậm tiến nhất, công xá rất thấp. Lao động phụ nữ chủ yếu tập trung vào việc may vá, vào những kỹ nghệ dệt, thực phẩm. Trong ngành công nghiệp nặng, đòi hỏi nhân công trình độ chuyên môn cao nữ công nhân ít được sử dụng.

Chủ nghĩa tư bản đã ngăn trở phụ nữ vào những ngành kỹ nghệ cần đến thợ trình độ chuyên môn cao, giữ lại một nguồn nhân công phụ nữ, nhi đồng rẻ mạt. Nhân công cũng bị liệt vào loại «hạ đẳng», loại nhân công phụ.

Công việc làm ngang nhau nhưng người phụ nữ chỉ được hưởng một số tiền công hai lần ít hơn nam giới và có khi còn kém hơn nữa. Như vậy, công nhật trung bình một người thợ xí nghiệp là 1 rúp 41 kô-pếch, vào tháng 6-1914, công nhật trung bình nữ công nhân chừng 72 kô-pếch, chỉ hơn một nửa.

Mỗi ngày phải làm 10 giờ và có khi còn hơn. Xảy ra một chút lại bị phạt.

Những điều kiện làm việc khổ cực ấy lại càng nặng nề hơn nữa là nhà máy không hề có một phương tiện bảo hộ lao động cho phụ nữ. Do đó, ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe nữ công nhân trong những ngành công nghiệp nặng nhọc và hại cho cơ thể phụ nữ nhất: xí nghiệp thuốc lá, cao su, diêm, v.v...

Hoàn cảnh nữ công nhân có con càng đặc biệt gay go. Không hề có sự bảo hộ người mẹ và trẻ con trong các

xí nghiệp của nước Nga phong kiến. Pháp luật quy định chế độ nghỉ 4 tuần sau khi đẻ và phụ cấp thêm bằng hiện vật, chỉ áp dụng riêng cho nữ công nhân thuộc về công ty bảo hiểm các nhà máy kỹ nghệ, mỏ và sắt thép, khoảng 7,5% nữ công nhân toàn nước Nga. Và ngay ở số bé nhỏ như nữ công nhân đó, pháp luật thực tế vẫn không thực hiện.

Trong những bút ký về hoàn cảnh làm việc của họ trước cách mạng, phụ nữ lao động Nga đã nói đến số phận cực khổ của nữ công nhân có gia đình.

Vì sợ mất việc, lo từng đồng rúp lương, phụ nữ có mang vẫn làm việc đến phút cuối cùng trước lúc đẻ. Một chị công nhân ở nhà máy « Mác-ven » đã viết : « Thường thường, người nữ công nhân ở xa nhà máy (nhà ở càng xa tiền thuê càng rẻ) nhất định là có khi đi trễ... Một phần khác cũng dễ hiểu : con bé đứa mới biết đi, đứa khác lớn hơn một tí, đứa còn bú mẹ... Người nữ công nhân mất ngủ cả đêm... Rồi có đi chậm mươi phút là bị phạt.

Điều kiện lao động của nữ công nhân lại càng nặng nề thêm vì cách đối xử của những kẻ quyền hành trong nhà máy xem phụ nữ như những người thợ thuộc vào hạng thấp nhất.

Năm 1914, tờ báo « Người thợ dệt » của Liên đoàn thợ thuyền dệt ở Pê-téc-bua viết : « Đời sống của nữ công nhân dệt thật khó khăn. Ở nhà máy, họ gần giống như một nô lệ. Họ sợ hết mọi người : cai, ký. Người cai kiểm soát nữ công nhân trong khi làm việc. Có mỏi ngồi xuống một chút là bị ghi phạt ngay. Máy đang chạy bị ngừng người nữ công nhân đi báo người thợ cả, mặt buồn rười rượi. Chắc chắn là chị ta sẽ bị chửi rủa một hồi.

Ngoài ra, chủ còn ép buộc làm những điều sỉ nhục và dọa đuổi nếu chúng tôi không đồng ý, mà mất việc là chết đói ».

Nữ công nhân không những bị đánh đập hành hạ ở trong nhà máy của chủ tư bản, mà còn ngoài nhà máy, ở nhà chung của thợ thuyền. Hoàn cảnh nhà ở của thợ dưới thời Nga hoàng, thật là ghê tởm : họ ở trong những trại bẩn thỉu, tối tăm gần nhà máy, mỗi người và thường khi cả gia đình chỉ có một chỗ bằng chiếc giường con. Trong tập hồi ký của bà P. Kờ-rin-ki-na, công nhân cũ nhà máy A-lếch-xi, có viết : « Người ta cho những người chưa có gia đình đến ở chung một phòng với mỗi gia đình thợ để người phụ nữ phải lo liệu nội trợ cho tất cả. Tôi nhớ có lần lau sàn gần xong rồi đàn ông lại tha giầy lấm bùn khắp chỗ và cứ thế lại phải lau lại.... »

Ngay những ngày lễ, phụ nữ cũng không hề được biết nghỉ ngơi là gì.

Bọn cai đi chơi, còn nữ công nhân thì về nhà nấu bếp dọn dẹp hoặc chăn nuôi.

Điều kiện làm việc và đời sống không thể chịu đựng nổi, bóc lột ngày càng tăng, giám đốc nhà máy độc đoán, cai ký vũ phu, áp bức luôn luôn, thợ không hề có chút quyền lợi gì : đấy là số phận buồn tủi của nữ công nhân thời Nga hoàng. Cho nên ta không lấy làm lạ rằng hoàn cảnh như vậy đã giảm tuổi thọ của phụ nữ, thường mới 30 tuổi đã già. Sự cực khổ không lối thoát và đói khát đã đẩy một số nữ công nhân vào nghề mãi dâm. Năm 1914, tờ báo « Nữ công nhân » viết rằng tiền lương chết đói của nữ công nhân đã đưa đến « đói kém, bệnh tật và đau khổ, làm cho chị em phải bán thân mình để cho gia đình và bản thân khỏi chết đói ».

Có những chị em đã dùng mưu kế như sau : họ mặc giả áo quần nam giới và lấy giấy thông hành là đàn ông.

Chị «Ma-ria» trở thành anh «I-văng». Báo chí có đăng nhiều trường hợp xử án phụ nữ giả làm nam giới, hay khai trong giấy thông hành là nam giới. Người ta kể rằng ở Ka-my-sin, có một phụ nữ cải trang đàn ông đã 10 năm, lấy tên là È-go, trong lúc tên chị là U-li-a-na. Chị làm việc nặng nhọc, khuân vác những tạ hàng lớn... Khi bị chất vấn tại sao chị lại mặc quần áo đàn ông, chị trả lời nếu ăn mặc phụ nữ, chị chỉ được lĩnh 3 hoặc 5 rúp một tháng, chứ như bây giờ mặc nam giới, chị được lĩnh hàng tháng 12 đến 15 rúp.

Về lao động trí óc, phụ nữ cũng không được bình đẳng. Phụ nữ làm thầy thuốc, giáo viên là những trường hợp hiếm hoi.

Theo đúng điều lệ của luật hộ, phụ nữ có thể làm kiểm soát viên, kế toán, đỡ đẻ, phụ máy, pha thuốc v.v... Phụ nữ có thể vào làm các công việc bàn giấy vào các sở kiểm tra của nhà nước, nhưng không được hưởng quyền lợi như viên chức, ngoài ra, không mong được hưởng chức vụ, địa vị gì.

Theo luật pháp, phụ nữ có thể làm nhân viên bưu điện, nhưng dù làm việc họ vẫn không được hưởng số tiền phụ cấp về bộ đồ đồng phục.

Một số phụ nữ làm Bưu điện có nêu thắc mắc thì người ta trả lời rằng : Về việc phụ nữ Bưu điện khiếu nại số tiền phụ cấp đồng phục, ban thanh tra thấy rằng ý kiến đó không hợp pháp vì trong điều luật nói chỉ nam nhân viên mới được hưởng, còn phụ nữ không thấy nói đến. Nên ban thanh tra đề nghị rằng nếu các chị chỉ rõ điều lệ nào định rằng nữ nhân viên Bưu điện cũng như nam nhân viên thì ban thanh tra sẽ trả ngay số tiền khiếu nại đó. Trong gia đình, phụ nữ cũng

không có quyền lợi gì. Về quan hệ hôn nhân, luật pháp Nga hoàng cũng đầy rẫy tư tưởng phong kiến của chế độ :

Luật của nước Nga phong kiến định rõ : Phụ nữ phải vâng lời chồng, chồng là chủ gia đình, vợ phải yêu, phải kính nể và vâng theo vô điều kiện ; vợ phải chiều ý chồng, mọi điều và phải tận tụy với chồng.

Tòa án, cảnh sát, và tất cả cơ quan chính quyền đều phải bảo đảm thi hành điều luật biến người phụ nữ thành nô lệ cho chồng. Phụ nữ cũng không có quyền có giấy thông hành riêng, mà chỉ ghi vào giấy của chồng. Chồng có quyền nhờ cảnh sát can thiệp để bắt vợ về nhà, nếu vì lý do gì vợ bỏ nhà đi.

Về phương diện chính trị, phụ nữ cũng không có chút quyền gì. Điều lệ bầu cử vào nghị viện không cho phụ nữ vào số cử tri. Riêng, một số phụ nữ lớp trên có số ruộng đất nhà cửa nhất định mới được hưởng quyền đó. Nhưng, xét cho cùng, đặc quyền ấy không phải là cho cá nhân họ, nhưng chính là do tài sản của họ. Điều luật nói rõ : « Phụ nữ có thể cử chồng hay con đại biểu cho tài sản mình để tham gia bầu cử ».

Điều lệ bầu cử vào Hội đồng địa phương cho phép phụ nữ được chuyển quyền cho cha, cháu hoặc anh em ngoài chồng và con ra. Chính phủ Nga-hoàng khuyên giải những người phụ nữ được đặc quyền bầu cử rằng họ có thể thực hiện đầy đủ nguyện vọng của họ bằng cách bầu đại diện nam giới vậy. Nhưng, phần đông phụ nữ được đặc quyền bầu cử đó hiểu « quyền lợi » họ một cách khác.

Trong một bức thư gửi Hội đồng hàng tỉnh Mạc-tư-khoa, để đòi quyền tham gia chính quyền địa phương, phụ nữ viết :

« Những người phụ nữ được hưởng đặc quyền bầu cử có quyền trao lại cho những người bà con gần. Nhưng nhiều người thấy rằng thực sự họ mất hết quyền lợi và phụ nữ đi bầu cũng không chắc thấy ý kiến và quyền lợi họ được coi trọng trong các cơ quan chính quyền địa phương. Có nhiều trường hợp mà những người đàn ông đến Hội đồng được là nhờ phụ nữ ủy quyền nhưng trái lại họ phát biểu ý kiến chống đối với nguyện vọng phụ nữ mà họ thay mặt ».

Hàng vạn phụ nữ gửi kiến nghị ngày càng đông yêu cầu bãi bỏ việc bất bình đẳng không xứng với danh dự con người mà nửa nhân số phải chịu đó. Trong một bản kiến nghị, phụ nữ nông dân của chính quyền Tơ-ve, gửi cho các ông nghị sĩ được bầu vào chính quyền : « Chúng tôi rất không bằng lòng về hoàn cảnh chúng tôi. Đàn ông chỉ thích đùa cợt với chúng tôi, nhưng đến việc thảo luận hiện nay về ruộng đất và luật lệ mới thì họ không thèm nói với chúng tôi. Cho đến nay, mặc dù lắm khi họ ngược đãi chúng tôi, công việc làm ăn chúng tôi vẫn giải quyết được thỏa thuận. Ngày nay, họ bảo chúng tôi : « Các bà không bình đẳng với chúng tôi được. Chúng tôi đi họp nghị viện quốc gia và làm việc nước, có thể không phải cá nhân chúng tôi nhưng chúng tôi sẽ bầu các nghị viên... Nếu luật pháp cho chúng ta bình đẳng, thì chúng tôi mới hỏi ý kiến các bà ». Do đó, phụ nữ và nữ thanh niên đều bị loại ra và không có quyền quyết định gì về cuộc đời họ cả. Luật pháp ấy thật bất công, làm cho giữa nam nữ bất hòa và có khi căm ghét nhau nữa. Chúng tôi đã chịu đau khổ chung và nay đến lúc được luật pháp bảo hộ thì người ta không cần đến chúng tôi nữa. Mà thật ra họ không hiểu hết yêu cầu của phụ nữ. Chúng tôi

cũng có thể giải quyết những vấn đề như nam giới. Đàn ông, dù thông minh đến đâu cũng cần đến sự suy luận của đàn bà ».

Vấn đề bình đẳng của phụ nữ về pháp luật đã được n hị viện xét, và cũng đã thành đầu đề cho nhiều cuộc thảo luận sôi nổi ở Viện, lần họp thứ hai, nhưng rồi cũng không có kết quả cụ thể gì.

Sau cùng, đến phiên thứ ba, có đưa ra một dự luật về quyền bầu cử của phụ nữ. Dự luật ấy định rằng: « phụ nữ có quyền bầu và ứng cử vào viện, bình đẳng như nam giới ». Chính phủ Nga hoàng kịch liệt phản đối dự luật ấy.

Trong bản kết luận về dự luật, ông Bộ trưởng Tư pháp Sê-sơ-lô-vi-tốp viết: « Một sự kiểm tra tỉ mỉ về thực tế chứng tỏ mọi nguy hại là phụ nữ ham mê theo những tư tưởng cách mạng, điều đó, theo ý tôi, bắt buộc ta phải hết sức dè dặt đối với việc phụ nữ tham gia hoạt động chính trị... »

« Theo như điều lệ về bầu cử vào Viện phụ nữ có thể tham gia bầu cử bằng cách giao phiếu cho chồng con họ, tôi nghĩ rằng trong hoàn cảnh hiện nay, giao quyền cho phụ nữ ứng cử và bầu cử vào Viện như nam giới là một điều không thể chấp nhận được ».

« Ngày 9-4-1912, Hội đồng bộ trưởng cũng không thừa nhận đề nghị của các ủy viên Viện cho phụ nữ được tham gia bầu cử vào viện ».

Chính phủ Nga hoàng không muốn cho con số cử tri tăng lên chút nào và vài chút quyền lợi phụ nữ giành giật được thường khi cũng bị các công chức không thi hành hoặc làm giảm đi. Như việc Chính phủ cho phụ nữ luật sư được ra cãi ở tòa án. Nhưng thực tế, phụ nữ cũng không thực hiện được quyền đó.

Tháng 11 năm 1909, tòa án địa phương ở Pê-téc-bua, xử một vụ án mà người bào chữa đáng lẽ là một nữ luật sư.

Viên kiểm sư tuyên bố rằng phụ nữ bào chữa là «không hợp pháp». Khi toà án không đồng ý, người biện lý bỏ ra ngay phòng họp, làm cho phiên tòa thất bại. Xảy ra việc đó, vấn đề phải đưa ra thượng nghị viện giải quyết, đồng ý với người biện lý. Như vậy, do sự cố ý hiểu sai một văn kiện pháp lý, phụ nữ mất quyền trạng sư ra cãi trước toà án. Phụ nữ càng hiểu rõ họ bị nô lệ trong gia đình và ngoài xã hội, và thiếu hẳn mọi quyền lợi chính trị và kinh tế, họ càng tham gia đông đảo vào cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp thợ thuyền. Phụ nữ đã góp phần tích cực vào những cuộc đình công của thợ thuyền, vào những cuộc chiến đấu ở đường phố trong cuộc cách mạng 1905.

Bản cáo trạng qui tội 68 ủy viên «những đội phiến loạn» có ghi chị nữ công nhân xưởng Pơ-rô-khơ-rốp, tên là Ma-ri-a Kơ-di-rê-va, luôn luôn đi theo những đội phiến loạn, chị có riêng một khẩu súng lục và có lần đứng gác trên một chiến hào đường phố, đã tự tay bắn vào một toán quân cô-dắc».

Trong kỳ đình công của thợ thuyền ở I-va-nô-vô Vốt-nét-xen một ủy ban xô-viết được thành lập, một trong những xô-viết đầu tiên của đại biểu thợ thuyền ở Nga, đã có rất nhiều nữ công nhân tham gia.

Làn sóng cách mạng năm 1904—1905 lôi cuốn không những chị em nữ công nhân, nhưng còn cả vợ công nhân và phụ nữ nông dân nữa.

Những cuộc bạo động của phụ nữ hình thức phát sinh trong phong trào phụ nữ nông dân thảm gia đấu tranh chống ách áp bức của địa chủ và tàn tích nô lệ của chế độ Nga hoàng đã nổ ra ngay sau khi cách

mạng 1905 bị thất bại. Tờ báo «Sự thật» ngày 11-7-1912 viết rằng: Ở làng Xu-bốp (hạt Bô-rít-xốp, ở Bi-ê-lô-rút-xi) một toán 400 phụ nữ nông dân đã đánh những nhà chức trách đến khoanh đất của những chủ ruộng nhỏ ở địa phương đã lấy của những địa chủ lớn. Sự xung đột ấy do vì dân làng lo mất những đồng cỏ xưa nay vẫn thuộc về họ. Phụ nữ xông lên đánh thật sự, giật những dụng cụ đồ đạc vứt đi và đuổi viên cảnh sát và viên chức trách địa phương.

Phụ nữ công nhân và nông dân tham gia ngày càng đông đảo vào phong trào cách mạng làm cho giới phản động lo ngại.

Năm 1905, khi cuộc đấu tranh cách mạng ở Nga lên cao nhất, những tổ chức phụ nữ tư sản đẻ ra rất nhiều; hoạt động rất tích cực để thu hút phụ nữ và lôi kéo phụ nữ ra khỏi phong trào vô sản.

«Hội phụ nữ đấu tranh cho bình đẳng» thành lập tháng 4-1905 là tổ chức chính trị đầu tiên của phụ nữ ở Nga.

Tổ chức này lấy tôn chỉ: «bảo vệ quyền lợi toàn thể phụ nữ Nga, không kể giai cấp nào», ra sức tập hợp, dưới ngọn cờ của phong trào phụ nữ giải phóng tư sản, tất cả mọi tầng lớp phụ nữ nước Nga.

Hội này tuyên bố ủng hộ chính quyền dân chủ và lấy mục đích đấu tranh cho quyền phổ thông bầu cử «không phân biệt nam nữ, tôn giáo và dân tộc».

Chương trình hoạt động của hội viên phụ nữ giải phóng tư sản đã được trình bày chi tiết trong tập «Dự án luật về quyền bình đẳng của phụ nữ».

Bản dự án bênh vực quyền lợi đại biểu giai cấp tư sản và không đề cập gì đến quyền lợi của người lao động: không hề có một câu nào nói đến sự cần thiết

bảo vệ lao động cho nữ công nhân, yêu cầu việc làm ngang nhau, tiền lương ngang nhau, bảo vệ quyền lợi người mẹ và nhi đồng.

Nhưng nhờ có sự đấu tranh cho quyền tuyển cử phổ thông, Hội phụ nữ giải phóng cũng được phụ nữ mọi tầng lớp biết đến. Con số hội viên lên đến 8.000 người và chi nhánh được thành lập trong nhiều thành phố.

Nhưng sau đó, tổ chức phụ nữ này lấy tiếng là « Siêu giai cấp », bắt đầu tan rã. Từ buổi mét-tinh đầu tiên tổ chức ở Pê-téc-bua, nữ công nhân đã đưa yêu sách về quyền lợi của nữ công nhân và nữ nông dân, đối chọi lại bản đề nghị của những người tổ chức mét-tinh.

Phái phụ nữ giải phóng tư sản không chấp nhận yêu sách đó và quyết nghị bảo hộ quyền lợi chính trị của phụ nữ nói chung, không hề nhắc đến quyền lợi cơ bản của nữ công nhân và nữ nông dân.

Phong trào phụ nữ tư sản biểu hiện quyền lợi của giai cấp tư sản đang tìm cách liên kết với Nga hoàng để đàn áp cách mạng và yêu cầu cho nhân dân vài điều cải cách không quan trọng gì, để xoa dịu quần chúng, chia rẽ lực lượng cách mạng và để cho cách mạng đừng nổ ra.

Những người phụ nữ tiền phong của nước Nga đã sớm thấy được âm mưu của phụ nữ giải phóng tư sản. Phong trào này kêu gọi đoàn kết phụ nữ không phân biệt giai cấp nên đã gặp sức phản đối mãnh liệt của phụ nữ lao động, không những ở những nơi trung tâm kỹ nghệ mà thôi, mà cả khắp nơi phụ nữ tư sản tuyên truyền thủ tiêu đấu tranh giai cấp.

Một dẫn chứng đặc biệt là hội nghị phụ nữ Xa-ra-tốp (Saratov) họp năm 1905 có 800 người dự, một đại diện cho « Hội phụ nữ bình đẳng » từ Mạc-tư-khoa về trình bày một bản báo cáo. Người này lên tiếng trách móc

phụ nữ Nga không hiểu rõ nhiệm vụ của mình và nói: «Nam giới bao giờ cũng tìm cách hạn chế quyền lợi phụ nữ; và phụ nữ cần phải biết phân biệt ai bạn, ai thù.»

Như vậy, người ta bảo phụ nữ thủ tiêu đấu tranh giai cấp và đi sâu vào mâu thuẫn giữa nam và nữ, và do đó làm yếu phong trào cách mạng giải phóng.

Phụ nữ lao động Nga hiểu rõ rằng phong trào phụ nữ giải phóng là một phong trào tư sản, hoàn toàn xa lạ với mọi nguyện vọng của họ và họ chỉ có thể bảo vệ được quyền lợi kinh tế, quyền lợi người mẹ và người công dân bằng cách tập hợp dưới ngọn cờ của giai cấp vô sản.

Đảng Bôn-sơ-vích là một đảng duy nhất ở Nga đấu tranh có đường lối để thủ tiêu hoàn toàn tàn tích phong kiến đang áp bức người phụ nữ.

Trong một buổi nói chuyện với nữ đồng chí Cờ-la-ra Dét-kin (Clara Jetkin) Lê-nin nhấn mạnh rằng Đảng cộng sản ra sức thực hiện quyền bình đẳng hoàn toàn cho phụ nữ. Lê-nin nói rằng: «Chúng ta căm ghét và muốn xóa bỏ tất cả mọi sự đàn áp và làm khổ người nữ công nhân, người vợ công nhân, người nữ nông dân, người vợ của người cùng khổ và ngay cả người vợ của những tầng lớp giàu sang nữa, và về nhiều mặt.»

Báo chí của Đảng và đầu tiên là tờ «Sự thật» đã đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc giáo dục chính trị cho quần chúng phụ nữ.

Báo Sự thật theo dõi rất chăm chú hoạt động cách mạng của nữ công nhân và giúp đỡ hướng dẫn họ.

Tháng giêng 1913, một cuộc đình công nổ ra ở những xí nghiệp dệt mới ở Pê-téc-bua (Pétesbourg), do sáng kiến của nữ công nhân dệt; cuộc đình công ấy đang

lan rộng thì bị công đoàn vàng phá hoại, báo Sự thật đã công khai phê bình những kẻ phá hoại cuộc đình công đó.

Lần đầu tiên ở Nga, ngày Phụ nữ quốc tế được cử hành ngày 8 tháng 3 năm 1913. Báo Sự thật dành một phần quan trọng cho cuộc lễ đó; báo loan tin rộng rãi cho độc giả biết việc chuẩn bị và chương trình ngày lễ Tháng giêng năm 1913, tờ báo dành riêng một mục: «Công việc và đời sống nữ công nhân», tường thuật những cuộc hội nghị, mét tinh của nam nữ công nhân nhân ngày Phụ nữ quốc tế và công bố những quyết nghị của các cuộc hội họp, mét tinh đó.

Đầu năm 1914, tờ tập san «Người nữ công nhân» ra đời, do sáng kiến của Lê-nin.

Quần chúng thợ thuyền vui vẻ đón chào tờ tập san đó, trung tâm của phong trào nữ công nhân ở Nga.

Nữ công nhân ở xí nghiệp «Nô-vy-di-va» đã tỏ lòng thiết tha của họ đối với tờ báo bằng những câu: «Chúng tôi, những người nữ công nhân mác-xít chân chính, chúng tôi nồng nhiệt chào mừng tờ báo nữ công nhân, xu hướng mác-xít, như người phản ảnh mọi yêu cầu của nữ công nhân và người bảo vệ quyền lợi của công nhân nói chung. Sự thành lập một cơ quan tuyên truyền của phụ nữ giúp cho toàn thể phụ nữ vô sản theo dõi đời sống của nữ công nhân chúng tôi và sử dụng được những cột báo để tố cáo mọi điều vi phạm vào quyền lợi của phụ nữ và nữ công nhân».

Chiến tranh 1914 đã đình chỉ tờ tập san sau này cho đến tháng 3 năm 1917, báo mới ra lại. Báo đã giúp cho nữ công nhân định rõ phương hướng trong hoàn cảnh quốc tế phức tạp lúc đó, báo chỉ rõ cho họ con đường đi đến chấm dứt chiến tranh và phục hồi kinh tế. Nữ

công nhân đóng góp vào cuộc Đại cách mạng tháng 10 một phần quan trọng xứng đáng với những người nữ đại diện cho vô sản Nga.

Lịch sử Cách mạng đã ghi những thành tích dũng cảm của nữ công nhân Pê-tơ-rô-gờ-rát, trong việc chuẩn bị và chiến đấu cho chính quyền xô-viết. Nữ công nhân thủ đô Pê-tơ-rô-gờ-rát cũng tham gia chiến đấu chống bọn sinh viên sĩ quan, cùng đào hầm và canh gác như nam công nhân.

Những đơn vị Tự vệ đỏ được thành lập trong các xí nghiệp gồm nhiều phụ nữ.

Chị nữ công nhân Rơ-ri-ô-nô-va, của kho tàu điện Vát-xi-lép-ki ở Pê-tơ-rô-gờ-rát, kể rằng kho ấy có nhiều vũ khí: «Ngay lúc trước khi nổ ra cách mạng, công nhân đã chia nhau vũ khí, vậy là đội tự vệ đỏ của chúng tôi gồm có nam, nữ công nhân được thành lập. Những toán sinh viên sĩ quan được điều đến để thiết lập trật tự trong khu vực đó, đã bị nữ công nhân chống đỡ lại kịch liệt.

Mỗi sinh viên sĩ quan, dù «hùng hổ» đến mấy, cũng mất hẳn cả vẻ «hiếu chiến» khi đứng trước mặt một chị nữ công nhân. Rất đông phụ nữ tham gia vào các cuộc chiến đấu tháng Mười ở Mạc-tư-khoa.

Nữ công nhân ở xưởng Cao-súc đã viết: «Trong những ngày Cách mạng tháng 10, xí nghiệp chúng tôi đã trở thành một chiến trường thật sự. Một đơn vị nữ y tá gồm toàn nữ công nhân; chúng tôi đi thám thính, chúng tôi đảm nhiệm việc điện thoại. Khắp nơi, ở cương vị chiến đấu nào cũng có phụ nữ.

Những ủy ban Cách mạng ở Mạc-tư-khoa, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cũng có ủy viên phụ nữ.

Người phụ trách một đơn vị tự vệ đỏ thành lập ở Uy-ờ-ren năm 1917, đã viết trong bút ký: «Cho đến nay,

tôi vẫn nhớ lại những cuộc chiến đấu nhờ chí kiên quyết và dũng cảm của phụ nữ mà đơn vị tôi đã chuyển được từ cầm cự sang tấn công... »

Phong trào nữ công nhân ở Nga đã ghi vào lịch sử như một bộ phận không thể thiếu được của cuộc chiến đấu cách mạng của quần chúng bị áp bức đứng lên xóa bỏ mọi hình thức nô lệ.

CHƯƠNG II

CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ Ở LIÊN-XÔ

1. Thực hiện quyền nam nữ bình đẳng hoàn toàn những ngày đầu của chính quyền xô-viết.

Cuộc đại cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng mười Nga đã giải phóng phụ nữ hoàn toàn khỏi mọi hình thức nô lệ và tủi nhục.

Vấn đề giải phóng phụ nữ là thuộc tính chất xã hội của cuộc cách mạng tháng mười.

Ngay những tháng đầu, Nhà nước Xô-viết trẻ tuổi đã thực hiện việc thay đổi căn bản về luật, bãi bỏ triệt để tất cả mọi luật phong kiến bó buộc người phụ nữ không được ngang hàng với nam giới ở trong đời sống xã hội cũng như trong gia đình.

Trong những đạo luật tháng Mười, dành riêng một chỗ đặc biệt cho những văn kiện về luật pháp nhằm xóa bỏ hoàn toàn sự bất bình đẳng giữa nam nữ trong đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa.

Hiến pháp đầu tiên của nước Cộng hòa Liên bang Nga tháng 7 năm 1918, tuyên bố nam nữ hoàn toàn bình đẳng về chính trị và về quyền công dân.

Hiến pháp công nhận phụ nữ có quyền bầu cử và ứng cử vào mọi cơ quan chính quyền Nhà nước.

Sự bình đẳng về chính trị cho phép hàng triệu phụ nữ lao động góp phần tích cực vào hoạt động xã hội trong nước, vào việc lãnh đạo các công tác chung.

Xuất phát từ nguyên tắc chủ nghĩa xã hội và lao động không bao giờ tách rời nhau và xã hội mới chỉ có thể xây dựng được là nhờ ở sự lao động của đại đa số nhân dân trong nước, nên Chính phủ Liên-xô đã tiến hành cải cách căn bản trong vấn đề luật pháp về lao động.

Ngày 29 tháng Mười năm 1917, 4 ngày sau khi giai cấp thợ thuyền nắm chính quyền, đạo luật ngày làm 8 giờ được ban bố. Đạo luật này thiết lập chế độ ngày làm 8 giờ, hạn chế những giờ làm phụ, cấm việc phụ nữ và thiếu niên dưới 16 tuổi làm đêm, không cho dùng phụ nữ và thiếu niên dưới 18 tuổi vào công việc dưới hầm. Đạo luật này gồm có nhiều điều khoản khác rất quan trọng mà giai cấp thợ thuyền đã đấu tranh một thời gian dài với chủ nghĩa tư bản và nay là nền tảng của luật pháp lao động xô viết:

Ngày 14 tháng 11 năm 1917, Chính phủ xô-viết ra một bản thông cáo, trình bày chương trình của Chính phủ trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội. Đạo luật về bảo hộ thợ thuyền trường hợp đau ốm đã thay đổi căn bản những luật cũ về bảo hiểm: từ nay những luật mới này thực hiện cho tất cả thợ thuyền, viên chức, không phân biệt; phụ cấp bệnh tật cũng bằng nguyên lương đồng thời với phụ cấp sinh đẻ trong thời gian 2 tháng trước và sau khi đẻ. Đạo luật này lại tiếp liền bản

nghị định của Hội đồng đại biểu nhân dân về chế độ nghỉ, cho phép công nhân hàng năm được nghỉ một lần được Chính phủ đài thọ.

Những nguyên tắc cần thiết về những điều khoản hiến pháp và tất cả pháp luật xô viết được ban hành ngay thời kỳ đầu, của Nhà nước Xô-viết đã loại trừ mọi khả năng phân biệt đối xử với phụ nữ.

Nhưng dù sao, những thành kiến ăn sâu trong đầu óc người ta hàng thế kỷ, về khả năng lao động phụ nữ cũng không phải dễ dàng xóa bỏ và thỉnh thoảng, qua những kỳ trả lương hay tuyển thợ vào, những thành kiến ấy lại bộc lộ ra bằng những sự vi phạm vào luật pháp Xô-viết về quyền bình đẳng hoàn toàn của phụ nữ. Do đó, không những Nhà nước xô viết đã ban hành những sắc luật chung về quyền bình đẳng giữa nam nữ trước luật pháp, mà còn tăng cường thêm nguyên tắc việc làm ngang nhau tiền lương ngang nhau bằng một đạo luật tiếp sau nữa.

Đạo luật «Tiền lương công nhân viên chức trong những xí nghiệp, công sở Xô-viết» ra ngày 1 tháng 9 năm 1918, quy định tiền lương tối thiểu «một người thợ đến tuổi trưởng thành không phân biệt nam nữ».

Quyền lợi cũng được bảo đảm thêm nữa do sắc lệnh: «Quy tắc chung về giá cả» trong đó có chỉ rõ «phụ nữ làm công việc giống như nam giới, về số lượng và chất lượng» đều được hưởng lương ngang nhau.

Luật pháp xô viết về lao động giải phóng phụ nữ dưới 16 tuổi, và trên 40 tuổi, và những chị em có con dưới 8 tuổi mà không có người trông, khỏi những công tác lao động chung.

Nghị định của Ủy ban nhân dân lao động nước cộng hòa liên bang Nga ngày 16 tháng 7 năm 1925, công bố rằng đối với những người mẹ không chồng có con dưới

một năm chỉ trường hợp đặc biệt và được phép của ban thanh tra lao động mới được đưa ra ngoài biên chế. Quyết định này được ghi vào bộ luật lao động hiện hành của nước cộng hòa liên bang Nga.

Như vậy, từ khi Nhà nước Xô-viết ra đời, sự ban hành luật pháp về quyền bình đẳng hoàn toàn giữa nam nữ đã được bảo đảm về kinh tế và pháp lý.

Sự xóa bỏ luật pháp tư sản về gia đình và hôn nhân là một yếu tố quan trọng bậc nhất về vấn đề giải phóng phụ nữ.

Sắc lệnh về hôn nhân ngày 18 tháng 12 năm 1917, ban bố quyền bình đẳng tuyệt đối giữa vợ chồng trong quan hệ đôi bên. Việc tuyên lễ ở nhà thờ không cần thiết. Một đạo luật về ly dị đồng thời ban bố ngày 18 tháng 12 năm 1917 đã đóng một vai trò không kém phần quan trọng trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa nam nữ.

Theo như sắc luật thời Nga hoàng cấm ly dị. Luật pháp có nói đến một số trường hợp có thể đưa đến việc ly dị trong đó phải do sự ngoại tình của một bên.

Nhưng việc ngoại tình đó phải có hai người làm chứng. Sự bó buộc phải ăn ở với nhau đó đã làm cho người phụ nữ yếu hơn và phụ thuộc hơn, phải sống trong hoàn cảnh cực kỳ đau khổ. Cho nên người ta không ngạc nhiên khi thấy trong nước Nga trước Cách mạng có những cuộc hôn nhân xung khắc đã kết liễu bằng những việc giết người hoặc tự tử.

Nhờ có sắc lệnh về ly dị, do chính quyền xô viết ban hành, có nhiều cuộc hôn nhân xung khắc mà phụ nữ là nạn nhân chính đã được hủy bỏ. Quyền lợi và nhiệm vụ của bố mẹ cũng được bình đẳng.

Trong xã hội xô viết, hôn nhân trở thành một sự hợp tác tự do bằng lòng của mỗi người đàn ông và người đàn bà, dựa trên tình yêu và tình bạn đối với nhau.

Sự xóa bỏ mọi phân biệt với những trẻ con hoang thai cũng góp phần quan trọng vào việc giải phóng phụ nữ. Lê-nin cho rằng việc ban hành luật pháp về quyền lợi của những trẻ con đẻ hoang ngang như trẻ con có giá thú, là một trong những thắng lợi quan trọng của nền dân chủ xã hội trong những năm đầu của chính quyền xô-viết.

Như vậy, chính quyền ấy là chính quyền của người lao động đã thực hiện một cuộc cách mạng thực sự trong nền pháp lý quan hệ đến quyền lợi phụ nữ và nhi đồng.

Lần đầu tiên trong lịch sử, người phụ nữ được hưởng mọi quyền bình đẳng với nam giới trong mọi phạm vi hoạt động xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa.

Nhưng, sự ban bố pháp luật về quyền bình đẳng của phụ nữ không thể bản thân nó giải quyết được vấn đề phụ nữ vì, như Lê-nin đã nói: « *Sự bình đẳng trên pháp lý chưa phải là sự bình đẳng trong đời sống* ».

2. Biện pháp mà Đảng cộng sản và Nhà nước Xô-viết đã thực hành để giải phóng phụ nữ.

Sự tuyên bố hoàn toàn bình đẳng giữa mọi công dân nam nữ, chỉ là bước đầu trên con đường giải phóng phụ nữ.

Lê-nin viết: « Muốn giải phóng hoàn toàn cho phụ nữ và muốn họ thực sự bình đẳng với nam giới, cần phải xây dựng một nền kinh tế quốc gia mà trong đó phụ nữ đều tham gia lao động chung. Như vậy, họ sẽ chiếm một địa vị ngang như nam giới ».

Sau khi đã giải phóng phụ nữ một cách hợp pháp khỏi đời sống hàng ngày, cần phải đưa họ vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, làm cho họ thành người tham gia tích cực vào những cải cách xã hội.

Xóa bỏ quyền tư hữu ruộng đất, xí nghiệp, nhà máy để thành của chung nhân dân, cuộc đại cách mạng xã hội tháng Mười Nga đã tạo điều kiện khách quan cần thiết để thực hiện nguyên lý của Lê-nin về việc biến chuyển quan hệ bình đẳng trước pháp luật sang « bình đẳng thực sự », tức là thực sự giải phóng phụ nữ.

Sau Cuộc cách mạng tháng Mười, khi mọi tay lái chỉ huy về kinh tế thuộc về trong tay Nhà nước, một thời đại mới mở đầu trong việc phát triển kinh tế ở nước Nga Xô-viết. Mục đích của việc sản xuất xã hội không phải để thỏa mãn lợi nhuận tối đa cho những kẻ có phương tiện sản xuất, mà là để thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng cao của tất cả xã hội, trên cơ sở phát triển và cải tiến không ngừng nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Do đó có sự phù hợp với những biện pháp cụ thể mà Đảng và Chính phủ thi hành để dần dần giải phóng thực sự cho phụ nữ, để thực hiện quyền bình đẳng giữa nam nữ trước pháp lý.

Nền tảng vật chất cho một sự bình đẳng thực sự giữa nam nữ được củng cố và phát triển trong xã hội xô-viết nhanh chóng chừng nào là do kỹ thuật và lực lượng sản xuất của xã hội được phát triển và tiến bộ.

Đặt vấn đề thực sự giải phóng phụ nữ trong toàn bộ chương trình kiến thiết xã hội mới, Đảng Cộng sản và Chính phủ xô-viết đã đáp ứng hai yêu cầu cần thiết của chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin-nít về những biện pháp cụ thể để giải quyết vấn đề phụ nữ.

Điều thứ nhất, cần quan tâm đến những đặc điểm sinh lý của cơ thể người phụ nữ và trước hết những nhu cầu của người phụ nữ mà là những người mẹ. Vì vậy, những biện pháp mà Đảng và Chính phủ đã thực hành để cho phụ nữ tham gia vào việc sản xuất và hoạt động xã hội dính liền với việc bảo hộ hoàn toàn của Nhà nước đối với lao động phụ nữ, với phụ nữ và nhi đồng.

Điều thứ hai, cần phải quan tâm đến quá khứ lịch sử những người phụ nữ lao động trong những xã hội bóc lột. Họ đã chịu một hoàn cảnh phụ thuộc vào gia đình riêng và đã bị mất một phần hoặc tất cả quyền lợi xã hội, làm cho họ tách khỏi đời sống công cộng. Điều đó đòi hỏi một công tác riêng trong giới phụ nữ, chú ý đến đặc điểm riêng về đời sống và tâm lý họ, đồng thời cần thiết xây dựng và thực hiện những biện pháp nhằm thanh toán sự lạc hậu về văn hóa cho các tầng lớp phụ nữ lao động, cần thiết đấu tranh kiên quyết chống những tàn tích cũ, di sản tư tưởng của những giai cấp bóc lột xem người phụ nữ như một lớp người hạ đẳng ».

Sự bảo hộ của Nhà nước đối với người mẹ và đứa trẻ đã có một ý nghĩa đặc biệt về phương diện thực hiện quyền bình đẳng và giải phóng thực sự người phụ nữ.

Nhà nước không chỉ hạn chế trong việc ban bố một đạo luật về bảo hộ phụ nữ và nhi đồng : Nhà nước còn bảo đảm bằng điều kiện vật chất.

Ít lâu sau khi cách mạng thành công, một đạo luật về bảo hộ phụ nữ và nhi đồng được ký ở nước Cộng hòa xô-viết.

Đạo luật này quy định một ban bảo vệ người mẹ và trẻ con được thiết lập bên cạnh Bộ Cứu tế xã hội « để

nghiên cứu về những vấn đề và sự thực hiện những biện pháp cấp bách về việc bảo hộ phụ nữ, bảo hộ sự sinh đẻ của phụ nữ như một nhiệm vụ xã hội của phụ nữ, và việc bảo hộ nhi đồng, nhiệm vụ của Nhà nước ».

Phương châm tổ chức những nhà bảo trợ người mẹ và nhi đồng nói rõ rằng: « Tất cả mọi nhà ở, lớn nhỏ, của Bộ cứu tế xã hội, dành cho trẻ em, từ những trường học ở các thành phố, thủ đô cho đến những hài nhi viện ở thôn quê v.v... đều thuộc về một tổ chức duy nhất của Nhà nước, thuộc về Ban bảo trợ Thai sản và trẻ em, để thành một hệ thống với những nhà hộ sinh vì những nhà nuôi trẻ tiếp tục nhiệm vụ của quốc gia là đào tạo những người công dân lành mạnh về tinh thần và cơ thể ».

Những căn nhà đẹp nhất dành cho những nhà trẻ, hộ sinh, nhà của sản phụ, nhi đồng.

Đây là một quyết định đáng chú ý trong thời kỳ đó, ra đời năm 1919, sau một cuộc hội nghị toàn thể của một xí nghiệp miền I-va-nô-vơ Vô-nét-xen: « Để giải phóng về kinh tế cho phụ nữ, và để tổ chức đời sống trên những cơ sở mới, xã hội chủ nghĩa », nam nữ công nhân xí nghiệp đề nghị Đảng ủy giúp đỡ để các cơ quan có trách nhiệm nhượng lại ngôi nhà cũ của tên chủ Ti-khơ-mi-rốp cho Ban nữ công để Ban nữ công tổ chức một nhóm trẻ và một ấu trĩ viên cho công nhân, viên chức trong nhà máy. Mặc dầu những khó khăn không thể tưởng tượng được do hậu quả chiến tranh và kinh tế quốc gia bị tàn phá, nhưng đã có 1.500 căn nhà để bảo hộ sản phụ và nhi đồng thành lập trong những năm 1919 — 1920, trong đó có 567 nhóm trẻ, 108 nhà hộ sinh, 197 phòng khám bệnh, 108 nơi cho sữa và

Mát-scơ-va, trước đây năm 1913 con số trẻ em dưới 1 năm bị chết là 26,3% năm 1923 giảm xuống 13,7%. Và dưới chính quyền Tơ-ve, cùng thời gian đó từ 36,9% xuống 14,8%.

Việc tổ chức ăn chung, đã giải thoát phụ nữ khỏi việc bếp núc, góp phần quan trọng vào việc giải phóng họ. Từ những ngày đầu chính quyền xô-viết đã quan tâm nhiều đến điều đó.

Con số căng-tin và phòng ăn mỗi năm càng tăng lên. Những nhà ăn đã đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp ăn uống cho trẻ em và nhân dân thành phố và những trung tâm kỹ nghệ, với những bữa ăn rẻ tiền mà ngon trong những năm nội chiến, còn có nhiều khó khăn đặc biệt về tiếp tế.

Người phụ nữ trở thành người công dân bình đẳng về quyền lợi trong xã hội xô viết, từ nay, được giải phóng góp phần tích cực vào việc xây dựng đời sống mới.

Vấn đề căn bản đặt ra cho quốc gia, ngay sau nội chiến, là việc phục hồi nền kinh tế quốc dân bị rối loạn hoàn toàn vì những năm dài chiến tranh.

Vấn đề phức tạp đó có một tầm quan trọng sống còn chỉ có thể giải quyết trong những thời hạn lịch sử ngắn với sự tham gia có ý thức của đông đảo quần chúng lao động, trong đó bao gồm phụ nữ.

Sự phục hồi kinh tế quốc dân, đòi hỏi trước tiên trong những điều kiện lúc đó, là sự kiến thiết lại những công trình công nghiệp nhẹ và thực phẩm, gồm đến 2 phần 3 sản xuất công nghiệp trong nước. Phụ nữ chiếm hơn một phần nửa số công nhân. Điều rõ ràng là nếu không có sự lao động đầy hy sinh, nếu không có tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp và những khả năng tổ chức của họ thì không thể nào phục hồi được công nghiệp trong một tương lai rất gần.

207 nhà nuôi trẻ sơ sinh, so sánh với nước Nga phong kiến chỉ có 554 nhà cho trẻ con và 5 nhà cho phụ nữ có mang và đến đẻ.

Điều lệ về bảo hiểm xã hội cho những người lao động, ngày 31 tháng 10 năm 1918, đã quy định tiền phụ cấp thai nghén, cho con bú cũng như chế độ nghỉ ngơi về có thai và sinh đẻ.

Trong những năm khó khăn sau chiến tranh, trong lúc thợ thuyền ở Mạc-tư-khoa và Pê-tơ-rô-gờ-rát hai ngày mới được một góc bánh thì Nhà nước xô-viết vẫn chăm nom đến những người mẹ và những em bé. Từ tháng 7 năm 1919 đã có những « phụ cấp sữa » và phiếu thực phẩm gọi là « phiếu người mẹ ».

Những món phụ cấp ấy đài thọ trong 7 tháng kể từ ngày đẻ, cũng ngang bằng tiền lương người mẹ đó và đối với những người nội trợ gia đình, thì cũng ngang bằng tiền lương trung bình ở địa phương. « Phiếu người mẹ », ngoài việc cung cấp khẩu phần người thợ, còn phụ thêm thực phẩm riêng cho những người phụ nữ có thai, quá 8 tháng cũng như những người mẹ có con dưới 7 tháng, mà không phải thuộc tầng lớp làm ruộng.

Ngày 17 tháng 5 năm 1919, được ban hành sắc lệnh về thực phẩm cho trẻ con không mất tiền, theo đó, tất cả những thức ăn do cơ quan tiếp tế địa phương cung cấp cho trẻ em 14 tuổi trở xuống, đều được Chính phủ đài thọ. Nghị định này sau được thực hiện rộng rãi cả trẻ em 16 tuổi.

Mặc dầu đấu tranh giai cấp gay go, và có nhiều khó khăn về kinh tế phải khắc phục, nhà nước Xô-viết đã săn sóc các em không phân biệt một ai. Kết quả là từ những năm đầu của chính quyền xô-viết, con số trẻ em chết giảm đi rất đáng kể. Như vậy, dưới chính quyền

Vì vậy, chính phủ rất quan tâm đến lao động của phụ nữ, đến sự tham gia của phụ nữ vào công cuộc đấu tranh phục hồi công nghiệp và nông nghiệp. Trong những năm đầu phục hồi kinh tế, do việc giải ngũ và phục viên những công nhân có trình độ kỹ thuật nên con số phụ nữ trong các ngành kỹ nghệ có cơ giảm sút. Phụ nữ nói chung ai không chuyên môn và ít năng suất đều bị ra biên chế.

Những biện pháp căn bản được thi hành để bảo đảm việc làm của phụ nữ trong các xí nghiệp. Một nghị định riêng của chính phủ chỉ thị về việc biên chế kiện toàn, có nói rõ nữ công nhân theo năng suất và trình độ chuyên môn ngang như nam giới, cũng chỉ biên chế theo những đều kiện chung. Nữ công nhân không chồng có con bé dưới một năm, được hưởng quyền ưu tiên trong việc biên chế. Con cái nữ công nhân ra biên chế vẫn được quyền gửi nhóm và ấu trĩ viên của xí nghiệp. Nữ công nhân có mang chỉ biên chế trong những trường hợp đặc biệt và sau khi được sự đồng ý của thanh tra lao động hoặc ủy ban bảo vệ quyền lợi thợ thuyền. Về sau, chỉ thị biên chế quy định phụ nữ có một trình độ chuyên môn như nam giới và làm những công việc giống nhau, chỉ có thể đưa ra khỏi biên chế theo 1 tỷ lệ ngang với tỷ lệ đối với nam giới.

Đại hội thứ 13 của Đảng vào tháng 5 năm 1924, nhấn mạnh rằng sự giữ lại nhân công phụ nữ trong các xí nghiệp có một tầm quan trọng chính trị. Đại hội giao nhiệm vụ cho các tổ chức của Đảng và các tổ chức kinh tế tăng cường công tác vận động phụ nữ và trước tiên, công tác nâng cao trình độ chuyên môn và làm cho họ tham gia được rộng rãi vào các ngành kỹ nghệ mà cho đến lúc đó, lao động phụ nữ chưa hề hoặc chưa

sử dụng đủ. Đại hội thấy rằng việc tiếp tục mở những cơ quan góp phần vào việc giải phóng phụ nữ là cần thiết.

Công tác đó làm để thu hút phụ nữ tham gia sản xuất xã hội chẳng bao lâu đã có kết quả: từ năm 1924, việc giảm bớt lao động phụ nữ trong công nghiệp đã chấm dứt. Trong những năm 1924, 1925, 217.400 nữ công nhân mới được tuyển lựa vào nhà máy, xí nghiệp, tỷ lệ tăng hơn 50% nhân công phụ nữ trong nền đại công nghiệp. Đấy là một thắng lợi.

Năm 1922, trong kỳ kỷ niệm lần thứ năm cuộc cách mạng tháng 10. Đảng Cộng sản kêu gọi phụ nữ ra sức tham gia xây dựng và phát triển nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Nữ công nhân hưởng ứng lời kêu gọi bằng cách tăng năng suất, bằng việc phát huy sáng kiến trong lao động.

3. Phụ nữ tham gia hoạt động xã hội và chính trị.

Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của chính quyền xô-viết là việc hủy bỏ mọi tàn tích bất bình đẳng về quyền lợi của phụ nữ, là việc biến đổi phụ nữ thành người xây dựng tích cực cho xã hội mới.

Đảng và Chính phủ xô-viết đã tạo mọi điều kiện cần thiết để quần chúng lao động phụ nữ ngày càng tham gia đông đảo, tích cực vào đời sống xã hội và chính trị. Nhưng trình độ văn hóa còn lạc hậu của phụ nữ công nhân và nông dân, di sản của chế độ phong kiến, đời sống tôi tớ gia đình của phụ nữ, việc phụ thuộc về kinh tế vào đàn ông và nhiều kết quả của cuộc đời nô lệ hàng nghìn năm đã hạn chế họ tham gia xây dựng xã hội chủ nghĩa với một tỷ lệ đúng theo yêu cầu. Vượt

qua những khó khăn lớn lao, chính quyền xô-viết kiên quyết áp dụng phương châm phong phú của nền dân chủ xã hội, để nữ công nhân và nữ nông dân tham gia đóng góp vào hoạt động xã hội và chính trị.

Hội nghị toàn quốc nữ công nhân và nữ nông dân do Ban chấp hành Trung ương Đảng triệu tập đã họp tháng 11 năm 1918.

Hơn 1.000 đại biểu, thay mặt cho một triệu phụ nữ, tham gia hội nghị. Chương trình nghị sự gồm những vấn đề liên quan đến việc phụ nữ tham gia xây dựng xã hội chủ nghĩa và việc thực hiện chương trình giải phóng phụ nữ.

Đại hội thảo luận nhiều vấn đề quan trọng về vai trò và lao động phụ nữ ở nhà máy, sự bảo hộ sản phụ nhi đồng, giáo dục xã hội chủ nghĩa cho con cái do Nhà nước đài thọ, việc thành lập những hình thức sinh hoạt mới để góp phần giải phóng phụ nữ trong đời sống hàng ngày. Đại hội có quyết nghị: « Cần phải thành lập ở nông thôn cũng như thành phố, những nhà ăn, nhà giặt, những xưởng vá và mạng quần áo, xưởng lau chùi nhà cửa v.v... để có thể thay thế cái soong, chảo, chậu giặt hàng bao đời nay.

Lê-nin phát biểu trước hội nghị, đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phụ nữ tham gia trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng đời sống mới. Lê-nin nói: « nếu đại đa số phụ nữ lao động không tham gia đông đảo thì không thể nào có cách mạng xã hội chủ nghĩa được ».

Đại hội toàn quốc đầu tiên của nữ công nhân và nữ nông dân đã đóng một vai trò hàng đầu trong việc phụ nữ tham gia xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nó đã có giá trị lịch sử là đặt nền móng cho việc tổ chức giáo dục tư tưởng cho nữ công nhân và nữ nông dân nước Cộng

hòa xã hội xô-viết và đánh dấu một công tác vận động phụ nữ có phương pháp, kế hoạch. Bản thân Đảng nhận lấy trách nhiệm tổ chức công tác này. Bên cạnh các đảng ủy địa phương đều có các ủy ban tuyên truyền nữ công nhân, mà nhiệm vụ chính là gây ý thức giai cấp trong quần chúng vô sản phụ nữ, để đào tạo những người xây dựng tích cực xã hội xã hội chủ nghĩa.

Những ủy ban này triệu tập phụ nữ hội họp trong nhà máy, xí nghiệp, tổ chức các buổi nói chuyện và nhiều mét-tinh địa phương, từng miền, từng hạt, để thảo luận những vấn đề thời sự cần lấy ý kiến quyết định.

Công tác vận động phụ nữ chiếm một địa vị trọng yếu trong sự hoạt động của các tổ chức Đảng, trong phạm vi công tác tuyên truyền. Báo chí cũng rất quan tâm đến việc giáo dục chính trị cho quần chúng phụ nữ. Các báo « Công xã » ở Mạc-tư-khoa và tờ « Tạp chí đỏ » Pê-tơ-rô-grát mở những mục: « Trang nữ công nhân ». Phụ nữ cũng được kêu gọi tham gia vào công việc của các xô-viết.

Nhưng, nạn mù chữ còn nhiều trong nữ công nhân và nữ nông dân là một trở lực không những cho việc phụ nữ tham gia vào lãnh đạo các công việc chung, mà còn trở ngại cho việc giáo dục chính trị. Vì vậy, việc giáo dục chính trị phải kết hợp chặt chẽ với việc xóa nạn mù chữ trong giới phụ nữ.

Lê-nin chỉ rõ rằng khi mà nạn mù chữ vẫn còn tồn tại thì rất khó nói đến giáo dục chính trị vì người không biết chữ xa lạ với mọi thứ chính trị. Cần phải dạy họ học chữ trước nếu, không: « thì không thể nào có chính trị, mà là những chuyện ngồi lê, nói xấu, chuyện thần tiên, ma quỉ mà không phải là chuyện chính trị ».

Năm 1919, trong lúc nội chiến đang quyết liệt. Chính phủ xô-viết ban bố một đạo luật về thanh toán mù chữ trong toàn Liên bang xô-viết. Tất cả những người mù chữ từ 8 đến 50 tuổi đều phải đến trường học riêng. Bộ máy Nhà nước với tất cả các ngành phụ thuộc đều tham gia vào công tác này, mà sắc lệnh đã ban bố. Một phong trào yêu nước chống nạn mù chữ lan tràn trong quần chúng lao động toàn quốc. Không những chỉ những cán bộ giáo dục mà nói chung, ai biết đọc, biết viết cũng đều dạy những người mù chữ học. Một tổ chức quần chúng mới là hội : « Diệt nạn mù chữ », đẻ ra trong phong trào chống nạn dốt.

Một hệ thống trường thanh toán nạn mù chữ bao trùm khắp nước. Trong số 17 triệu người ghi tên có 14 triệu phụ nữ.

Ngày 1 tháng 9 năm 1920, Liên bang xô-viết gồm có 24.650 lớp thanh toán mù chữ ; con số ấy lên đến 37.170, ngày 1 tháng 10 năm 1921.

Trong năm năm đầu chính quyền xô-viết, chỉ riêng trong vùng Mạc-tư-khoa, có 77.930 người (mà 90% là phụ nữ) học đọc, học viết.

Một phong trào quần chúng như vậy lôi cuốn không những chỉ những người tổ chức và người dạy các lớp đó, mà cả những học sinh tham dự các buổi nói chuyện chính trị và giáo dục, cũng tham gia hoạt động xã hội. Như vậy việc giáo dục phổ thông hòa lẫn với giáo dục chính trị.

Các công đoàn, phụ trách việc thanh toán nạn mù chữ cho đoàn viên, đặc biệt chú ý đến việc giáo dục phụ nữ, trước tiên là nữ công nhân ; việc học chữ trong các trường này lại được bổ túc thêm phần nghiệp vụ để tăng thêm trình độ chuyên môn cho họ. Nữ công nhân, nữ nông dân và phụ nữ gia đình trong số những người

phụ nữ giác ngộ nhất, gia nhập hàng ngũ những người xây dựng xã hội chủ nghĩa ngày thêm đông đảo. Quần chúng phụ nữ giác ngộ chính trị ngày càng cao và hoạt động xã hội ngày càng đông đặt trước mắt các tổ chức Đảng những vấn đề mới liên quan đến việc đông đảo quần chúng phụ nữ tham gia hoạt động trong các ngành xã hội và các công tác chung.

Theo đúng những lời chỉ dẫn của Trung ương Đảng, những ủy ban Tuyên truyền trong nữ công nhân mùa thu 1919 đã đổi thành Ban công tác vận động phụ nữ, gọi là «Tiểu ban phụ vận» bên cạnh là các Hội. Hội nghị phụ nữ đại biểu có nhiệm vụ thu hút hàng ngàn, vạn phụ nữ tham gia kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Từ khi chính quyền xô viết ra đời, phụ nữ tham gia tích cực vào các công tác của các tổ chức xã hội và tổ chức Đảng. Phụ nữ đã chiến đấu dũng cảm quên mình chống thù trong, giặc ngoài bảo vệ nước Cộng hòa trẻ tuổi. Trong thời kỳ nội chiến, nữ công nhân xung phong ra tiền tuyến làm y tá, không những họ tham gia trong các đơn vị hậu cần của Hồng quân hoặc trong các đơn vị du kích, mà còn trực tiếp chiến đấu. Trong những năm 1919-1920, gần 6.000 nữ công nhân ra tiền tuyến, sau khi học lớp nữ y tá ngắn ngày. Khi những toán quân I-u-đê-nít tiến đến Pê-tơ-rô-gờ-rát, phụ nữ đã bảo vệ thành phố, vũ khí trong tay.

Báo cáo của Đảng ủy ở Cờ-rông-tát năm 1919, nói rõ có 25 nữ công nhân học xong lớp nữ y tá đã ra tiền tuyến. Một người bị bạch vệ bắn chết, hai người khác bị bắt làm tù binh, nhưng sau đó đã vượt ngục, năm nữ y tá nữa chuyển sang mặt trận phía đông, còn những người kia ở lại và tham gia chiến đấu tích cực chống quân thù, và săn sóc người bị thương trong những trận ném bom ở thành phố và trong các trận không chiến.

Cùng thời gian đó, báo cáo của Đảng ủy Kôn-pi-nô nói đến sự tham gia tích cực của phụ nữ để bảo vệ thành phố.

Trong nhà thương, phụ nữ Liên-xô săn sóc chiến sĩ Hồng quân, quyên góp quà bánh và gửi ra mặt trận giúp đỡ các gia đình binh sĩ.

Lê-nin khen ngợi lòng yêu nước và nghị lực của phụ nữ biểu lộ trong cách mạng và trong cuộc nội chiến. Trong một buổi nói chuyện với Ca-la-ra Zét-kin, Lê-nin nhắc đến tư cách đáng quý của những người phụ nữ vô sản trong cuộc cách mạng, Lê-nin nói: — «Theo ý tôi, không có phụ nữ, cách mạng không thể thắng lợi được, hoặc không nữa thì cũng khó thắng được. Phụ nữ đã chứng tỏ họ dũng cảm biết chừng nào và bây giờ nữa, họ cũng thật can đảm — Ta hãy nghĩ đến những đau khổ và thiếu thốn họ phải chịu đựng — Nhưng họ đã kiên trì được, vì họ đã muốn bảo vệ xô-viết, vì họ muốn tự do và ưa thích chủ nghĩa cộng sản».

Vai trò phụ nữ lại đặc biệt quan trọng khi hòa bình trở lại. Ở đâu có các tiểu ban phụ vận, công việc ngày càng có tính chất phong phú và càng phát triển nhanh. Hàng nghìn phụ nữ nông dân và công nhân theo học các lớp và trường Đảng; đại biểu các tiểu ban phụ vận tham gia vào công việc các xô viết, các tổ chức công đoàn và Hợp tác xã. Khắp nơi đều có những buổi nói chuyện của phụ nữ lao động.

Cùng với những hội nghị đại biểu, các tiểu ban phụ vận lúc đó là hình thức thích hợp nhất để thu hút rộng rãi quần chúng phụ nữ lao động tham gia tích cực vào lãnh đạo công việc Nhà nước.

Việc nhân dân lao động tham gia vào công việc của Nhà nước qua các tổ chức quần chúng là một trong những đặc tính của nền dân chủ xô-viết thực sự nhân dân.

Các hội nghị đại biểu, thành lập bên cạnh các tiểu ban phụ vận đều làm trung gian giữa Đảng, chính quyền xô-viết với quảng đại quần chúng phụ nữ lao động bằng một sợi giây vững chắc.

Trong những cuộc hội họp chung của thợ thuyền và đặc biệt trong các cuộc mét-tinh của nông dân, phụ nữ không dám phát biểu vì người ta chưa quen, với việc phụ nữ tham gia lãnh đạo công việc chung thì ở các cuộc họp riêng của đại biểu giới mình, phụ nữ đã mạnh dạn lên tiếng. Đối với họ, đấy là một trường học thực hành.

Các hội nghị đại biểu gồm có nhiều nhất là 70 đại biểu nữ công nhân, nữ nông dân, viên chức và nội trợ, bầu trong thời hạn một năm. Các đại biểu dự các cuộc nói chuyện, tham gia những buổi tọa đàm về những đề tài chính trị và giáo dục, nghe những báo cáo của các nhà phụ trách các cơ quan giáo dục xô-viết, sau đó họ thảo luận phê bình khuyết điểm và đưa đề nghị yêu cầu. Như vậy, họ tập quen dần công tác xã hội. Những đại biểu của các tiểu ban phụ vận tham gia tích cực vào việc thực hiện những biện pháp chính quyền xô-viết đưa ra như việc đấu tranh chống trẻ con đi lang thang, ủng hộ bệnh binh, thương binh, tổ chức việc tiếp tế công cộng, việc bảo hộ sản phụ, nhi đồng.

Các đại biểu ấy đã đóng một vai trò đặc biệt trong cuộc đấu tranh chống nạn đói hoành hành ở vùng Vôn-ga năm 1921. Chính họ đã đảm nhiệm được phần việc kết quả nhất của các tổ chức giúp đỡ những người bị đói như việc tổ chức các đội thường trực ở các ga xe lửa, để đón những trẻ em các vùng bị đói và đưa đến những miền no đủ hơn, việc săn sóc những trẻ em, tổ chức các nhà ăn để nuôi những người bị nạn đói và may quần áo cho họ. Các chị em đó đã làm

những công tác phức tạp và quan trọng ấy cùng với rất nhiều tình cảm và ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình đối với quốc gia. Nhờ sáng kiến của họ, cả một phong trào rộng rãi trong nhân dân U-cờ-ren đến nuôi dỡ đầu các trẻ em từ những vùng đói kém đưa đến.

Phụ nữ lại tổ chức trong toàn quốc những ngày thứ bảy và chủ nhật cộng sản để giúp đỡ những người bị đói, tổ chức những vườn trẻ, nhà ăn.

Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1921, nữ công nhân Mạc-tư-khoa đã may được 5.000 bộ quần áo cho trẻ em vùng Su-vát.

Theo tờ báo «Nữ công nhân U-ran» chỉ riêng trong hạt Péc-nơ, đã có 2.974 đại biểu các tiểu ban phụ vận tham gia trong năm 1924 vào việc chống đói. Ngoài ra có 634 ngày thứ bảy cộng sản được tổ chức để giúp đỡ các vườn trẻ và trường học. Nhờ sự cố gắng của nữ nông dân và đại biểu, 4 nhóm trẻ và 100 nhà ăn cho nạn nhân đói được mở ra trong các làng cho mùa hạ. Gần 2.000 trẻ em được thâu nhận và đưa vào nhà nuôi trẻ.

Các đại biểu ban phụ nữ và nữ công nhân các thành phố tham gia tích cực vào những ngày chủ nhật cộng sản tổ chức ở nông thôn để ủng hộ các gia đình binh sĩ. Trong hạt I-va-nô-vô Vốt-nét, chỉ trong năm 1920, đã có 50 ngày chủ nhật cộng sản chủ nghĩa, có 32.308 phụ nữ tham gia.

Công việc to tát mà các đại biểu phụ nữ đã làm, cũng như mọi quan hệ tốt của họ với quảng đại phụ nữ lao động đã làm cho nhân dân rất tín nhiệm. Các đại biểu phụ nữ hội họp, hoạt động luôn luôn làm cho công nhân ngày càng chú ý.

Trong mười lăm năm đầu hoạt động của các tiểu ban phụ vận, gần 10 triệu phụ nữ lao động đã tham gia hội

họp. Những người phụ nữ ấy là những tuyên truyền viên đắc lực nhất cho những nguyên tắc chính quyền xô-viết trong các tầng lớp nhân dân sâu rộng. Các tiểu ban phụ vận đã làm một công tác vĩ đại để lôi cuốn phụ nữ vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, dựa vào cuộc đấu tranh những người cho đến nay còn bàng quan về chính trị và đã mất lòng tin vào danh dự con người, sống mòn trong đói khổ, thất vọng, mất lòng tin cả vào danh dự con người, và không nghĩ rằng họ cũng có quyền sống thật ra sống.

Ngày 8 tháng 3, thi sĩ Mai-a-cốp-ki đã chào mừng các đại biểu bằng mấy câu thơ:

« Các chị từ nhà máy, đồng ruộng,
Từ gia đình lại,
Mái tóc phất phơ buộc chiếc khăn đỏ tươi,
Đại biểu cho hàng trăm triệu phụ nữ,
Được cử ra để xây dựng, lãnh đạo Nước nhà.

Cách mạng tháng Mười thay đổi địa vị người phụ nữ một cách thật căn bản và nhanh chóng đến nỗi ý thức tư tưởng nam giới, thường thường vẫn lạc hậu so với hoàn cảnh xã hội thực tế của họ, chấp nhận rất khó khăn tất cả sự đổi mới đó.

Đảng bèn đặt vấn đề tẩy trừ mọi tàn tích của tư tưởng tư sản đã ngăn trở việc phụ nữ tham gia hoạt động xã hội và công tác chung như nam giới. Đảng xem đó như một nhiệm vụ chính trị bậc nhất, đòi hỏi một công tác giáo dục trong toàn dân.

Để giải quyết vấn đề này, nhiều biện pháp đã được thực hiện chứng tỏ tất cả tầm quan trọng của việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa để phát triển và củng cố nền dân chủ xô viết.

Những biện pháp này nhằm xóa bỏ hoàn toàn mọi dấu vết của sự bất bình đẳng trước đây của phụ nữ,

những ý nghĩ sẵn có về phụ nữ còn tồn tại trong những tầng lớp lạc hậu của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân.

Chính quyền xô-viết đã thực hiện một loạt biện pháp để giúp cho phụ nữ có thể tham gia mọi công tác của các tổ chức lãnh đạo Nhà Nước — Các ủy ban xô-viết, vào việc xây dựng những tổ chức giúp cho người phụ nữ giải phóng khỏi đời sống nội trợ bếp núc.

Tháng tư năm 1921, Hội đồng ủy viên nhân dân đã ra sắc lệnh về việc nữ công nhân và nữ nông dân tham gia hoạt động trong các cơ quan Nhà nước để bảo đảm mối liên hệ giữa cơ quan Nhà nước và tầng lớp đông đảo nhân dân lao động, và để cho các cơ quan này thêm nhiều chất nhựa sống và dần dần xóa bỏ hết mọi nhân tố quan liêu bên trong.

Đạo luật này góp phần đưa hàng ngàn đại biểu các tiểu ban phụ vận vào bộ máy Nhà nước Xô-viết.

Ở Xi-bê-ri, từ 1921, gần 3.000 người tập sự làm việc trong các Xô-viết, ở Mạc-tư-khoa 899, trong hạt Tơ-sa-rít-xin, 4.000 phụ nữ. Ở Xa-ra-tốp có 1.500 người tập sự từ nông thôn ra. Một số các chị đó được bổ nhiệm và sau đó giữ những trách nhiệm quan trọng.

« Những khăn san đỏ » (tên gọi các đại biểu phụ nữ, phần đông quàng khăn san đỏ) đi sâu vào hoạt động của các cơ quan kinh tế, vạch ra những phần tử quan liêu xa rời quần chúng, thẳng thắn phê bình một cách có ý thức những kẻ làm việc thiếu nhiệt tình. Trong các Xô-viết và trong các văn phòng Ủy ban hành chính, nữ công nhân và nữ nông dân đã tỏ ra những người phục vụ nhân dân rất tốt.

Sự tham gia của nữ công nhân và nữ nông dân vào hoạt động chính trị trong nước ngày càng rộng rãi.

Trong các cơ quan Xô-viết và các tổ chức Đảng, nhiều cán bộ phụ nữ mới làm việc rất nhiệt tình đã thực hiện chương trình xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Việc thành lập các phòng ăn và nhà nuôi trẻ đã có từ những ngày đầu của chính quyền xô-viết và không hề ngừng tiến hành, ngay trong những năm nội chiến khó khăn và cả lúc chống ngoại xâm. Mặc dù như vậy kết quả công việc cũng chưa đáp ứng, và còn xa mới đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Việc thành lập cơ sở vật chất để giải phóng cho phụ nữ chỉ mới là bước đầu.

Nhưng, nền kinh tế quốc dân ngày càng phục hồi và lực lượng kinh tế ngày càng được vững chắc, thì cơ sở vật chất ấy càng phát triển và củng cố, và phụ nữ ngày càng có thể tham gia thật đông đảo vào việc kiến thiết xã hội.

Đuổi ngoại xâm rồi, nhân dân các nước xô-viết họp lại thành Liên bang xô-viết và, trong sự hợp tác anh em, ngày càng củng cố lực lượng kinh tế và quốc phòng của mỗi nước.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 13 chỉ rõ những biện pháp cụ thể cần làm để phụ nữ lao động được tham gia vào công tác của bộ máy Nhà nước và các tổ chức chung, và việc giải thoát hoàn toàn phụ nữ khỏi việc nội trợ gia đình.

Nghị quyết Đại hội lần thứ 13 về vấn đề phụ nữ đã được phổ biến bằng nhiều điều luật mục đích để tăng cường việc phụ nữ tham gia công việc của các Xô-viết.

Các xô-viết địa phương đều được chỉ thị thực hiện mọi cách để tăng cường việc phụ nữ nông dân và công nhân nông nghiệp tham gia hoạt động xã hội và để bầu những chị em ưu tú vào các ủy ban hành chính ở thôn xã, và các hạt, các khu.

Ở đâu mà tỷ lệ phụ nữ tham gia cuộc bầu cử ít ỏi thì các ủy ban kiểm soát cuộc bầu tuyên bố xóa bỏ và bầu lại. Vậy nên năm 1924, trong khu tự trị Tác-ta, chỉ có 12,5% cử tri phu nữ tham gia bầu xô-viết địa phương. Ban kiểm soát bầu cử trung ương đã xóa bỏ cuộc bầu và bắt bầu lại, lần sau này rất đông cử tri phụ nữ tham gia tích cực.

Năm 1922, các xô-viết nông thôn chỉ có 1% phu nữ. Năm 1925, con số đã tăng lên 8,6%. Cùng năm đó, xô-viết thành phố có 10,3%, đến năm 1926, có 18,2%. Còn xô-viết nông thôn, cũng thời gian đó, con số phụ nữ đã tăng 9,9%.

Những con số trên chứng tỏ trình độ chính trị và văn hóa của quần chúng phụ nữ và sự hoạt động xã hội của họ đã tăng lên đáng kể, và các tổ chức Đảng và cơ quan Nhà nước đã làm rất nhiều để gạt bỏ những chướng ngại vật kìm hãm việc phụ nữ tham gia lãnh đạo Nhà nước.

Một trong những biểu hiện rực rỡ nhất về hoạt động chính trị của quần chúng phụ nữ là con số nữ đoàn viên công đoàn và nữ đảng viên Cộng sản ngày càng tăng nhanh. Năm 1923, công đoàn có 1 triệu 449 ngàn nữ đoàn viên mà năm 1927, có 2 triệu 569 ngàn, tỷ lệ 26,1% tổng số đoàn viên.

Năm 1922, có 4 vạn phụ nữ trong hàng ngũ Đảng cộng sản, 7,8% tổng số đảng viên, năm 1927, có 14 vạn 7.513 nữ đảng viên chính thức và dự bị, 13,1% tổng số đảng viên.

Báo chí xô-viết đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phổ biến những kết quả công tác của phụ nữ lao động Liên-xô trong mọi lĩnh vực. Hơn 70 tờ báo có những « trang phụ nữ » riêng để dành cho công tác vận động phụ nữ của Đảng, cho thành tích lao động của phụ nữ, và để nâng cao trình độ văn hóa cho phụ nữ.

Các tạp chí « nữ đảng viên », « nữ công nhân », « nữ nông dân », « nữ đại biểu », « nữ hoạt động » ra thường xuyên, là những người tuyên truyền, tổ chức tập thể cho quần chúng phụ nữ, những người lần đầu tiên trong lịch sử, tự bản thân mình tham gia hoạt động xã hội và chính trị. Trong những báo chí giá trị ấy, tờ tạp chí « Người nữ đảng viên » ra đời từ năm 1920 đến 1930, cơ quan của tiểu ban phụ vận của Trung ương Đảng, đã đóng một vai trò quan trọng bậc nhất. Chủ nhiệm lâu dài của tờ báo là bà Kơ-rúp-kai-a (vợ đồng chí Lê-nin) và ban biên tập gồm những cán bộ phụ vận xuất sắc ở Liên-xô và các cán bộ của phong trào phụ nữ quốc tế như bà Kô-lông-tai, Ác-măng và Ni-cô-lai-va.

Tờ tạp chí này bình luận rộng rãi về công tác vận động phụ nữ. Mọi vấn đề về công tác phụ nữ khác nhau trong mọi tầng lớp xã hội, mọi dân tộc, nghề nghiệp đều được nêu ra thảo luận trên báo. Tờ tạp chí đăng thường xuyên những bài kinh nghiệm vận động phụ nữ, của các tổ chức phụ nữ, tờ báo trở thành trung tâm lý luận của phong trào phụ nữ công nhân không những chỉ ở Liên-xô, mà còn cả ra nước ngoài nữa.

Muốn cho phụ nữ tham gia lãnh đạo Nhà nước, không những phải nâng cao trình độ văn hóa cho phụ nữ và dạy họ công tác chính quyền mà còn phải vượt qua một trở lực quan trọng, di sản của xã hội tư sản, đấy là thái độ khinh thị không tin tưởng ở khả năng hoạt động của phụ nữ trong công tác xã hội và chính quyền và đặc biệt nhất là công tác lãnh đạo.

Công tác giáo dục văn hóa chính trị và tổ chức nhằm thu hút đại đa số quần chúng phụ nữ tham gia hoạt động xã hội, đã làm cho quyền lợi chính trị của phụ nữ có giá trị thực tế và trở thành những quyền lợi thực tại mà phụ nữ được hưởng trong đời sống hàng ngày.

4. Vai trò công nghiệp hóa và tập thể hóa trong việc đấu tranh thực hiện bình đẳng của phụ nữ ở Liên-xô.

Cuối năm 1925, việc khôi phục kinh tế quốc dân đã hoàn thành về căn bản. Vấn đề triển vọng, tính chất và phương hướng phát triển. Liên bang xô-viết được đặt ra một cách nổi bật.

Tháng 12 năm 1925, Đại hội Đảng lần thứ 14 khai mạc, Đại hội đã đặt vấn đề công nghiệp hóa toàn quốc.

Xây dựng một nước đến lúc đó chỉ là nông nghiệp thành một nước công nghiệp, có khả năng sản xuất lấy mọi thiết bị cần thiết, đấy là đường lối của đảng.

Nếu không có sự tham gia tích cực của phụ nữ vào nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vào sản xuất công nghiệp, không thể nào thực hiện được những chương trình vĩ đại mà Đảng đã vạch ra Việc thi hành một chính sách đưa phụ nữ tham gia vào các ngành kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch, mới bảo đảm được nhân công cần thiết trong các ngành sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Giữa những năm 1923 — 1929, con số nữ công nhân trong nền đại công nghiệp tăng gần gấp đôi, từ 40 vạn 3 nghìn lên 80 vạn 4 nghìn. Năm 1929, phụ nữ đã chiếm 34,2% tổng số thợ kỹ nghệ.

Những việc phụ nữ tham gia vào sản xuất xã hội chủ nghĩa chỉ giải quyết một phần vấn đề phụ nữ tham gia công tác xã hội. Cần phải làm cho lao động của họ ngày càng nhiều năng suất và trình độ chuyên môn cao hơn, nhờ có tập sự nghiệp vụ trước. Chỉ có sau khi thoát khỏi tình trạng lạc hậu về văn hóa và chuyên môn, nữ công nhân mới có thể thực hiện được bình đẳng giữa nam nữ về phương diện kinh tế, và mới áp dụng hoàn toàn quyền lợi việc làm ngang nhau, tiền công ngang nhau, mới có quyền làm nghề mình muốn chọn

và mới giữ được bất cứ cương vị lãnh đạo nào. Phụ nữ có thể đấu tranh tăng năng suất, cải tiến chất lượng và giảm giá thành khi mà họ đã trở thành những người thợ có trình độ chuyên môn khá.

Lương nữ công nhân tính theo năng suất của họ, vì vậy năng suất lao động của phụ nữ có một tác dụng trực tiếp đến đời sống của giai cấp công nhân nói chung.

Nếu phụ nữ không nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn, thì phụ nữ không thể giữ một địa vị ở Liên-xô, thực sự bình đẳng với nam giới, không những trong địa vị kinh tế, mà cả trong đời sống xã hội và chính trị.

Vấn đề nâng cao trình độ chuyên môn cho lao động phụ nữ chỉ có thể giải quyết bằng cách rèn luyện cho quần chúng phụ nữ vào việc học chuyên môn, bằng cách giao cho họ những công tác đòi hỏi một tinh thần tự động hơn.

Các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội tạo điều kiện thuận lợi để bảo đảm nền giáo dục phổ thông và nghề nghiệp cho phụ nữ.

Mọi sự cố gắng tập trung trước hết vào việc thanh toán nạn mù chữ trong nữ công nhân, việc phổ biến nền giáo dục phổ thông và nghề nghiệp cho nữ thanh niên. Để đạt mục đích ấy, những lớp buổi tối được mở ra trong các nhóm giữ trẻ và vườn trẻ để nữ công nhân có thể đến học hoặc tham gia một công tác xã hội.

Ngay những năm đầu của chính quyền xô-viết, phụ nữ Liên-xô tỏ rõ lòng khát khao đặc biệt đối với việc mở rộng kiến thức, văn hóa qua các lớp học thanh toán mù chữ, qua sự hoạt động của các đại biểu các ban công tác phụ vận. Trong thời kỳ này, có hàng triệu nữ công nhân và nông dân học đọc, học viết, hàng ngàn phụ nữ có kiến thức là nhờ các lớp học nghiệp vụ, các trường đại học công nhân và các trường cao đẳng.

Cơ sở vật chất của nền giáo dục quốc gia phát triển song song với việc phát triển kinh tế. Từ năm 1929 đến 1932, dự trù ngân sách cho việc giáo dục của nước Nga và các nước Cộng hòa liên bang tăng gấp 3 lần, từ 1 tỷ 116 triệu 80 vạn rúp năm 1929, tăng lên 3 tỷ, 817 triệu 30 vạn rúp năm 1932.

Từ kế hoạch 5 năm đầu, việc giáo dục phổ thông và nghề nghiệp cho người lao động, trong đó có phụ nữ, đã tiến bộ rất nhiều. Dưới đây là bản chỉ rõ con số phụ nữ trong các trường học lúc đó.

TRƯỜNG HỌC	1925 — 1926	1931 — 1932
Đại học thợ thuyền	6.800	117.700
Trường chuyên nghiệp trung cấp	71.500	272.300
Trường cao đẳng	50.700	148.400

Nhờ có nền giáo dục phổ thông bắt buộc và những biện pháp khác của Đảng và Nhà nước, việc tham gia của nữ thanh niên vào các ngành hoạt động xã hội và kinh tế ngày càng tăng không ngừng.

Sự phát triển rực rỡ của công nghiệp, kinh tế quốc gia nói chung, đảm bảo nâng cao đời sống vật chất và trình độ văn hóa cho nhân dân lao động. Con số học sinh, trong tất cả các cấp ở Liên-xô, tăng từ 14 triệu 358 ngàn năm 1929 lên 26 triệu 419 ngàn năm 1933. Năm 1928, trong các trường chuyên nghiệp trung cấp, 37,6% tổng số học sinh là phụ nữ, con số ấy năm 1938 lên đến 51,6%.

Phụ nữ có kiến thức chuyên môn làm đông thêm hàng ngũ trí thức xô viết. Con số phụ nữ có một nền học thức cao đẳng tăng lên là một trong những thành quả của chế độ xô-viết.

Năm 1928, phụ nữ chiếm 28,1% tổng số sinh viên các trường cao đẳng Liên-xô, năm 1938, con số ấy tăng lên 43,1%. Tỷ lệ phụ nữ trong số sinh viên các trường cao đẳng kỹ thuật rất quan trọng, chứng minh một cách tốt đẹp sự bình đẳng giữa lao động phụ nữ và nam giới trong xã hội xô-viết, mồng 1 tháng giêng năm 1938, 28% sinh viên các trường ấy là phụ nữ. Năm 1936, trong số kỹ sư và kỹ thuật viên nền đại công nghiệp, 15% là phụ nữ. Từ năm 1929 đến 1936, con số nữ công nhân và viên chức trong các ngành kinh tế Liên-xô tăng lên thêm 5 triệu.

Không những phần công việc của phụ nữ trong nền kinh tế quốc gia đã thay đổi rất đột biến mà điều quan trọng nữa là, tính chất công việc cũng đã thay đổi.

Trong nước Nga phong kiến, 55% phụ nữ có lương đều làm việc theo tính chất tôi tớ hoặc công nhật, 25% nữ công nhân nông nghiệp và chỉ 13% trong công nghiệp, chủ yếu làm những việc không cần đến một sự hiểu biết chuyên môn gì.

Hoàn cảnh này đã thay đổi rõ rệt trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa: lao động phụ nữ, bỏ những khu vực năng suất thấp, hướng đến những phạm vi năng suất cao, những ngành chìa khóa của nền đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Cuối kế hoạch 5 năm lần thứ hai, hàng vạn phụ nữ làm thợ luyện kim hóa chất, thợ mỏ trong số công nhân kỹ nghệ xô-viết.

Bảng sau đây chỉ rõ nhịp điệu khác thường của lao động phụ nữ tăng lên trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân Liên-xô, một sự phát triển đã xóa nhòa sự khác nhau giữa các công việc « của nam giới » và « của nữ giới ».

Con số nữ công nhân đại công nghiệp (gồm cả thợ học việc) tính theo tỷ lệ % trong tổng số công nhân :

NGÀNH CÔNG NGHIỆP	1913	1928	I/VI 1936
Đại công nghiệp nói chung	24,5	28,6	40,1
Công nghiệp vải sợi	56,6	61,3	68,8
Công nghiệp len	41,7	49,7	63,2
Công nghiệp than đá	3,6	7,6	23,6
Công nghiệp luyện kim và máy móc	4,2	8,9	26,9
Công nghiệp gỗ	9,9	17,2	39,0

Nhìn bảng trên này, ta thấy rằng lao động phụ nữ ngày càng trở nên quan trọng trong ngành kỹ nghệ dệt mà trước đây phụ nữ đã làm, và ngoài ra, ngày càng đặc biệt hướng về những ngành kinh tế quốc dân mà trước đây thường xem như chỉ riêng nam giới làm được, như công nghiệp mỏ, luyện kim và gỗ, trước kia phụ nữ ít làm (dù chỉ làm những việc không chuyên môn hóa). Sự phát triển kỹ thuật, cơ khí hóa công việc, giảm nhẹ rất nhiều công việc của công nhân, tạo cho phụ nữ có điều kiện làm những nghề đơn thuần « nam giới » và thay thế nam giới trong những ngành chính của công nghiệp. Năm 1934, phụ nữ gồm 21,8% tổng số thợ gang thép và gần 1/2 số chị em đó đã trở thành thợ chuyên môn : thợ máy thợ đúc khuôn v.v... Trong số công nhân ngành công nghiệp mỏ, xưa nay vẫn xem như một ngành công nghiệp căn bản là do « nam giới », đến năm 1935 đã có 27,9% là phụ nữ.

Năm 1925, 6,8% kỹ sư ở xưởng và bàn giấy công nghiệp hóa chất ở Liên-xô là phụ nữ ; con số ấy năm 1934 tăng lên đến 14,2%. Trong thời gian ấy, con số phụ nữ ở phòng thí nghiệm từ 22,5% lên 74,9% ; con số phụ nữ kế toán từ 2,8% lên 19,2%.

Sự thay đổi về tính chất công việc phụ nữ trong công nghiệp, tất nhiên có ảnh hưởng lớn đến tiền lương của nữ công nhân.

Tháng 10 năm 1934, tiền lương nữ công nhân làm máy trong công nghiệp xây dựng cơ khí, so với tiền lương của nam công nhân cùng ngành theo tỷ lệ như sau:

Tiền lương phụ nữ tính theo phần trăm so với lương nam công nhân:

NGÀNH CÔNG NGHIỆP	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
Kiến thiết điện khí hóa			
Thợ tiện kim khí	108,0	97,1	
Thợ tiện ở ban tiện rê-vôn-ve	102,4	92,1	
Công nghiệp ô-tô và máy kéo			
Thợ tiện kim khí	102,7	91,5	87,7
Thợ tiện ở ban tiện rê-vôn-ve		104,2	

Bảng trên đây chứng tỏ, từ đầu kế hoạch 5 năm lần thứ hai, tiền lương trong một ngành công nghiệp tính chất «nam giới» như ngành cơ khí, cũng chỉ thay đổi theo trình độ chuyên môn của cá nhân người thợ, chứ không phải vì họ là nam hay nữ.

Việc tham gia của phụ nữ ngày càng rộng rãi vào các ngành kinh tế quốc dân cùng đi đôi với sự giải phóng liên tục của phụ nữ trong đời sống hàng ngày. Công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa đòi hỏi, trong thời gian gấp rút, tổ chức những công trình có tính chất lợi ích xã hội và công cộng, để có thể làm nhẹ bớt công việc nội trợ cho người phụ nữ.

Ngân sách Liên-xô, các nước Cộng hòa liên bang và các xô-viết địa phương, các cơ quan Nhà nước đều dành những số vốn đặc biệt để lập những nhà bảo vệ

sản phụ, nhi đồng, để thỏa mãn những nhu cầu vật chất và nâng cao trình độ văn hóa cho nữ công nhân và nữ nông dân.

Sự săn sóc của Nhà nước Xô-viết đối với nữ công nhân, có gia đình, đã có kết quả nhanh chóng. Trong các nhóm trẻ số chỗ tính theo 1 ngàn nữ công nhân đã từ 18,8 năm 1923 lên 40,8 năm 1932. Trong thời gian đó, Nhà nước Xô-viết đã nỗ lực rất nhiều để tổ chức việc ăn công cộng.

Những xưởng nấu ăn đã được thành lập năm 1925 trong các trung tâm kỹ nghệ và sau đó, trong khắp các thành phố ở Liên-xô.

Việc tổ chức ăn chung trong phạm vi toàn quốc, dựa trên một cơ sở khoa học và kỹ thuật, góp phần giải phóng phụ nữ khỏi một phần công việc nhà. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất dành cho việc tổ chức ăn chung số tiền là 156 triệu rúp, và định lập 200 xưởng nấu ăn. Những nhiệm vụ mà kế hoạch 5 năm lần thứ hai định làm về việc tổ chức ăn chung đã thực hiện vượt mức quá 6 lần. Cuối năm 1932, các công trình tổ chức ăn chung đã phục vụ cho 70 % thợ các ngành chìa khóa trong công nghiệp.

Đầu kế hoạch năm năm lần thứ nhất, 750.000 công nhân, viên chức các vùng thành thị đã đến phòng ăn chung, nhưng đến đầu năm 1934, nghĩa là sau khi thực hiện kế hoạch 5 năm, các xưởng nấu ăn và các tổ chức ăn uống công cộng khác đã phục vụ 9 triệu 800 ngàn người.

Nhờ sự cố gắng của Nhà nước Xô-viết, phụ nữ của nước xã hội chủ nghĩa trở thành một lực lượng quan trọng trong công nghiệp và nông trường.

Sự tiến bộ về văn hóa và chính trị của phụ nữ xô-viết đã giúp cho họ có thể đứng vào hàng ngũ những người sáng chế phát minh trong sản xuất, những phần tử tiền tiến của xã hội.

Nữ công nhân Ét-đê-kia và Ma-ri-a Vi-nô-gơ-ra-đô-va đều là những người chủ yếu của phong trào thi đua trong ngành công nghiệp dệt. Năm 1935, mỗi chị đã đứng 216 máy dệt. Chị nông trường viên Ma-ri-a Đem-sen-kô là người dẫn đầu phong trào «500» tăng gấp 3 lần năng suất củ cải đường. Chị lái máy kéo Pa-sa Ăng-ghê-li-na là người tiền phong trong cuộc đấu tranh tăng năng suất trong nghề mà từ trước vẫn dành riêng cho «nam giới».

Như vậy sự tham gia rất đông đảo phụ nữ trong các ngành kinh tế quốc gia đã góp phần thực hiện đầy đủ sự bình đẳng giữa nam nữ trong lĩnh vực sản xuất xã hội.

Những hội nghị đại biểu và các tổ chức quần chúng đã giúp một phần quan trọng cho Đảng và Chính phủ trong công cuộc đấu tranh để phụ nữ tham gia làm việc ở nhà máy và để nâng cao trình độ chuyên môn. Các hội nghị này là một trợ thủ đắc lực cho Đảng, một chiếc đòn bẩy nhờ đó Đảng mới huy động được đông đảo quần chúng nữ công nhân, nông trường viên và phụ nữ lao động nói chung.

Do sự chỉ dẫn của Trung ương Đảng, sự hoạt động của các hội nghị đại biểu đều tổ chức lại và hướng về «mặt sản xuất». Những hội nghị này được tổ chức ra ngay tại nơi làm việc của nữ công nhân, ngay tại chỗ ở của những người nội trợ và theo hai nguyên tắc trên kết hợp lại cho những nữ nông trường viên, nhằm giáo dục các tầng lớp phụ nữ lao động làm tròn những: «Nhiệm vụ chính trị và kinh tế chủ chốt của Đảng, lấp

chỗ trống trong công nghiệp, củng cố các nông trường và gây một đà mới cho phong trào tập thể nông trường...»

Nghị quyết của Trung ương Đảng năm 1930, liên quan đến việc bầu lại các hội nghị đại biểu phụ nữ ở nông thôn và thành thị, trước những người đại biểu ấy vấn đề chính trị thời sự nhất lúc đó, đấy là việc «động viên quần chúng đấu tranh chống bọn phú nông, và nhờ tập thể hóa toàn diện tiêu diệt giai cấp phú nông, đồng thời đấu tranh mãnh liệt chống tư tưởng tiểu tư sản».

Trong cuộc chiến đấu quyết định để cho chủ nghĩa xã hội được thắng lợi ở Liên-xô, những «đội quân dự trữ» phụ nữ đã tỏ rõ thật là một đội quân thực sự của giai cấp công nhân.

Phong trào những người phụ nữ hoạt động để nâng cao trình độ văn hóa trong lao động và khi ở nhà. Năm 1933, là một trang sử oanh liệt trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô.

Hàng vạn cán bộ phụ nữ lo lắng làm cho các xí nghiệp, phòng ăn, câu lạc bộ, nhóm trẻ, vườn trẻ, nhà ngủ của thợ được sạch sẽ, ngăn nắp. Một số các chị đó không những chỉ làm công tác xã hội. Họ gần gũi công nhân viên chức trong xí nghiệp và xem quyền lợi chung như quyền lợi mình. Ngoài ra, khi đã có một sự hiểu biết chuyên môn, các cán bộ phụ nữ đó cũng gia nhập vào trong khối tập thể các xí nghiệp mà làm việc.

Tờ báo «Nữ hoạt động» xuất bản thời kỳ đó, kể những sự việc chứng tỏ phong trào những người nội trợ trở thành người xây dựng tích cực cho xã hội chủ nghĩa thật là rộng lớn.

Theo những tài liệu không đầy đủ của các Ủy ban nhân dân Đường giao thông và kỹ nghệ nặng, và nhẹ và giao thông đường sông, thì năm 1936, có hơn 266 ngàn cán bộ phụ nữ đã phục vụ cho 16.464 ký túc xá, 3.310 « trạm đỏ » và 1.703 phòng ăn.

Chỉ trong năm 1936, nhờ sự hoạt động của các cán bộ phụ nữ, đã có 89 nhà giữ trẻ bên cạnh các xí nghiệp công nghiệp nhẹ và 98 nhóm trẻ cho con cái công nhân viên chức kỹ nghệ thực phẩm. Các cán bộ phụ nữ, vợ bác học và thầy thuốc thường đến kiểm tra và tổ chức lại một cách chu đáo nhà ngủ, nhà ăn, của các trường cao đẳng. Những phòng cho phụ nữ và trẻ con được lập ra ở các ga xe lửa và đường sông, các bà nội trợ đi hoạt động đều là những người sáng lập ra các phòng cho bú trong các xí nghiệp.

Trong giai đoạn kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô lúc đó, rất thiếu cán bộ cho các nhà nuôi trẻ vì con số xây dựng các nhà trẻ và ngân sách dành cho việc đó ngày càng tăng, vì vậy nên sáng kiến và tính tự động làm công tác xã hội ấy đóng một vai trò quan trọng trong công tác bảo hộ phụ nữ và nhi đồng.

Những người vợ thợ mỏ ra sức cải thiện điều kiện làm việc trong các hầm mỏ: họ dọn dẹp những đường đi, xưởng máy để những vật liệu hư hỏng, bừa bãi khỏi làm choán lối đi. Trật tự, ngăn nắp khắp chỗ làm việc.

Đối với một số phụ nữ, công tác hoạt động đó là một trường học tập dần cho họ mọi hoạt động xã hội và sản xuất.

Trong bức thư gửi vợ công nhân mỏ, những người hoạt động trong phong trào cải thiện điều kiện sinh sống và văn hóa, nữ đồng chí Kờ-rúp-kai-a (vợ đồng chí Lê-nin) đã vui vẻ nhận rằng công việc của họ « có tính chất xã hội rõ rệt » và đề nghị bổ nhiệm những

người ấy «vào các chức vụ trong các hợp tác xã, vào phụ trách các phòng ăn, nhóm trẻ kỳ túc xá của thợ và cần bồ túc nghiệp vụ thêm cho họ. Các đại biểu của các tổ chức phụ nữ đều là những tuyên truyền viên rất tốt cho chế độ nông trường trong tầng lớp nữ nông dân.

Thường thường, do bản thân họ gương mẫu làm cho phong trào nông trường được mạnh thêm. Trong một bản báo cáo về hoạt động của các đại biểu phụ nữ ở hạt Trung «Vôn-ga», các đại biểu làng Vát-xi-li-ka (miền Păng-da) đã đáp lại một hành động khủng bố của bọn phú nông bằng cách tuyên truyền nông trường tập thể rầm rộ trong nữ nông dân.

Họ chọn giống, rồi đóng kịch, lấy tiền thành lập một nhóm trẻ. Rồi, họ lại thách thức thi đua với các đại biểu phụ nữ ở làng bên cạnh. Những người này đáp lại lời thách thi đua bằng cách thành lập một nông trường đặt tên là «Mồng 8 tháng 3».

Hội nghị đại biểu Bét-xơ-nô-vô (cùng miền ấy) gia nhập cả khối vào nông trường và quyết định tập thể hóa ít nhất là 50 cơ sở ruộng đất của phụ nữ.

Những hội nghị phụ nữ tổ chức bên cạnh các xô-viết nông thôn và các nông trường đã giúp rất nhiều vào việc tập thể hóa các ngành kinh tế nông thôn có tính chất «phụ nữ» như: nghề trồng rau, trồng sợi lanh, nuôi lợn, và bò vắt sữa v.v...

Các hội phụ nữ sản xuất thành lập ra dưới sự hướng dẫn của các cơ quan lãnh đạo Nhà nước, đã có khắp các nước Cộng hòa Liên bang xô-viết.

Nghị định của Chủ tịch Đoàn Xô-viết nước Cộng hòa A-déc-bai-giăng về việc tổ chức các hội nghị phụ nữ sản xuất bên cạnh các xô-viết nông thôn và các ban chấp hành từng hạt, nói rõ rằng: Các hội phụ nữ sản

xuất nhằm tập hợp phụ nữ rộng rãi các chị em nông trang tập thể, nông trường quốc doanh, công nhân nông nghiệp và bần trung nông, vào tổ chức nông nghiệp xã hội chủ nghĩa trên cơ sở xây dựng nông trang tập thể và tập thể hóa bộ nông nghiệp và sau đó tiêu diệt giai cấp phú nông. Các hội sản xuất này còn nhằm sử dụng kinh nghiệm của phụ nữ, nhất là về mặt phát triển các ngành kinh tế nông nghiệp như sản xuất sữa, chăn nuôi, đặc biệt nuôi lợn và cừu, trồng nho, trồng rau, nuôi tằm, nuôi cá, thủ công nghiệp v.v...

Ngoài số phụ nữ ủy viên Xô-viết nông thôn và những đại biểu các tổ chức phụ nữ ra, các hội phụ nữ sản xuất còn bao gồm các nữ giáo viên và nữ nông dân hoạt động thuộc các tầng lớp bần và trung nông.

Các hội viên của hội phụ nữ sản xuất đều có những kiến thức cần thiết về nông nghiệp và chăn nuôi để có thể giải thích cho quần chúng phụ nữ một số hiểu biết tối thiểu về chuyên môn. Vì vậy vai trò của hội này không những cần thiết cho việc xây dựng nông trang mà còn cần thiết để đào tạo cán bộ nữ nông dân.

Một bài báo xuất bản năm 1934, trong tờ tạp chí «Chính quyền xô-viết» nhan đề là «Các hội phụ nữ sản xuất là những người giúp việc tốt nhất cho các Xô-viết nông thôn», đã trình bày công tác phong phú và ích lợi của hội trong nhiều làng. Ngoài công tác tổ chức, các hội viên của hội còn tổ chức việc tập thể phụ nữ đọc báo «Nữ nông dân».

Qua sự hoạt động của các hội phụ nữ sản xuất ở các nông trường vùng Lê-nin-gờ-rát, người ta thấy năng suất các đội phụ nữ thường tăng lên là do việc làm tổ chức được tốt và các kế hoạch làm cỏ, nhổ cây lanh và nhiều công việc khác của phụ nữ đều hoàn thành trước thời hạn mà chất lượng công tác rất tốt.

Do sáng kiến của hội phụ nữ sản xuất ở vùng Ti-kin mà có nhiều vấn đề, như việc tu sửa dụng cụ canh tác, việc chuẩn bị giống má v.v... đều được đặt ra trước mắt ban giám đốc nông trường.

Chế độ nông trang đã mở rộng phạm vi hoạt động cho lao động phụ nữ trong nông nghiệp. Phụ nữ học tập những nghề « nam giới » như chuyên gia về trồng trọt, nghề gieo giống, lái máy kéo v.v...

Phụ nữ thường gặp phải khó khăn trở ngại do quan niệm bảo thủ đánh giá lao động phụ nữ là lao động phụ, chất lượng thấp kém. Nhưng nhờ ở kết quả lao động của họ, nữ nông dân đã vượt qua những trở lực ngăn cản phụ nữ tham gia việc sản xuất nông trường, bình đẳng với nam giới.

Các chị nông trường viên ở vùng hạ lưu sông Vôn-ga đã kể lại những bước đầu vào nghề của họ như sau :

« Mùa xuân năm 1931, một toán phụ nữ gồm có 26 người, đội phụ nữ làm đồng đầu tiên đã được thành lập ở nông trường 1 : « Con đường xã hội chủ nghĩa ». Các anh em trong nông trường tỏ vẻ khinh thường đội một phụ nữ ấy. Các chị em trong đội kể lại rằng : Hễ có con ngựa bị làm mệt quá sức, hay một chiếc cương ngựa hỏng, hoặc bất cứ việc gì bị hư hại, là người ta nói : đưa cho đội phụ nữ, thế mới đáng cho họ. Nói thật ra, chẳng có chờ đợi được cái đội phụ nữ ấy việc gì nên thân đâu.

Nếu đem ngựa lành hay yên cương tốt cho họ, họ cũng sẽ có thể làm hư hỏng ngay ».

Nhưng, trên phần đất giao cho đội phụ nữ, chị em đã làm việc gieo giống rất tốt. Ủy ban Xô-viết trong xã đã ghi lại công việc đáng nêu gương đó và sau mùa gặt, đội phụ nữ đã được giải thưởng thứ nhất trong vùng.

Công việc của phụ nữ ở nông trường và sự hoạt động xã hội của họ ở nông trường đã mở rộng chân trời, nâng cao trình độ văn hóa và đề cao sự tín nhiệm của phụ nữ trong nhân dân.

Cuối năm 1933, đã có gần *6 ngàn phụ nữ chủ nhiệm nông trường, hơn 6 vạn làm ủy viên quản trị, 2 vạn 8 ngàn làm đội trưởng, 10 vạn làm trưởng toán, 7 ngàn lái máy kéo và 9 ngàn giám đốc các trang trại khác nhau.*

Năm này sang năm khác, lực lượng kinh tế của nông thôn tập thể hóa ngày càng vững mạnh thì đời sống vật chất và văn hóa của nông trang viên ngày càng tăng lên.

Năm 1923, phụ nữ nông dân nói chung không hề đọc báo; năm 1934, 28,1% các nữ thanh niên nông trường đọc báo chí đều và 6% trung nữ đọc báo thông thạo.

Công tác vận động phụ nữ trong việc sản xuất nông trường mỗi năm càng tăng cường. Phụ nữ trở thành một lực lượng mạnh mẽ ở nông trường.

Ngành chăn nuôi là một trong những ngành phức tạp nhất của nền kinh tế nông thôn, lao động phụ nữ, ngay từ lúc bắt đầu tập thể hóa, đã chiếm một địa vị quan trọng bậc nhất.

Một cuộc điều tra tháng giêng 1936, cho thấy rằng trong 7.036 nông trường thì 16,1% phụ trách trại chăn nuôi, 21,5% đội trưởng; 50,7% chăn bò và 66,8% trưởng toán đều là phụ nữ.

Vì vậy, chế độ nông trang thành lập đã đánh dấu một bước ngoặt trong địa vị người nữ nông dân. Đời sống nông trường đã hủy bỏ địa vị thấp kém ngàn năm nay của người phụ nữ và giải phóng họ, cho họ tự lập về kinh tế, mở rộng chân trời cho phụ nữ và biến họ thành một người xây dựng tích cực cho xã hội mới.

Những thành quả của nhân dân xô-viết trong lĩnh vực kiến thiết xã hội chủ nghĩa về mặt công nghiệp và nông nghiệp đã tạo tiền đề cần thiết cho cuộc cách mạng văn hóa, một trong những điều kiện đầu tiên của sự thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô.

Song song với việc nâng cao trình độ văn hóa của phụ nữ lao động xô-viết và việc giáo dục nghề nghiệp chuyên môn cho họ, người ta thu hút phụ nữ vào các công tác phụ trách, các địa vị chỉ đạo trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội.

Những vấn đề lao động phụ nữ, việc bảo vệ phụ nữ trong các ngành trước đây xem như của nam giới, việc bảo hộ người mẹ và nhi đồng, công tác giáo dục văn hóa và tư tưởng cho phụ nữ, đã vượt quá phạm vi hoạt động của các tiểu ban phụ vận.

Hội nghị phụ nữ đại biểu, trường học hoạt động xã hội đầu tiên của nữ công nhân, nữ nông dân và nội trợ, bao gồm bộ phận chậm tiến nhất của nhân dân, dần dần đã mất ý nghĩa khi mà phụ nữ trong xã hội xô-viết đã chiếm một địa vị ngang với nam giới.

Các tiểu ban phụ vận đã làm tròn một cách vinh quang nhiệm vụ lịch sử của nó là lôi cuốn đông đảo quần chúng phụ nữ vào hoạt động xã hội và sản xuất. Từ đó về sau, phụ nữ là đội quân ngày càng đông đảo trong mọi lĩnh vực lao động xã hội chủ nghĩa, và đời sống xã hội xô-viết, công tác phụ vận là công tác của các cơ quan có trách nhiệm của Đảng, của Nhà nước, và công đoàn, và cũng phải chiếu cố đến hoàn cảnh riêng biệt về lao động và đời sống của phụ nữ.

Năm 1930, khi mà công tác phụ vận có nhiều phức tạp và có một tầm quan trọng đặc biệt trong mọi lĩnh vực, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản đã quyết định giao cho tất cả mọi tổ chức của Đảng đều có trách nhiệm về công tác đó.

Trong bản nghị quyết lúc đó có nói: «Xét rằng công tác phụ vận, trong hoàn cảnh hiện nay có một tầm quan trọng chủ yếu, nên giao cho các tiểu ban của Trung ương đều phải có trách nhiệm và trong mọi cuộc vận động quần chúng mà Đảng tổ chức ở nông thôn hay thành phố, đều phải quán triệt tinh thần công tác phụ vận về mọi khía cạnh riêng biệt của nó».

Nghị quyết này của Trung ương Đảng đồng thời giải tán các tiểu ban Phụ vận.

Sau khi các miền Lét-tô-ni, Li-tuy-a-ni và Ét-tô-ni và các miền phía Tây Uy-cờ-ren và Bi-ê-lô-ruýt-xi sát nhập vào Liên bang Xô-viết, các tiểu ban phụ vận đều được thành lập ở các nơi đó và ngày nay vẫn còn.

Các tiểu ban đó đảm nhiệm công tác vận động phụ nữ thông qua các hội nghị phụ nữ đại biểu và tiểu ban nữ công nhân và cán sự nông dân ở trong các xí nghiệp nông trường.

5. Vấn đề giải phóng phụ nữ Miền Đông Xô-viết.

Trong các nước Cộng hòa và các nước vùng Xô-viết Miền Đông, vấn đề giải phóng phụ nữ gặp nhiều khó khăn, vì đưa phụ nữ ra khỏi cảnh cấm cung và để phụ nữ tham gia vào đời sống xã hội bình đẳng với nam giới không những là một sự đảo ngược hoàn toàn mọi tập quán ngàn năm, mà còn là một sự vi phạm vào nguyên tắc đạo giáo của kinh Cô-rang, và kinh A-đa, là những kinh quyết định mọi sự việc trong đời sống riêng cũng như đời sống chung của nhân dân ở những vùng đó cho nên cần thiết phải quan tâm đến tình cảm tôn giáo của những người tín đạo để khỏi bị tổn thương trong việc thực hiện giải phóng phụ nữ.

Nhân dân các nước Cộng hòa và các vùng Miền Đông Liên-xô gồm rất nhiều dân tộc khác nhau, tập quán ngàn năm đã ăn sâu trong ý thức phụ nữ nên hình thức

và phương pháp vận động phụ nữ lao động Miền Đông phải vô cùng phong phú và công tác giáo dục văn hóa, chính trị phải thường xuyên.

Ở các dân tộc vùng biên giới đế quốc Nga, phụ nữ xưa vẫn bị xem như một thứ gia súc ,một thứ của cải thuộc quyền sở hữu của đàn ông.

Trong xã hội cũng như ở gia đình, phụ nữ là con người bị tước hết mọi quyền lợi, bị áp bức nhiều nhất.

Chế độ cấm cung là biểu hiện độc ác và nhục nhã nhất của chế độ nô lệ phụ nữ ở phương Đông. Phụ nữ bị giam trong bốn bức tường « nhà phụ nữ », khăn mạng đen che mặt, suốt cả quãng đời còn lại không được tiếp xúc với bên ngoài.

Phong tục « Ka-lim » : mua vợ chưa cưới, đa thê, gả con gái sớm, đều phổ biến khắp các dân tộc phương Đông, đã làm cho phụ nữ mất hết tư cách con người. Người chồng đã trả tiền « Ka-lim » rồi, không những có thể bán vợ, như mọi đồ vật khác, mà còn có thể giết vợ một cách nhục nhã. Theo kinh « A-đa » của Tuyết-mê-ni, cũng như Kiếc-ghi-di, phụ nữ thuộc về tài sản kế nghiệp và sau khi người chồng chết, trở thành của cải người chết, tức là tài sản của những người được hưởng gia tài người chết đó.

Ở nhiều dân tộc Miền Đông, phụ nữ bận những quần áo theo phong tục đã hại cho sức khỏe họ như cái mạng lưới « pa-răng-va » đan bằng lông ngựa làm cho phụ nữ bị đau mắt hột, ở Tuyết-mê-ni, phụ nữ bắt buộc phải mang một thứ mũ nặng đến mấy ki-lô ; ở các dân tộc miền núi, phong tục bắt phụ nữ không được mặc quần áo ấm.

Không cần phải nói rõ rằng phụ nữ các dân tộc phương Đông đều mù chữ và phụ thuộc hoàn toàn vào

người đàn ông về mặt kinh tế, dù rằng trong nền kinh tế của các dân tộc này, lao động phụ nữ đóng vai trò bậc nhất. Ở các dân tộc chăn nuôi, phụ nữ chăm nom gia súc, vắt sữa, cắt lông cừu, dệt len, làm các loại bơ, sữa, pho-mát, nuôi cả gia đình. Dệt thảm là một ngành sản xuất quan trọng của Tuyết-mê-ni trước cách mạng, cũng là một công việc hoàn toàn do phụ nữ đảm nhiệm. Phụ nữ lại tham gia một phần quan trọng trong việc trồng bông và trồng cây ăn quả.

Nhưng, người phụ nữ lao động phương Đông không có quyền cá nhân quyết định về kết quả lao động của mình, công việc của họ có tính chất « việc nhà » và địa vị phụ nữ trong gia đình là làm nô lệ cho nam giới. Người đàn ông, chủ gia đình, là người chủ mọi của cải, người thừa hưởng phần đất đai của gia đình, còn người phụ nữ, theo luật pháp, phụ thuộc vào người đàn ông. Trước cách mạng, tiếng nói của dân tộc Tu-va không hề có chữ « phụ nữ ». Người ta chỉ phụ nữ bằng tiếng gọi Khê-rê-jốc, có nghĩa là « vô ích », « tồi bại ».

Rõ ràng rằng người đàn ông, một khi đã làm chủ tài sản gia đình, tất nhiên có quyền định đoạt mọi kết quả lao động của người vợ, nô lệ của họ.

Dưới chế độ nô lệ của nước Nga Sa hoàng, việc bóc lột phụ nữ lao động những miền Đông dưới hình thức « gia đình » là như vậy.

Cuộc cách mạng Tháng 10 đã mở cho phụ nữ các dân tộc Liên-xô nhiều triển vọng rộng rãi tham gia tích cực hoạt động xã hội, chính trị và tham gia sản xuất xã hội, hoàn toàn bình đẳng về kinh tế và thanh toán được tình trạng lạc hậu về văn hóa, chính trị.

Một trong những đạo luật đầu tiên của nước Cộng hòa xô-viết Kiếc-ghi-di là sắc luật hủy bỏ tục lệ « Ka-lim ».

Đại hội đầu tiên của bần nông Tuyết-két-tăng họp tháng giêng 1921, nhiệt liệt hoan nghênh sắc lệnh này, và trong nghị quyết về «vấn đề phụ nữ», Đại hội tuyên bố sự cần thiết «cấm đa thê, tảo hôn» và ngoài ra, còn «để phụ nữ vào học tất cả các trường học, bình đẳng với nam giới».

Sau đó ít lâu, tục lệ «Ka-lim» cũng bị cấm trong các nước cộng hòa Xô-viết khác ở Miền Đông.

Nhưng, những bước đầu mà chính quyền xô-viết thực hiện để giải phóng cho phụ nữ và để phụ nữ tham gia kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong các nước cộng hòa đó đã gặp một sức phản kháng mãnh liệt của những phần tử phong kiến và đại địa chủ. Thực vậy, vì quyền lợi giai cấp chúng, bọn này hết sức bảo vệ những tập quán ngàn năm đã tước hết quyền lợi phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Tính chất khắc nghiệt và phản động của phong tục Miền Đông đối với phụ nữ còn bị tăng thêm vì sự «cuồng tín» đạo giáo mà bọn chống đối với vấn đề giải phóng phụ nữ có sức lợi dụng bấy nhiêu hình thức.

Trong các nhà tu, bọn trùm đạo nguyền rủa những người phụ nữ muốn thoát khỏi ách nô lệ.

Việc đấu tranh chống tàn tích cũ, chống những thành kiến đạo giáo đối với phụ nữ, đòi hỏi một công tác chính trị và giáo dục to lớn trong nhân dân, và việc thực hiện sắc lệnh xô-viết đối với phụ nữ đòi hỏi một sự chuẩn bị thật kỹ lưỡng.

Ở Tuyết-mê-ni, trước đây trong nhiều năm, các «tòa án địa phương» chuyên xét xử những vụ kiện trong gia đình theo nguyên tắc của kinh «a-đa», song song với các tòa án xô-viết. Ở U-dờ-bê-kit-tăng, các tòa án nhân dân thường chuyển những vụ kiện ly dị lên các tòa án tôn giáo; các tòa án này không bao giờ chấp

nhận một vụ ly dị nào do phía phụ nữ đề nghị. Mặt khác, các tòa án nhân dân thỉnh thoảng còn xét xử dựa theo tập quán cũ về đạo giáo. Ở Kiếc-ghi-di, phong tục bắt đàn bà góa không được hưởng tài sản của chồng vẫn còn tồn tại đến năm 1926.

Để giải phóng người phụ nữ Miền Đông ra khỏi cảnh dã man thời cổ sơ, cảnh nô lệ đó và giúp cho họ tiến tới một cuộc sống xứng đáng với con người, thật là một việc không dễ dàng gì.

Luật pháp xô-viết đã vượt mọi trở lực, đi sâu vào các nơi cấm cung u tối, trong những lều vải xa xôi của các bộ lạc du mục, trong các làng miền núi, khêu gợi ý thức những người phụ nữ Miền Đông, và kêu gọi họ đấu tranh chống nền trật tự cũ kỹ còn áp bức họ. Tâm hồn đau khổ của người phụ nữ Miền Đông đã hưởng ứng nồng nhiệt khi họ nghe tin thành lập các tiểu ban phụ vận. Rất đông chị em đến xin ý kiến các tiểu ban đó, người xin giúp đỡ, kẻ kêu cầu. Có chị chạy đến mạng đeo mặt còn đẫm máu do chồng hành hạ đánh đập, có những thiếu nữ đến tìm sự che chở chống với bố để định đem gả cho ông già. Có chị muốn được đến trường học, có chị muốn tham gia công tác phụ nữ.

Các tiểu ban phụ vận bắt đầu công tác vận động phụ vận bắt đầu công tác vận động phụ nữ Miền Đông bằng những biện pháp thực tế: tổ chức những nhóm thủ công của phụ nữ, những câu lạc bộ, tiệm bán hàng cho phụ nữ, những nhà cho phụ nữ nông dân, v.v... Để thực hiện mục đích trên, họ làm một quỹ riêng do ngân sách quốc gia đài thọ và do tiền quyên góp của các đoàn thể.

Các tổ chức thành lập phục vụ cho việc giải phóng phụ nữ Miền Đông hoạt động về mọi mặt văn hóa, giáo

dục, chính trị và kinh tế. Nhưng hình thức kết quả nhất và đại chúng nhất cho việc vận động phụ nữ hồi giáo là những câu lạc bộ phụ nữ các «nhà nữ nông dân» và các «câu lạc bộ đỏ di động» đối với các bộ lạc du mục.

Lúc đầu, phụ nữ hồi giáo lui tới các câu lạc bộ phụ nữ vẫn đeo cái mạng cổ truyền; phụ nữ đến câu lạc bộ học đọc, học viết, học nghề, học chính trị. Nhân dân tỏ ý tán thành việc phụ nữ hồi giáo tham gia các câu lạc bộ phụ nữ trong đó mọi việc đều do phụ nữ làm hơn là đến các câu lạc bộ chung cho nam nữ, hoặc các tổ chức của thanh niên cộng sản trong đó nam nữ cùng làm việc với nhau. Các câu lạc bộ phụ nữ, nhất là trong thời kỳ đầu tập hợp phụ nữ mọi lứa tuổi, kể cả nữ thanh niên và thiếu nữ. Điều lệ của câu lạc bộ nêu rõ: «Các câu lạc bộ riêng của phụ nữ được lập ra cho phụ nữ phương Đông vì do phong tục tập quán cũ còn lại, những chị em này không thể đến các câu lạc bộ chung được».

Câu lạc bộ đảm nhiệm việc dạy nghề cho phụ nữ, nâng cao trình độ văn hóa và chính trị cho họ, giúp cho khả năng họ được phát triển bằng cách thu hút họ dần vào các cuộc hội nghị đại biểu, vào việc lao động trong nhà máy, trong hợp tác xã và các xô-viết, vào việc gia nhập Đảng. Đồng thời, câu lạc bộ là một nơi nghỉ ngơi, giúp cho hội viên phát triển được năng khiếu văn nghệ.

Câu lạc bộ phụ nữ kiểu mẫu, ở Ba-ku, gồm có ba ban: ban giáo dục phổ thông, ban sản xuất và ban bảo vệ phụ nữ, nhi đồng. Ban thứ nhất có một trường học chia ra hai cấp: dự bị và sơ đẳng, một thư viện có 3.000 cuốn sách bằng chữ địa phương và chữ Nga, một phòng đọc sách và một phòng các bạn yêu nghệ thuật.

Sau đó ít lâu, phòng này được bổ sung thêm một trường học nghề, một trường Đảng và những lớp về Luật trong 3 tháng, thảo luận những vấn đề về đời sống của phụ nữ hồi giáo.

Những buổi giảng này cốt dành cho những phụ nữ phải ra tranh cãi biện hộ trong những phiên tòa án nhân dân họp.

Nhóm bạn yêu nghệ thuật lập một ban kịch có một ban đồng ca và một ban nhạc. Ở câu lạc bộ có chiếu phim, báo cáo và nói chuyện về những đề tài giáo dục và thời sự chính trị.

Ban sản xuất gồm 3 xưởng, xưởng sợi, đóng giầy và dán sách; ngoài ra có 3 ban: khâu may, dệt và làm túi đựng. Chỉ trong năm 1923, ban may đã hoàn thành 18.367 bộ quần áo nam giới, việc đó chứng tỏ kết quả hoạt động của các xưởng ở câu lạc bộ.

Ban bảo vệ phụ nữ, nhi đồng có 2 phòng khám bệnh cho phụ nữ và trẻ con, một nhóm giữ trẻ, một phòng bào chế thuốc và một nơi điều trị. Phòng cố vấn luật pháp làm một công việc quan trọng là giảng giải cho phụ nữ hồi giáo hiểu về những luật pháp xô-viết đối với người phụ nữ.

Câu lạc bộ phụ nữ Ba-ku nói cho đúng chính là «phòng thí nghiệm của cán bộ». Trong năm đầu, đã có 240 phụ nữ A-déc-bai-giăng học xong sơ đẳng. Các lớp học giáo viên và chính trị, cùng năm đó huấn luyện 53 nữ cán bộ tỉnh. Xưởng dệt đào tạo 300 nữ công nhân có chuyên môn khá, sau đó thành thợ dệt trong nhà máy. Ban kịch đào tạo 4 nghệ sĩ cho nghề kịch ở A-déc-bai-giăng. 4 người này là 4 nữ kịch sĩ đầu tiên (trước đây, các vai phụ nữ đều do đàn ông đóng).

Các câu lạc bộ phụ nữ được thành lập khắp A-déc-bai-giăng và trong các nước cộng hòa Miền Đông theo

kiểu câu lạc bộ Ba-ku. Năm 1926, có hơn 30 câu lạc bộ phụ nữ ở A-déc-bai-giăng, 34 cái U-dờ-bếch và 4 ở Giê-oóc-gi.

Trong các vùng chăn nuôi như Ka-dắc-tăng, Kiếc-ghi-di và vùng Bu-ri-át, vấn đề vệ sinh là trọng tâm công tác của các ban phụ vận trong lúc đầu. Trước chiến tranh, quần chúng phụ nữ lao động các nước cộng hòa ấy không biết đến xà phòng là gì, không biết giặt quần áo, rửa bát và bị mắc nhiều chứng bệnh. Các tiểu ban phụ vận thành lập ở các vùng chăn nuôi du mục này những câu lạc bộ đỏ, di động. Nhân viên câu lạc bộ đỏ gồm có 3 người, một chị giám đốc đảm nhiệm làm giáo viên thanh toán nạn mù chữ, một cán bộ y tế, (thường là nữ hộ sinh) và một người giữ thư viện. Sau đó, các tòa án di động của địa phương cũng ở gần các câu lạc bộ đỏ để xét những việc thông thường.

Chị giám đốc câu lạc bộ dạy phụ nữ đọc và viết, đọc sách báo cho họ và làm tờ báo tường. Chị cán bộ y tế không những thăm bệnh cho các bà mẹ, mà còn chữa bệnh cho cả nam giới và giáo dục vệ sinh cho cả nhân dân, tổ chức bên cạnh câu lạc bộ những cuộc họp về vệ sinh phòng bệnh.

Các câu lạc bộ đỏ gây được tín nhiệm rất nhanh với quần chúng. Đấy là những cơ sở văn hóa và giáo dục chính trị đầu tiên để phục vụ phụ nữ du mục. Các câu lạc bộ này di chuyển theo các bộ lạc.

Các nhà chăn nuôi mà phụ nữ ở đó có những kiến thức về chăn nuôi và nông nghiệp tiền tiến đều đạt những kết quả to lớn. Nhà chăn nuôi đầu tiên được lập ở An-ma An-ta năm 1927. Có xưởng chế biến sữa, có xưởng dạy khâu đan, có phòng điều trị cho phụ nữ và phòng điều trị cho nhi đồng. Những phụ nữ chăn nuôi ở các tỉnh đều về nghe một kỹ sư nông học giảng dạy.

Cuộc cải cách ruộng đất và chế độ thủy lợi, thực hiện năm 1925-27 trong các nước Cộng hòa Trung Á đã đóng một vai trò quan trọng bậc nhất trong công tác giải phóng phụ nữ lao động. Nhờ có sự ban hành quyền sử dụng ngang nhau về đất đai và nước, giữa công dân nam nữ, việc bình đẳng về pháp luật của nữ nông dân cũng có cơ sở vật chất vững chắc. Cải cách ruộng đất và việc thay đổi quy chế thủy lợi, cũng như việc hủy bỏ « quyền về đất và nước lúc lấy vợ » hủy bỏ hết những nguyên nhân kinh tế mà trước kia người đàn ông hồi giáo lấy cớ đã duy trì chế độ đa thê và tảo hôn.

Theo những sự cải cách mới này, phụ nữ nông dân được hưởng quyền lợi ruộng đất và sông nước.

Các cơ quan Nhà nước giúp đỡ phụ nữ nông dân rất nhiều trong việc sản xuất của họ. Vì vậy, trong khi điều chỉnh lại những cơ sở sản xuất mới, yêu cầu của phụ nữ về kinh tế được thỏa mãn trước tiên.

Luật pháp xô-viết bảo hộ quyền lợi của nữ nông dân trên đất và dưới nước. Giữ vững nguyên tắc phân phối ruộng đất, sông nước cho những người sử dụng nó, điều khoản 16 của Bộ luật đất đai, sông nước của nước Cộng hòa xô-viết Tuyết-mê-ni bảo đảm đặc biệt quyền lợi phụ nữ, ấn định cấm việc giảm bớt phần đất chia cho phụ nữ so với nam giới.

Chính quyền xô-viết kêu gọi các nhà chức trách của các nước Cộng hòa và các Khu tự trị giáo dục thanh niên có ý thức đấu tranh chống mọi thành kiến áp bức người phụ nữ, và nên thúc đẩy thiếu nữ và nữ thanh niên cùng đến trường học phổ thông và học nghề, đến các câu lạc bộ và các lớp học như nam thanh niên.

Sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp trong các nước Cộng hòa phương Đông xô-viết làm cho phụ nữ đều tham gia sản xuất xã hội.

Trong các nước cộng hòa và các khu tự trị, số phụ nữ tham gia các câu lạc bộ phụ nữ và hợp tác xã, số nữ thanh niên đến các trường thanh toán mù chữ và các lớp học khác tăng lên không ngừng.

Năm 1926, các câu lạc bộ phụ nữ ở U-dơ-bếch-kít-tăng có 2.327 phụ nữ và trong năm 1927, tăng lên 4.723 người. Cùng trong thời gian đó, số nữ học đường và các lớp thanh toán mù chữ đã từ 39 và 51 đã tăng lên 96 và 82.

Trong nhiều khu tự trị, việc phụ nữ vào lao động trong các hợp tác xã góp phần làm cho sự đóng góp của phụ nữ vào sản xuất xã hội tăng lên rất nhanh. Như vậy ở Da-ghét-tăng cuối năm 1931, các hợp tác xã sản xuất thu hút 10.500 phụ nữ là 84% những người tiểu công nghệ trong nước.

Cố gắng của Đảng, Chính phủ Liên-xô và các tổ chức xã hội để giải phóng phụ nữ đã đạt nhiều kết quả. Người phụ nữ lao động phương Đông, là kẻ bị áp bức hơn hết những người phụ nữ bị áp bức, nay nhờ Đảng và Nhà nước xô-viết, đã vượt mọi trở lực, giải thoát khỏi cảnh cấm cung, vứt bỏ mạng đeo mặt nhục nhã, biểu hiện của sự ngu dốt nô lệ của người phụ nữ phương Đông. Những người phụ nữ đó làm hàng ngũ những người xây dựng cuộc sống mới, tự do được đông đảo thêm.

Chỉ ở U-dơ-bếch, từ tháng 3 đến tháng 5-1927 có 9 vạn phụ nữ vứt bỏ mạng che mặt. Trong một bài báo nhan đề : « Sự tấn công vào chiếc mạng đeo mặt », tờ báo Sự thật Vốt-tô-ka, ngày 10 tháng 3 năm 1927, đã tả cảnh phụ nữ Xa-mác-kăng vứt bỏ chiếc mạng ngàn năm như sau : « Buổi chiều, trong nhiều công sở, cơ quan quan trọng của thành phố, có nhiều cuộc hội họp của phụ nữ kỷ niệm ngày quốc tế phụ nữ ; Hưởng ứng lời

kêu gọi của Đảng, những chiếc mạng đen bị vứt tới tấp dưới chân diễn giả, trước các bàn giấy. 197 phụ nữ U-dơ-bếch đã vứt mạng đi. Trong buổi sáng ngày 8 tháng 3, phụ nữ ra đường không đeo mạng nữa, cổ quàng khăn san đỏ. Ở Rê-giút-tăng, trong một cuộc mít-tinh, bài diễn văn chào mừng bị ngắt quãng vì có 13 phụ nữ U-dơ-bếch lên diễn đàn và trước sự hoan hô nhiệt liệt của quần chúng đã vứt bỏ chiếc mạng đeo mặt. Buổi mít-tinh tiếp tục, trong lúc bên cạnh diễn đàn, một ngọn lửa đang vui mừng bừng cháy : đấy là những chiếc mạng đang bị thiêu ra gio.

Việc hủy bỏ chế độ cấm cung đã đánh một đòn nặng vào ý thức hệ dã man thời trung cổ đối với người phụ nữ phương Đông hồi giáo. Vì vậy, những phần tử phản động tìm cách khủng bố những người đàn bà không chịu đeo mạng. Từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1928, 235 phụ nữ bỏ mạng đeo mặt đã bị ám sát ở U-dơ-bếch.

Trong những điều kiện đấu tranh giai cấp quyết liệt như trên, thì các biện pháp, nhằm giải phóng phụ nữ, kết hợp với việc tiến hành nghiêm trị những kẻ chống đối lại việc giải phóng phụ nữ và những kẻ vi phạm luật pháp xô-viết trong lĩnh vực này, có một tầm quan trọng rất lớn.

Đầu tháng 3 năm 1927, Xô-viết tối cao của nước Cộng hòa U-dơ-bếch ra quyết nghị đặc biệt về việc bảo vệ quyền lợi cho những người phụ nữ đã bỏ mạng che mặt.

Quyết nghị này ghi rằng : « Để bảo vệ những người phụ nữ đã vứt chiếc mạng đeo mặt và để chấm dứt mọi sự hành hạ phụ nữ, Ủy ban xô-viết của nước Cộng hòa U-dơ-bếch ra nghị định :

1. Tất cả các cơ quan tư pháp, tòa án tạo mọi thuận lợi để cho phụ nữ có thể đưa đơn kiện khi họ bị lăng nhục hoặc bị đánh đập vì lý do họ đã vứt bỏ mạng đeo mặt.

2. Các tòa án phải ưu tiên xét xử những vụ liên quan đến sự lăng nhục hoặc hành hạ những người đàn bà vứt bỏ mạng che mặt.

3. Việc buộc tội, trong những phiên tòa xét xử các vụ liên quan đến sự lăng nhục hoặc hành hạ phụ nữ đeo mạng đều bắt buộc phải do viện công tố đảm nhiệm.

4. Với tất cả mọi việc kể trên, cần phải bầu người hội thẩm nhân dân.

Trong tài liệu lưu trữ của tiểu ban phụ vận Ban chấp hành trung ương Đảng U-dơ-bếch, có bản sao các tài liệu hồ sơ của nhiều tên phản cách mạng đã giết 3 nữ chiến sĩ cách mạng năm 1928.

Khi xét xử những bọn đao phủ đã hại những người con gái ưu tú của nhân dân phương Đông xô-viết, quần chúng đòi phải trừng trị thật nặng những kẻ khốn nạn tàn dư của chế độ cũ ấy.

Tờ báo Sự thật Vốt-tô-ka ngày 11-2-1929, kể lại trong 1 bài báo nhan đề: «Những kẻ giết chị A-măng Bi-bi trên hàng ghế bị cáo», bản án những kẻ giết chị A-măng Bi-bi đại biểu của ban phụ vận đã từng lăn lộn làm công tác phụ nữ. Nhờ sự hoạt động của chị, có 500 phụ nữ ở làng Lu-gun-bếch đã bỏ tấm mạng che mặt.

Một bọn thù giai cấp đối địch và cuồng tín đã giết chị một cách dã man. Chúng lấy dao đâm chị đến hai chục nhát. Trong số 13 người ngồi ghế bị cáo, có cả chồng chị. Bản án kéo dài gần 1 tháng.

Tờ báo ghi rõ: «Bản án này làm cho nhân dân toàn hạt quan tâm đặc biệt.

Hơn ngàn người dự phiên tòa xử. Nông dân đã biểu tình, đòi xử tử bọn sát nhân.

Vào buổi chiều ngày thứ hai cuộc xử án các đoàn đại biểu phụ nữ từ các làng Su-a-ma và Ma-đơ-ra kéo về, đòi xử tử bọn cướp».

Chính sách dân tộc của chính phủ Liên-xô và đặc biệt hình thức phong phú và biện pháp giải phóng phụ nữ phương Đông xô-viết, chứng tỏ chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc của chính quyền xô-viết trong công tác giải phóng con người khỏi mọi hình thức nô lệ, áp bức.

Phụ nữ lao động có thể hơn ai hết, nói rõ được đời sống của phụ nữ phương Đông Liên-xô. Trong một bài báo nhan đề «Căn nhà mà tôi đang sống» đăng trong tờ tạp chí Phụ nữ Xô-viết tháng 10 năm 1954, chị A-kha-đô-va đội trưởng của nhà máy Xít-ta-lin-na-bát, đã trình bày sự đổi mới căn bản trong đời sống của phụ nữ Ta-gít sau cách mạng xã hội chủ nghĩa: «...Khi tôi tới Xít-ta-lin-na-bát, tôi chỉ là một cô bé con. Lúc ấy, nhà cửa thưa thớt, và đường phố đầy bụi bặm, muốn đi tới Xít-ta-lin-na-bát người ta phải dùng lạc đà. Thị trấn nhỏ đó chỉ mới bắt đầu thay đổi...

Thành phố lớn lên trông thấy và sự trưởng thành đó phản ảnh sự phát triển của tất cả nước cộng hòa chúng tôi. Khi tôi đến tuổi đi học, có nhiều trường đã được thành lập. Mẹ tôi, người đàn bà góa gần như mù chữ, có lẽ không dám nghĩ đến việc học hành của tôi. Nhưng Chính phủ đã lo đến: các giáo viên đến tận nhà, ghi danh sách các em và chỉ rõ nhà trường ở đâu.

Khi tôi đến tuổi đi làm đã có nhiều xí nghiệp trong thành phố. Tôi xin vào nhà máy dệt ngày nay thợ đông gấp 15 lần so với số thợ trong toàn xứ Ta-gít trước

chính quyền xô-viết. Hàng ngàn phụ nữ làm việc ngang như nam giới: họ có thể học mọi nghề và có tiền lương ngang nhau. Trước cách mạng, không có phụ nữ Ta-gít biết đọc, biết viết; ngày nay nước chúng tôi có những người nữ giáo viên xuất sắc, nữ bác sĩ, kỹ sư, bác học. Hơn một phần ba đại biểu Xô-viết địa phương đều là phụ nữ.

86 phụ nữ đại biểu Xô-viết tối cao của nước Cộng hòa và 11 đại biểu của Xô-viết tối cao Liên-xô ».

Mẩu chuyện ngắn của người phụ nữ Ta-gít đã tả được địa vị phụ nữ trong các nước Cộng hòa và khu tự trị của miền Đông Xô-viết.

CHƯƠNG III

ĐỊA VỊ PHỤ NỮ DƯỚI CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Địa vị phụ nữ trước pháp luật tại Liên-xô.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Liên-xô đã vĩnh viễn giải phóng nhân dân Liên-xô khỏi nạn thất nghiệp, đói rét, đời sống bơ vơ của trẻ con, tất cả các hình thức nô lệ và tủi nhục.

Dưới chế độ xô-viết, phụ nữ đã trở thành người công dân tự do, bình đẳng, lao động ngang hàng với nam giới. Sự bình đẳng thực sự giữa nam nữ trong xã hội xô-viết, dựa trên năng suất sản xuất xã hội chủ nghĩa..

Quyền bình đẳng thực sự giữa nam nữ đòi hỏi phải có những bảo đảm chắc chắn về quyền lợi lao động,

cũng như quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa phải được bảo đảm bằng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa và sự thống trị về chính trị của nhân dân lao động.

Điều 122 của Hiến pháp Liên-xô, nói về địa vị phụ nữ trong xã hội xô-viết, đã phản ánh một cách toàn diện tính chất dân chủ xã hội chủ nghĩa của Hiến pháp. Bản Hiến pháp đó không phải chỉ bó hẹp trong việc ban bố các quyền lợi của người công dân, mà còn đặc biệt chú trọng đến cách bảo đảm các quyền lợi ấy và phương pháp thực hiện nữa.

Lúc tuyên bố phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, bản Hiến pháp còn nói rõ cách bảo đảm cho các quyền lợi ấy được thực hiện đầy đủ. Các quyền bình đẳng giữa nam nữ về lao động tiền lương, học tập, cũng như quyền được bảo vệ lúc sinh đẻ và nuôi con, được bảo đảm bằng cách thừa nhận phụ nữ có quyền nghỉ đẻ hưởng nguyên lương, và lập một hệ thống rộng rãi các nhà hộ sinh, hài nhi viện, và vườn trẻ.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã dùng mọi biện pháp cần thiết để xây dựng trong toàn quốc các nhà trẻ và nhà ăn công cộng, nhằm giúp phụ nữ có thể vừa tham gia lao động và làm công tác xã hội, vừa đảm nhiệm được công việc gia đình.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, luật pháp thể hiện ý chí của quần chúng lao động đông đảo, thể hiện quyền lợi của phụ nữ đã ấn định trong Hiến pháp và được Nhà nước bảo vệ.

Ở Liên-xô, các cơ quan tư pháp theo dõi rất chặt chẽ việc tôn trọng luật pháp Nhà nước và quyền lợi phụ nữ. Đạo luật về hệ thống tư pháp đã nói rõ ràng vấn đề bảo vệ quyền lợi cho công dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của các tòa án xô-viết.

Điều 2 của đạo luật về hệ thống tư pháp các nước Cộng hòa tự trị trong Liên bang có quy định rằng: Bộ máy tư pháp của Liên-xô có nhiệm vụ làm cho tất cả các công sở, các tổ chức, các viên chức chính quyền và tất cả công dân Liên-xô phải tôn trọng triệt để và nghiêm túc luật pháp xô-viết. Các viện công tố và các tòa án xô-viết phải chú ý làm cho quyền lợi phụ nữ trong lao động và ở gia đình cũng như quyền lợi bảo vệ danh dự và phẩm giá con người phụ nữ trong xã hội xô-viết, được tôn trọng.

Tòa án phải bảo vệ quyền lợi vật chất đã quy định cho phụ nữ có thai và phụ nữ lao động có con mọn.

Các điều luật về tuyển cử Xô-viết tối cao Liên-xô và các Xô-viết tối cao các nước Cộng hòa tự trị trong Liên bang áp dụng nguyên tắc bình đẳng hoàn toàn giữa nam nữ về quyền tuyển cử do điều 137 của Hiến pháp Liên-xô đã quy định. Cho nên phụ nữ xô-viết không những đã tham gia bầu cử một bộ phận khá quan trọng còn được bầu làm đại biểu xô-viết chính quyền các cấp.

Xô-viết tối cao Liên-xô bầu năm 1954 gồm có 348 phụ nữ, tức 26% tổng số đại biểu.

2.209 phụ nữ là đại biểu xô-viết tối cao các nước Cộng hòa tự trị, hơn nửa triệu là đại biểu Xô-viết địa phương. Trong số nữ đại biểu Xô-viết tối cao Liên-xô, có nữ bác học, nữ công nhân, nữ nông trường viên, nữ nghệ sĩ sân khấu, phụ nữ nội trợ, tóm lại là phụ nữ lao động có những nghề nghiệp và tuổi tác khác nhau.

Chị lái máy kéo An-gu-ê-li-na bốn lần được bầu làm đại biểu Xô-viết tối cao Liên-xô. Trong số đại biểu Xô-viết tối cao Liên-xô, còn có Lê-bê-đê-va, một nhà bác học nổi tiếng, giám đốc bệnh viện lao của viện Hàn lâm y khoa Liên-xô, có chị Zai-xê-va, vắt sữa bò ở nông

trường «Đời mới», và nhiều phụ nữ tiên tiến khác của xã hội xô-viết, xứng đáng là đại biểu của nhân dân. Tháng 12-1954, 2.335 phụ nữ được bầu làm chánh án tòa án nhân dân và 233.899 phụ nữ làm hội thẩm Trong Tòa án tối cao Liên-xô, nữ chánh án chiếm 14,1% và nữ hội thẩm nhân dân chiếm 22,9%.

Phụ nữ công tác trong bộ máy Nhà nước hưởng hoàn toàn ngang với nam giới về các mặt: đề bạt, nghỉ mát, hưu trí và khen thưởng.

2.303 phụ nữ được thưởng danh hiệu anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa là phần thưởng cao nhất ở Liên-xô, trong số đó có 10 người được thưởng 2 lần huân chương anh hùng lao động.

2. Địa vị kinh tế của phụ nữ ở Liên-xô.

Kinh tế độc lập là cơ sở chính của vấn đề giải phóng phụ nữ.

Sự bình đẳng giữa nam nữ trong sản xuất, bảo đảm kinh tế độc lập cho phụ nữ là thực chất của vấn đề bình đẳng thực sự trong xã hội, giữa nam nữ. Chính thắng lợi này của xã hội xã hội chủ nghĩa đã đưa lại một địa vị xứng đáng cho phụ nữ và biến phụ nữ thành một người được nhân dân xem trọng.

Hiện nay, phụ nữ chiếm gần nửa số lao động trong tất cả các ngành kinh tế quốc gia.

Hàng trăm nghìn phụ nữ chiếm các chức vụ lãnh đạo trong các ngành kỹ nghệ, vận tải và nông nghiệp. Nhiều người đã trưởng thành song song với sự phát triển của các xí nghiệp, trong đó họ đã đóng góp một phần tích cực từ ngày mới xây dựng.

A-na Xi-đô-rê-va là người phụ nữ xô-viết đầu tiên công tác trong ngành nhăm thoi thép, một ngành đòi

hỏi chuyên môn phức tạp. Từ một nữ công nhân thường của công trường xây dựng nhà máy Ma-nhi-tô-gô, một nhà máy khổng lồ sản xuất gang thép, chị đã trở thành một quản đốc có khả năng chuyên môn cao trong nhà máy.

Vào làm trong nhà máy lúc đầu, với tư cách một người quét dọn, A-na Xi-dô-rô-va theo học lớp bình dân chống nạn mù chữ. Khi đã có một số kiến thức tối thiểu về chuyên môn, chị được cử đi học các lớp quản đốc. Về sau, lúc làm công tác ở ngành luyện kim với trình độ chuyên môn khá, chị đã học xong lớp buổi tối mở cho thanh niên công nhân. Từ 1939, chị đã trở thành một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, đảm nhiệm công tác trắc lượng trong ngành thép khổng lồ của nhà máy Ma-nhi-tô-go.

È-ka-tê-ri-na, đã cùng với nhiều thanh niên công-xô-môn khác, tích cực tham gia xây dựng đường tầu điện ngầm ở Mạc-tư-khoa. Sau khi theo học lớp dạy lái tầu điện, chị trở thành người phụ nữ đầu tiên lái tầu điện ngầm. Hiện nay, chị là một kỹ sư với hàm trung úy, một người lái tầu điện ngầm hạng nhất và là một ủy viên tòa soạn báo « Nữ công nhân ».

Chế độ nông trường đã đẩy mạnh việc phát triển văn hóa và việc tham gia tích cực trong sản xuất nông nghiệp của nữ nông dân. Fê-ô-đô-xi-a Stờ-rên-ni-cô-va, trước kia là một người vắt sữa, ngày nay là giám đốc nông trường quốc doanh « A-la-mê-di-na ». Lúc chị mới vào nông trường, cách đây 25 năm, chị hầu như mù chữ. Không bỏ sản xuất chị vừa làm vừa học, học hết chương trình 7 năm, rồi lại theo học các lớp chăn nuôi. Chị đã đem tất cả kinh nghiệm, sức lực và hiểu biết cho nghề chăn nuôi súc vật sản xuất sữa, là nghề mà chị cảm thấy rất thích hợp với năng khiếu của chị.

Gia đình My-ki-tê-ti là một trong những gia đình đầu tiên gia nhập nông trường thành lập năm 1947 tại huyện Da-ta-nốp-ki, tỉnh Bu-kê-vi-nơ. Ma-ri-a My-ki-tê-ti, một nữ thanh niên 16 tuổi làm việc tại nông trường với bố mẹ. Ít lâu sau, cô được cử làm trưởng nhóm.

Nhờ cần cù nghiên cứu tính chất đất và học tập kinh nghiệm các chuyên gia Uy-cơ-ren về cách trồng củ cải đường, nhất là kinh nghiệm của Ma-ri-a Dem-sen-cô, My-ki-tê-i đã lãnh đạo nhóm sản xuất tốt và nhóm chị mỗi năm qua đều có nhiều thành tích mới.

Năm 1949, nhóm chị đã đạt thu hoạch lớn nhất ở Uy-cơ-ren: 629 ta củ cải đường 1 mẫu tây đã đem lại cho chị Mi-ki-tê-i danh hiệu anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa và nhiều huân chương khác cho anh chị em trong nhóm.

Những thành tích mới về củ cải đường ở nông trường Ki-vô, nơi mà hiện nay chị đang công tác, lại đưa đến cho chị danh hiệu anh hùng lao động lần thứ hai.

Nhân dân Liên-xô rất xem trọng lao động đầy hy sinh của chị em phụ nữ, những người xây dựng tích cực xã hội cộng sản. Cuộc họp long trọng của nông dân nông trường tại Cung văn hóa Nô-vô Vô-rông-sơ-vô để kỷ niệm ngày phụ nữ quốc tế 8-3, đã tuyên dương Vát-ca-ra Cờ-ra-ma-ren-cơ, một nữ nông dân nông trường xuất sắc già 60 tuổi làm việc ở trại chăn nuôi từ 25 năm nay. Trong khoảng thời gian ấy, bà đã nuôi hơn 3.000 con lợn, cung cấp hàng năm cho Nhà nước ít nhất 125 tạ thịt.

Cuộc họp chung của toàn thể nông trường đã quyết định dành cho Cờ-ra-ma-ren-cơ một số tiền hưu trí bằng 200 ngày công và sửa chữa nhà ở của bà thành một ngôi nhà mới.

Vấn đề cải tiến kỹ thuật và phương pháp làm việc hợp lý, hợp vệ sinh trong tất cả các ngành kinh tế quốc gia của Liên-xô đi đôi với việc bảo vệ đúng mức lao động phụ nữ đã tạo điều kiện mở rộng phạm vi sử dụng lao động phụ nữ trong các ngành kỹ nghệ, vận tải và nông nghiệp, và đã gây một phong trào đông đảo phụ nữ tham gia các nghề « nam giới ». Năm 1938, do sáng kiến đi tiên phong của chị thợ máy làm đầu máy xe lửa, Zi-mai-đa Tờ-roi-skai-a, mà nhiều phụ nữ đã chọn nghề thợ máy, thợ máy phụ, ga trưởng. Trước đại chiến, đã có hàng trăm phụ nữ làm các nghề ấy; trong chiến tranh, 5.000 phụ nữ cầm máy xe lửa và nhiều chị đã phục vụ vùng đóng quân.

Hưởng ứng lời kêu gọi của các chị lái máy kéo xuất sắc An-gu-ê-li-na và Ka-vát-đắc, hàng nghìn và hàng nghìn nữ thanh niên nông trường học lái máy kéo và máy gặt đập.

Trong số chuyên gia trồng trọt, hiện nay có hàng trăm nghìn phụ nữ. Nhiều phụ nữ được cử đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong các trạm máy kéo và các nông trường quốc doanh.

Các thành tích trên còn lớn hơn nữa, nếu một số viên chức chính quyền không làm sai luật lệ về bảo vệ sức khỏe phụ nữ lao động và quyền lợi của nữ công nhân có con mọn.

Trong nghị quyết ngày 20-10-1955 Ban Chấp hành Trung ương các công đoàn Liên-xô đã chỉ thị cho các cơ quan công đoàn phải giám thị chặt chẽ việc áp dụng luật lệ về lao động phụ nữ. Đại hội Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ 20 cũng chú ý rất nhiều đến vấn đề này.

Đường lối của Đảng về kế hoạch 5 năm lần thứ 6 1956 — 1960 có nhấn mạnh về sự cần thiết phải « cải

thiện điều kiện lao động và đời sống của phụ nữ, phải phụ cấp thêm cho các bà mẹ nhất là phải tăng thời gian nghỉ dưỡng thai và sinh đẻ».

Chủ trương này được thực hiện ngay một tháng sau khi Đại hội bế mạc. Theo sắc lệnh của Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao Liên-xô, kỳ ngày 26 tháng 3-1956 về việc tăng thời hạn nghỉ dưỡng thai và sinh đẻ, kể từ ngày 1-4-1956, thời hạn ấy đã tăng từ 77 ngày lên 112 ngày (56 ngày trước lúc sinh và 56 ngày sau khi sinh); trường hợp đẻ khó hay đẻ sinh đôi, thời gian nghỉ sau khi đẻ là 70 ngày.

Điều lệ nông trường, sửa đổi và bổ sung theo đúng sắc lệnh của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Hội đồng Bộ trưởng, và trên cơ sở phát triển không ngừng sáng kiến của nông trường viên trong việc tổ chức sản xuất và quản lý các ngành, cũng dự kiến những ngày nghỉ dưỡng thai và sinh đẻ như trên.

Việc bảo vệ lao động phụ nữ, việc chăm sóc của Nhà nước đến người mẹ và đứa trẻ, đảm bảo cho người phụ nữ có thể vừa lao động vừa làm tròn công việc gia đình.

Luật lệ xô-viết về lao động đã đặc biệt chiếu cố người phụ nữ lao động trong lúc thai nghén, sinh đẻ và cho con bú. Ngoài thời hạn nghỉ được ăn lương trước và sau khi sinh, bộ luật lao động còn quy định rằng những người phụ nữ có thai, trước khi nghỉ, được bố trí làm việc nhẹ hơn mà vẫn giữ nguyên lương tính theo «mức lương 6 tháng sau cùng». Điều 134 của bộ luật lao động quy định giờ nghỉ cho con bú xem như giờ sản xuất. Trong các xí nghiệp, công sở có nhiều phụ nữ đều có phòng riêng để cho con bú.

Nhà nước xô-viết mở rộng việc bảo vệ sản phụ và hài nhi cho tất cả phụ nữ lao động không phân biệt đối xử.

Người phụ nữ xô-viết trong lúc làm mẹ, làm người công dân đảm đang nhiệm vụ vinh quang sinh con và nuôi con, luôn luôn được Nhà nước quý trọng và giúp đỡ.

Đạo luật ngày 27-6-1936 đã tăng rất nhiều phần giúp đỡ vật chất cho chị em sinh đẻ đồng thời quy định số tiền phụ cấp cho gia đình đông con. Luật này đã tăng nặng hơn hình thức trừng phạt đối với trường hợp không trả phụ cấp lương thực. Để củng cố gia đình, bộ luật về ly hôn cũng được chấn chỉnh lại. Luật ngày 27-6-1936 còn đề ra nhiều phương pháp mới nhằm mở rộng hệ thống nhà hộ sinh, hài nhi viện, phòng chế sữa và nhà giữ trẻ. Riêng năm 1936, đã dành riêng cho các việc nói trên 2 tỷ 274 triệu, năm 1935 số tiền chi có 876 triệu mà thôi.

Trong thời chiến tranh, gia đình đông con gặp rất nhiều khó khăn, phải được giúp đỡ nhiều hơn, và phải có nhiều phương pháp bảo vệ sản phụ và hài nhi hơn nữa.

Sắc lệnh của Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao Liên-xô ký ngày 8-7-1944, mở rộng các chủ trương, có nói rõ : « Sự chiếu cố đến người mẹ và đứa trẻ và vấn đề củng cố gia đình là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước xô-viết ».

Theo sắc lệnh này, số tiền phụ cấp cho gia đình đông tăng lên rõ rệt và số tiền phụ cấp cho những người mẹ « độc thân » cũng được đề ra. Những người mẹ có 2 con kể từ đứa thứ 3 được lãnh số tiền phụ cấp đặc biệt. Số phụ cấp hàng tháng hay trả một lần cũng được tăng dần cho những đứa sinh sau.

Sắc lệnh trên cũng quy định quyền lợi phụ nữ có thai và có con mọn. Cấm không được sử dụng phụ nữ có thai, từ tháng thứ 4, làm thêm giờ và không được sử dụng phụ nữ có con đang bú làm ban đêm.

Số tiền phải trả cho các hài nhi viện và nhà gửi trẻ được giảm 50% đối với bố mẹ có 3 con mà tiền lương dưới 400 rúp. Những người có 5 con trở lên, không kể số tiền lương bao nhiêu cũng được hưởng quyền lợi ấy.

Sắc lệnh này còn quy định các huân chương và huy chương thưởng cho các bà mẹ có nhiều con. Các bà mẹ nuôi 10 con trở lên được tặng danh hiệu « mẹ anh hùng ».

Trong thời gian 10 năm, từ tháng 7-1944 đến tháng 5-1954, tổng số phụ cấp của Nhà nước đã trả cho các bà mẹ đông con và các bà mẹ độc thân là 34 tỷ 553 triệu 70 nghìn rúp. Riêng năm 1954 số tiền phụ cấp đã hơn 7 tỷ rúp.

48.313 phụ nữ xô-viết được tặng thưởng danh hiệu « mẹ anh hùng »; hơn 4,9 triệu phụ nữ lãnh huân chương « mẹ vinh quang » và « huy chương người mẹ ».

Trước cách mạng ở Nga, tất cả các nhà hộ sinh không đầy 7.000 chỗ và 95% phụ nữ lúc sinh đẻ không được Y tế giúp đỡ. Ngày nay, ở Liên-xô hầu hết phụ nữ đều sinh ở nhà hộ sinh.

Các chủ trương nhằm bảo vệ quyền lợi phụ nữ lao động chủ gia đình, ở Liên-xô đã tiến hành song song với việc phát triển kinh tế trong nước. Năm 1939, Chính phủ xô-viết ban bố sắc lệnh đặc biệt, về việc lập các hài nhi viện và nhà giữ trẻ trong tất cả các xí nghiệp có trên 500 phụ nữ, với tỷ lệ 15 chỗ tính theo 100 nữ công nhân.

Đường lối của Đại hội Đảng lần thứ 20 bảo vệ việc quan tâm nhiều hơn nữa đối với phụ nữ lao động và con trẻ bắt nguồn từ các chủ trương mới về bảo vệ sản phụ và hài nhi.

Hiện nay, ở Liên-xô, các trường học theo kiểu mới đang được xây dựng: đó là những trường ký túc nhận các em từ tuổi còn bé. Từ năm 1956, các trường ký túc cho các em từ 7 đến 17 tuổi đã được thành lập. Năm 1957, các trường nói trên đã nhận 165.000 trẻ và trong các năm về sau, hình thức giáo dục này, một hình thức đặc biệt giúp đỡ các bà mẹ lao động, phát triển rất mạnh.

Trong số các chủ trương nói trên, cần nhắc đến sắc lệnh của Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao Liên-xô ký ngày 26-5-1956 quy định ngày làm 6 giờ đối với hạng thanh niên từ 16 đến 18 tuổi, và nghị định của Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô, cũng ký vào ngày ấy, quy định rằng: đối với thanh niên mới lớn lên tuy ngày làm 6 giờ nhưng tiền lương vẫn ngang với lương công nhân cùng nghề làm việc 8 giờ một ngày.

Đạo luật về hưu bổng, được cuộc họp lần thứ 5 Xô-viết tối cao Liên-xô thông qua năm 1956, đã nêu rõ sự đặc biệt chiếu cố của Nhà nước đối với phụ nữ lao động. Theo luật này, phụ nữ được hưởng quyền hưu bổng 5 năm sớm hơn nam giới và với một thời gian hoạt động ít hơn. Phụ nữ có 5 con hay nhiều hơn và đã nuôi con đến 8 tuổi, được hưởng những quyền lợi phụ tùy theo tuổi tác và số năm hoạt động.

Ngày 13-10-1956, Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô đã ra nghị định buộc các giám đốc xí nghiệp, các tổ chức và công sở phải đồng ý để các người mẹ trẻ tuổi, sau khi hết hạn nghỉ dưỡng thai và sinh đẻ, được nghỉ thêm một thời gian 3 tháng không lương, nếu họ yêu cầu. Ngoài ra, chị em lao động, nghỉ việc vì sinh con, nếu trở lại công tác trong thời gian tối đa là một năm sau ngày sinh thì có thể xem như đã hoạt động liên tục.

Đoạn 10 của nghị định trên có nói thêm: « Nhắc nhở các giám đốc xí nghiệp nên cấp cho phụ nữ có thai, ở vào hoàn cảnh khó khăn, các phiếu ăn, ở không mất tiền trong các nhà điều dưỡng và an dưỡng; số tiền phí tổn do xí nghiệp đài thọ, lấy trong quỹ cải thiện điều kiện văn hóa và vật chất cho công nhân và cải tiến sản xuất của xí nghiệp ».

Hội đồng Bộ trưởng có ra một chỉ thị mới quy định tiền phụ cấp về thai nghén và sinh đẻ: Từ 1-1-1957, nữ công nhân và nữ viên chức, kể cả những người không ở trong công đoàn, đều có quyền hưởng phụ cấp về thai nghén và sinh đẻ, không căn cứ vào số năm đã hoạt động.

Tất cả các chủ trương trên đều góp phần làm cho « các lực lượng dự trữ phụ nữ » biến thành một « đội quân » hùng mạnh và tích cực của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tất cả lực lượng của đội quân dự trữ phụ nữ đã biểu hiện rõ rệt trong những năm chiến tranh gay go. Từ tháng 10-1941 phụ nữ chiếm 45% tổng số công nhân trong các ngành kỹ nghệ mấu chốt của Liên-xô. Trong thời chiến tranh, phong trào yêu nước, với khẩu hiệu « thay thế nam giới trong nhà máy » đã sản xuất hàng trăm nghìn phụ nữ làm nhiều nghề khác nhau, khắp các ngành kinh tế quốc gia.

Sau chiến tranh, sự phát triển lớn mạnh của nền công nghiệp Liên-xô đã tăng rất nhiều số công nhân, kể cả nữ công nhân, nữ viên chức, trong mọi ngành kinh tế và văn hóa.

Tạo cho mình một địa vị ngang hàng với nam giới trong lao động cũng như trong đời sống xã hội, người phụ nữ xô-viết không những đã trở nên hoàn toàn tự do và độc lập về kinh tế, mà trình độ học thức của phụ

nữ cũng được nâng cao rõ rệt. Phụ nữ trong xã hội xô-viết đã trở thành một lực lượng tiến bộ hùng mạnh.

3. Vai trò của phụ nữ xô-viết trong việc phát triển văn hóa và khoa học.

Ở Liên-xô, việc giải phóng phụ nữ về kinh tế và chính trị đã mở rộng đường cho hàng triệu phụ nữ lao động tham gia các ngành khoa học, nghệ thuật và văn hóa.

Vấn đề học vấn của phụ nữ ngang hàng với nam giới là một điều kiện duy nhất để biến các «lực lượng dự trữ phụ nữ» thành một yếu tố hùng mạnh của sức sản xuất xã hội xô-viết. Chỉ có cách tạo điều kiện để nam nữ học tập văn hóa và chuyên nghiệp như nhau mới có thể phát huy hết khả năng của phụ nữ.

Việc quy định giáo dục phổ thông bắt buộc đã hoàn toàn thanh toán nạn mù chữ ở Liên-xô. Hàng triệu phụ nữ đã trở thành những chuyên gia học rộng có khả năng chuyên môn khá, có kiến thức khoa học và kỹ thuật vững vàng.

Điều 122 trong bản hiến pháp Liên-xô có nói rõ quyền lợi học tập của phụ nữ (ngang hàng với nam giới) là một bảo đảm chắc chắn cho việc thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.

Việc giảng dậy trong các trường tiểu và trung học nhằm làm cho học sinh nam nữ đều có một trình độ kiến thức như nhau cũng đã áp dụng đúng đắn nguyên tắc bình đẳng giữa nam nữ về mặt giáo dục.

Ngân sách dành riêng cho quỹ giáo dục năm 1956 hơn năm 1955, 4,3 tỷ rúp. Do đó, số học sinh trung cấp và cao đẳng tăng lên nhiều, việc phát triển văn hóa, khoa học và nghệ thuật được mở rộng thêm.

Số tiền dành về việc đào tạo cán bộ trong các trường đại học, kỹ thuật trung cấp và trung cấp chuyên nghiệp cũng mỗi năm mỗi tăng.

Năm 1956, gần 760.000 chuyên gia có học thức cao cấp hay trung cấp, tức 120.000 nhiều hơn năm 1955.

Số thanh niên tốt nghiệp trung học công tác trong các xí nghiệp kỹ nghệ ngày một tăng là một yếu tố quan trọng làm cho trình độ văn hóa công nhân càng ngày càng được nâng cao. Trong một ngày gần đây, tất cả công nhân Liên-xô đều tốt nghiệp trung học.

Các kiến thức về văn hóa giúp cho công nhân học nghề rất nhanh chóng, phát minh nhiều phương pháp lao động mới, tăng hiệu suất công tác, tăng phẩm chất lao động, tiết kiệm thời gian v.v...

Nhiều phụ nữ đã áp dụng phương pháp lao động tiền tiến trong công nghiệp và nông nghiệp. Ví dụ: Nhà máy sản xuất máy nổ U-li-a-nốp nhờ áp dụng các đề nghị hợp lý hóa của kíp thợ do chị Ga-li-na Zô-tô-va điều khiển, đã tiết kiệm kim khí và trong một thời gian ngắn sản xuất 300 máy vượt kế hoạch.

Mọi người Liên-xô đều biết tên tuổi của các nữ công nhân tiền tiến như: Li-di-a Kô-ra-ben-ni-cô-va, trưởng kíp thợ đóng giầy «Com-mu-na» đã có sáng kiến dẫn đầu phong trào tiết kiệm chung về nguyên vật liệu. Ma-ri-a Len-xen-cô, mỗi đợt sản xuất đều kêu gọi thi đua xã hội chủ nghĩa, tăng hiệu suất, giảm giá thành. Ma-ri-a Rô-nê-va và Li-di-a Cô-nô-nen-cô, nữ công nhân xưởng dệt vải, nhờ giảm phế phẩm, tiết kiệm một số nguyên vật liệu rất quan trọng.

Số nữ kỹ sư, nữ kỹ thuật viên trong các ngành kỹ nghệ trước cách mạng rất hiếm hoi thì ngày nay đã chiếm một tỷ lệ khá cao. Những phân xưởng có đông nữ công nhân đều có kỹ sư và kỹ thuật viên phụ nữ.

Trước cách mạng nước Nga chỉ có tất cả 600 nữ kỹ sư. Chỉ tính trong 5 năm, từ 1948 đến 1953, số nữ kỹ sư và nữ kỹ thuật viên ở Liên-xô đã từ 250.000 lên hơn 400.000 người. Trong số đó có nhiều người đã đi đầu sản xuất, giữ chức vụ lãnh đạo trong ngành kỹ nghệ, trở thành những nhân vật nổi tiếng.

Nữ kỹ sư luyện kim Ni-na Stờ-ren-ni-cô-va đậu kỹ sư năm 1935, trong số hàng nghìn nữ kỹ sư đầu tiên do các trường kỹ thuật cao đẳng đào tạo. Từ lúc còn sinh viên tập sự, chị đã biết đúc thép rồi. Hiện nay chị đã công tác được 20 năm, có một thời gian gián đoạn trong chiến tranh. Trong xưởng luyện kim Ni-ê-pờ-rô-pê-tờ-rốp, từ một kỹ sư thường, chị đã trở thành người lão luyện về việc đúc thép, lãnh đạo công tác nấu kim khí trong các lò Mác-tanh (lò cao) 35 tấn. Mùa xuân 1953, chị được cử thay thế kỹ sư trưởng luyện kim của nhà máy.

Liên-xô còn có nhiều nữ kỹ sư canh nông, nữ thú y, nữ phi công.

Gần đây, nữ phi công Ma-ri-a Xa-lô-va đã bay tổng cộng 2 triệu cây số trong ngành hàng không dân dụng. Chị là người phụ nữ Liên-xô đầu tiên đạt được con số ấy. Năm 1950 chị đã bay được 1 triệu và vừa rồi chị được lãnh huy hiệu về « triệu cây số » thứ hai. Trong 17 năm trường bay trên các đường có nhiều núi cao, chị chưa lúc nào phải hạ cánh giữa đường. Lãnh đạo đội phi cơ của trường bay Sta-li-na-bát, chị đã tích cực đào tạo số phi công trẻ tuổi.

Chị Sa-lô-ma-ti-na, thiếu tá hàng không dân dụng công tác ở sân bay Ô-dét-xa cũng đã bay được một triệu cây số.

Từ khi còn là một thiếu nữ tiền phong, Ma-ri-na Sét-ne-va con của một công nhân đường sắt, đã say sưa

làm các kiểu máy bay nhỏ và mơ ước trở thành nữ phi công. Chị thường xuyên đến câu lạc bộ phi công địa phương để học tập và đã đậu bằng phi công. Trong đại chiến thứ 2, chị đã tiến bộ nhiều về nghiệp vụ.

Trong mấy năm gần đây, chị Sét-na-va, lái phi cơ thể thao đã chiếm một kỷ lục mới về bay nhanh toàn Liên-xô trên 500 cây số. Trên chiếc phi cơ « Dắc 11 » chị đã bay cao 7.552 cây số đạt kỷ lục cao nhất thế giới về phụ nữ. Chị đã được tặng « danh hiệu tiền phong về thể dục bằng phi cơ ».

Ngày 3-7-1955 chín chiếc phi cơ do phụ nữ cầm lái, dưới sự điều khiển của Sét-ne-va, đã khai mạc cuộc biểu diễn phi cơ trên phi trường Tu-si-nô, gần Mạc-tư-khoa. Các cách bay lượn của đội phi cơ phụ nữ đã chứng tỏ khả năng rất vững vàng của các nữ phi công và đã làm cho mọi người phải khen ngợi.

Năm 1952, số nữ chuyên gia tốt nghiệp các trường đại học đã gấp 3 lần so với năm 1940 và đạt con số 830.000; năm 1953 con số này đã lên đến 900.000. Năm 1955, hơn một triệu 400 nghìn phụ nữ theo học các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. 50% sinh viên Đại học Mạc-tư-khoa là phụ nữ (trước Cách mạng phụ nữ không được nhận vào học Đại học). Trong số giáo sư, cộng tác viên khoa học của Đại học có 1.012 phụ nữ, gồm 27 nữ giáo sư, 155 nữ phụ giáo, 32 nữ tiến sĩ và hơn 470 nữ nghiên cứu sinh khoa học Khoa trưởng trường Đại học hóa chất cũng là một phụ nữ. Nô-vô-xê-lô-va là một viện sĩ Hàn lâm khoa học ở Liên-xô.

Hơn 3 triệu phụ nữ làm việc trong các sở khoa học, giáo dục và văn hóa ở Liên-xô. Gần 10.000 phụ nữ có bằng Đại học. Hoạt động của phụ nữ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật.

Người phụ nữ đầu tiên ở Liên-xô được cử làm giáo sư đại học, sau Cách mạng tháng 10, là Pa-lô-va, tiến sĩ vạn vật.

Chị Pan-cờ-ra-tô-va, viện sĩ Hàn-lâm khoa học đã cống hiến hơn 200 công trình có tính chất lịch sử.

Sự nghiệp của I-vê-rô-nô-va, tiến sĩ khoa học lý toán, của Kô-si-na viện sĩ Hàn lâm khoa học Liên-xô đã viết hơn 40 tác phẩm về cơ học thể lưu động cũng như sự nghiệp của Gan-ki-na Fê-đô-rúc tiến sĩ khoa học ngôn ngữ và nhiều bác học xô-viết khác nữa, đã được đông đảo quần chúng hiểu biết.

Trong các nhân vật có tiếng tăm của giới văn hóa Liên-xô, có nhiều nữ văn sĩ, nữ nghệ sĩ, nữ nhạc sĩ, nữ họa sĩ và nữ điêu khắc.

Trong số đại biểu đi dự Đại hội lần thứ 2 của các nhà văn Liên-xô có 66 phụ nữ. Tên tuổi của Vê-ra Két-lanh-skai-a Ga-li-na Ni-cô-la-ê-va, Ma-ri-ét Sa-ghi-ni-an, Vê-ra In-be, A-nhi-a Bát-tô, tên nhà nữ thi hào U-dờ-bét Zu-fi-a It-rai-lô-va, tên nhà nữ văn sĩ Lét-tô-ni, A-na Sát-xê và nhiều người khác nữa đã được độc giả rất hâm mộ.

Dưới chính quyền xô-viết, trong giới âm nhạc và sân khấu đã xuất hiện nhiều phụ nữ xuất sắc.

Nghệ thuật múa Ba-lê của Ga-li-na U-la-rô-va, tài dạy đàn vĩ cầm của Ga-li-na Ba-ri-nô-va, tài chơi dương cầm của Ta-ti-a-na Ni-cô-la-ê-va và Ga-li-na Fê-đô-rô-va đã được giải thưởng ở Đại hội Liên hoan thanh niên dân chủ thế giới Buy-đa-pét, đều được nhân dân Liên-xô rất hoan nghênh. Trong cuộc thi âm nhạc quốc tế Sô-panh lần thứ tư ở Vác-xô-vi, Ben-la Da-vi-đô-vít, một tay chơi dương cầm của Liên-xô, đã nhận phần thưởng thứ nhất của Chủ tịch chính phủ nước Cộng hòa Ba-lan.

Ở các nước cộng hòa tự trị trong Liên-bang xô-viết, trước kia phụ nữ hoàn toàn thất học, ngày nay có rất nhiều cán bộ phụ nữ : tổ chức sản xuất, giáo sư đại học, phụ giáo, nghiên cứu sinh khoa học. Ở U-dơ-bê-kít-tăng, hơn 3.000 phụ nữ chiếm chức vị lãnh đạo trong các nhà máy và xưởng chế tạo ; gần 150 phụ nữ làm chủ tịch hay phó chủ tịch nông trường, 28.000 là trưởng kíp hay trưởng nhóm.

Zu-fi-a U-mi-đô-va là người phụ nữ đầu tiên ở U-dờ-bê-kít-tăng đã nhận chức vị giáo sư đại học và hàm tiến sĩ Y khoa. Hiện nay chị là viện sĩ Hàn lâm y học Liên-xô, giám đốc bệnh viện điều trị của trường Đại học Y-khoa Tắc-kăng. Chị cũng tham gia giảng dạy và đào tạo hàng nghìn bác sĩ trẻ tuổi.

Ở Liên-xô, mọi người đều biết tiếng chị Ta-ma-ra Kha-num. Một nghệ sĩ dân gian về ca vũ dân tộc của nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki.

Dân tộc Ka-dắc đã cống hiến cho nghệ thuật xô-viết, một danh ca nổi tiếng, Ku-li-ắc Bai-xe-i-nô-va.

Hàng nghìn phụ nữ Giê-oóc-gi công tác trong nông nghiệp và công nghiệp, đã góp phần xứng đáng vào việc phát triển khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật.

Hơn 300 phụ nữ làm cộng tác viên khoa học làm việc trong các sở của Viện Hàn lâm khoa học Giê-oóc-gi. Giám đốc đại học ngôn ngữ của Viện ấy cũng là một phụ nữ, giáo sư và đại biểu Xô-viết tối cao Liên xô : chị Kê-lê-va-na Lom-ta-ti-de.

Chị Vơ-ra-xi-nha-dê, một nghệ sĩ vũ Ba-lê của nhân dân nước cộng hòa Giê-oóc-gi, được khen thưởng trong Đại hội liên hoan thế giới, là một vinh dự cho ngành Ba-lê vũ Xô-viết.

Trong hàng ngũ phụ nữ A-déc-bai-giăng, đã có nhiều người nổi tiếng trong các ngành văn hóa và mỹ thuật

cũng như trong sản xuất. Hơn 200 phụ nữ làm việc trong các trường Đại học của Viện Hàn lâm khoa học A-déc-bai-giăng, trong số đó có các giáo sư, tiến sĩ và nghiên cứu sinh khoa học.

Toàn Liên xô đều biết tên chị Bát-ti-a Ba-ghi-rô-va, một nữ nông trường viên nổi tiếng A-déc-bai-giăng, hai lần được thưởng danh hiệu « anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa » và hiện nay làm chủ tịch một nông trường tập thể khá lớn.

Giám đốc nhà máy thủy tinh Ê-rê-van, chị Ma-ri-a Ba-ba-da-ni-an đã cộng tác với các kỹ sư Mi-nat-xi-an, Ka-ra-cốt-xi-an và nhiều người khác để nghiên cứu phương pháp làm thủy tinh mới bằng cách dùng điện để nấu đá bọt Ác-mê-ni. Phát minh này rất quan trọng cho ngành công nghiệp thủy tinh, đang được áp dụng trong nhiều nhà máy thủy tinh ở Liên xô.

Phó giám đốc đại học È-rê-van cũng là một phụ nữ, chị Xa-lê-mi-a Ác-mi-an, chị đã viết 17 tác phẩm khoa học nói về ảnh hưởng của văn hóa và văn học Nga đối với sự phát triển văn học phương Đông. Việc phát triển văn hóa phụ nữ đã đóng góp một phần khá lớn vào việc phát triển văn hóa vật chất và tinh thần của xã hội xô viết đồng thời đã đóng một vai trò quan trọng trong việc củng cố gia đình.

Sự chiếu cố thường xuyên của xã hội xã hội chủ nghĩa đối với người mẹ và đứa trẻ đã giúp cho phụ nữ có thể hưởng được các niềm vui trong gia đình và có nhiều phấn khởi trong lao động.

Trong một cuộc họp kỷ niệm ngày Phụ nữ quốc tế, sau khi nhắc đến vài lời về thành tích của con cái trong học tập và trong lao động, bà mẹ anh hùng An-tô-ni-na Ba-la-sô-va đã nói về phần mình như sau :

« Tuy tôi chăm sóc rất tỉ mỉ đến vấn đề giáo dục con cái, tôi vẫn làm việc như thường ở nhà máy. Cách đây mấy năm, tôi tốt nghiệp Đại học và hiện nay tôi đang phụ trách một bộ phận trong một Sở nghiên cứu của nhà máy. Tôi vẫn còn thì giờ để tham gia công tác xã hội ».

Trong tác phẩm « Hòa bình thế giới » nhà văn nổi tiếng Bờ-rê-din Jót-je A-ma-dô đã nói về phụ nữ xô viết:

« Lúc tôi ở Liên-xô trở về, rất nhiều người hỏi tôi: Người phụ nữ xô viết đã có quyền bình đẳng ngang hàng với nam giới và đã hoạt động trong nhiều ngành khác nhau đôi khi rất nặng nhọc, có mất vẻ duyên dáng, thanh tao của người đàn bà và trở thành thô kệch không?

— Không, phụ nữ xô viết không trở nên thô kệch, không mất vẻ duyên dáng của người đàn bà. Tuy không còn là « giới yếu đuối », phụ nữ xô viết vẫn là « giới đẹp ».

4. Địa vị phụ nữ trong gia đình xô viết.

Thắng lợi của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô là nguyên nhân đưa đến cuộc cách mạng thực sự về địa vị phụ nữ trong gia đình xô viết.

Sự tham gia lao động sản xuất của phụ nữ ngang hàng với nam giới và sự chiếu cố của Nhà nước đối với con cái đã giải phóng phụ nữ ra khỏi cảnh phụ thuộc kinh tế đối với nam giới. Hôn nhân không còn là thủ đoạn để bảo đảm đời sống vật chất và « địa vị xã hội » của phụ nữ nữa. Hiện nay người chồng đối với họ, không còn là trụ cột duy nhất của gia đình, mà là một người bạn yêu quý, một đồng chí,

Bộ luật hôn nhân biểu hiện các hình thức mới về đời sống, các hình thức xã hội, và nhằm củng cố gia đình để gia đình có thể đảm bảo nhiệm vụ rất quan trọng đối với xã hội : nhiệm vụ nuôi dạy con cái.

Bộ luật này cương quyết trừng trị thái độ vô trách nhiệm đối với hôn nhân, gia đình và giáo dục con cái. Tình tình phóng đãng quan hệ không chính đáng giữa nam nữ là những điều không thích hợp với các nguyên tắc đạo đức cộng sản. Đạo đức cộng sản dạy mọi người phải tôn trọng luật pháp và áp dụng luật pháp một cách triệt để. Bộ luật xô-viết làm cho mọi người công dân phát huy tinh thần trách nhiệm đối với gia đình và con cái. Bố mẹ phải chịu trách nhiệm về giáo dục của thế hệ trẻ, một thế hệ phải được lành mạnh về mọi mặt.

Trong chiến tranh, đối với những đứa bé mà bố mẹ kết hôn không chính thức, lúc bố ra trận, thì Nhà nước phải đảm nhiệm. Sắc lệnh ngày 8-7-1944 quy định tiền phụ cấp cho những người mẹ độc thân và công nhận họ có quyền gửi con vào các hài nhi viện và nhà gửi trẻ hoàn toàn do Nhà nước đài thọ. Sắc lệnh này cũng đã sửa đổi thể lệ ly hôn bằng cách quy định hai thời kỳ xét xử các vụ ly dị : tòa án nhân dân cố gắng hòa giải hai bên và nếu không có kết quả thì tòa án địa phương căn cứ trên nội dung của vấn đề mà tuyên bố cho ly hôn hay không.

Sau chiến tranh, nhờ nền kinh tế của Liên-xô được phát triển và củng cố không ngừng, đời sống của quần chúng nhân dân đông đảo được nâng cao, nên ngân quỹ mới giảm số tiền đài thọ cho con cái của vợ chồng kết hôn không chính thức và trao nhiệm vụ lại cho bố mẹ chúng nó.

Hiện nay ở Liên-xô đang chuẩn bị bộ luật mới về gia đình. Trong bộ luật này có quy định những bố mẹ lấy

nhau không chính thức có quyền lợi và nhiệm vụ hoàn toàn ngang nhau đối với con cái. Bộ luật cũng dự kiến nhiều sửa đổi làm cho các vụ kiện về ly dị được đơn giản hơn.

Ý nghĩa của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đối với đời sống trong gia đình và sự phát triển văn hóa của phụ nữ đã biểu lộ trong bức thư của một người phụ nữ xô viết thông thường Bờ-ru-lanh-skai-a gửi cho phụ nữ Áo và đăng trên báo « Phụ nữ xô viết ».

Bờ-ru-lanh-skai-a là một chuyên gia vật liệu, phụ trách sở gang thép. Chồng chị là một kỹ sư. Chị có 2 con, một gái 11 tuổi đi học ở trường và một trai 6 tuổi gửi ở nhà gửi trẻ. Lương chồng chị cũng đủ cung cấp cho cả gia đình. Nhưng chị nói : « Nếu có người bảo tôi thôi việc để hoàn toàn lo lắng cho gia đình thì tôi sẽ không do dự và trả lời ngay : không, không thể được... Khó lòng nói hết được nỗi vui mừng của tôi, lúc các toa xe chở kim khí đến đúng giờ... Ở nhà máy, tôi cảm thấy mình là một người trong đại gia đình, gia đình ấy đã nuôi dạy tôi khôn lớn, và ở đó tôi đã tìm được những người bạn trung thành, những người đồng chí tốt, có nhiều tình cảm và nhiều cử chỉ rất cảm động.

Người ta có thể hỏi tôi, công tác ở nhà máy của tôi có ảnh hưởng tai hại gì đến đời sống gia đình và có làm trở ngại việc nuôi dạy con cái không? Nếu trả lời bằng một tiếng « không » gọn gàng chưa đủ. Công tác ở nhà máy của tôi, không những không làm tổn thương đến đời sống gia đình và việc giáo dục con cái, mà trái lại còn củng cố thêm gia đình, làm cho tôi bình đẳng với chồng tôi và giúp chúng tôi nuôi dạy các con. Đời sống tư của chúng tôi gắn chặt với công tác chúng tôi, hai bên hỗ trợ cho nhau, và hơn nữa, chỉ là một thôi... Tôi cảm nghĩ rằng, nếu tôi không làm việc ở nhà máy

nữa, đời tôi sẽ trở nên vô vị về mặt tinh thần và sự hòa hợp giữa quyền lợi của tôi và chồng tôi sẽ tan vỡ ngay. »

Gia đình xô viết là một gia đình kiểu mới. Ở đây chính các nguyên tắc đạo đức đã củng cố hơn nhiều, những sự tính toán về lợi ích cá nhân đã nhường chỗ cho tình cảm của những con người tự do, hiểu nhau và thấy gần nhau về mặt tinh thần.

Chiếm một địa vị ngang hàng với nam giới trong gia đình và ngoài xã hội, người phụ nữ xô viết là hiện thân của người « phụ nữ mới » người phụ nữ hoàn toàn về mọi mặt đã được các văn sĩ, họa sĩ nhân đạo và tiến bộ ca ngợi, nhất là các nhà cách mạng dân chủ Nga : Bi-ê-lanh-ski, Héc-den, Sét-ni-sép-ki, Nê-cơ-rát-xốp, Đô-bờ-rô-li-u-bốp và Mi-khai-lốp.

Để giảm nhẹ công việc gia đình cho phụ nữ, Nhà nước xô viết hàng năm đều tăng ngân sách xây dựng hài nhi viện và nhà gửi trẻ v.v...

Mặc dù con số nhà gửi trẻ và hài nhi viện tăng lên không ngừng, số chỗ dành cho trẻ chưa thỏa mãn được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Trong việc này, có một yếu tố chủ quan không thể bỏ qua được là thái độ hờ hững của nhiều sở Trung ương và địa phương đối với việc sử dụng số tiền của Nhà nước dành riêng cho việc xây dựng nhà trẻ, mỗi năm có một phần số tiền này không sử dụng. Theo như báo « Sự thật » ra ngày 28-7-1954 đã nói, trong những năm gần đây, kế hoạch xây dựng nhà trẻ ở Ka-dắc-stăng không thực hiện triệt để. Năm 1953, chương trình xây dựng nhà trẻ ở đây chỉ đạt 69%.

Các sự việc trên chứng tỏ thái độ hững hờ và quan liêu của một số giám đốc các sở và xí nghiệp đối với nhu cầu của người mẹ và đứa trẻ.

Trong bản tham luận đọc ở Đại hội Đảng lần thứ 20, bà Kô-vơ-ri-ghi-na, bộ trưởng Bộ y tế của Liên bang xô viết có nói rõ rằng các bộ và các sở hàng năm nhận những số tiền rất lớn để xây dựng hài nhi viện và nhà giữ trẻ, nhưng không sử dụng hết. Ví dụ: trong 5 năm gần đây, kế hoạch xây dựng hài nhi viện chưa đạt tới 50%. Vì vậy số chỗ dành cho trẻ ít hơn số Nhà nước đã quy định 100.000 chỗ, trong lúc nhu cầu ngày càng cấp thiết. Theo thống kê chưa đầy đủ, hơn 64.000 bà mẹ ở thành phố vì không có nơi gửi con, đã buộc lòng phải thôi việc, hoặc đi làm và để con còn bé ở nhà không người chăm sóc đầy đủ.

Do thái độ hững hờ của một số người lãnh đạo đối với một sự nghiệp to lớn như việc xây dựng nhà trẻ, mà trong các hài nhi viện, nhà giữ trẻ thường xuyên ở nông trường năm 1955 chỉ có 40.000 chỗ so với năm 1940, là 111.000 chỗ.

Việc quản lý không tốt của một số căng tin, nhà giặt là và các xưởng phúc lợi khác làm cho công việc gia đình gặp khó khăn và mất nhiều thì giờ quý báu.

Vấn đề thỏa mãn nhu cầu hàng ngày của phụ nữ lao động trong đời sống gia đình là một công tác thường xuyên của các tổ chức xã hội và nhà nước. Công việc suốt ngày trong gia đình luẩn quẩn theo bếp núc và con cái làm cho người phụ nữ ngày càng lạc hậu.

Lê-nin đã xem việc giải phóng phụ nữ khỏi cuộc đời vĩnh viễn nô lệ, nhục nhã đó là cách tốt nhất để thực hiện quyền bình đẳng thật sự giữa nam nữ. Người có nhấn mạnh rằng: Cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ là một cuộc đấu tranh lâu dài đòi hỏi phải có sự cải tạo căn bản về kỹ thuật và phong hóa; cuộc đấu tranh ấy sẽ thắng lợi lúc nào chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn thắng lợi.

Lê-nin cho rằng việc giải phóng hoàn toàn cho phụ nữ khỏi đời sống «nô lệ gia đình» là một trong những điều kiện bước sang Cộng sản chủ nghĩa.

Người có nói: «Cộng sản chủ nghĩa bắt đầu lúc mà cuộc đấu tranh quần chúng, do giai cấp vô sản lãnh đạo, chống các tiểu gia đình cá thể, hay đúng hơn lúc mà các tiểu gia đình ấy do cuộc chỉnh đốn tổ chức toàn bộ đã cùng nhau đứng chung trong một nền kinh tế quan trọng xã hội chủ nghĩa.

Theo Lê-nin thì việc giải phóng phụ nữ không phải là một hành động riêng rẽ, có thể giải quyết dứt khoát ngay được vấn đề rất gay go, phức tạp đó, mà phải có nhiều hành động liên tục và lâu dài gắn liền với việc cải tiến kỹ thuật và sự thay đổi về phong tục, vì đó là một trong những điều kiện chính để tiến dần từ xã hội chủ nghĩa lên cộng sản chủ nghĩa.

Vì vậy, muốn cho phụ nữ xô-viết có thể phát huy hết khả năng và hiểu biết của họ trong quá trình hoạt động nghiệp vụ xã hội và chính trị, nhà nước và các tổ chức chính quyền phải luôn luôn chú ý thỏa mãn nhu cầu hàng ngày của phụ nữ. Mỗi bà mẹ có thể gửi con vào hài nhi viện hay nhà gửi trẻ, mỗi phụ nữ lao động có thể sử dụng căng-tin, nhà giặt là, xưởng may vá và những dụng cụ máy móc làm cho công việc gia đình được nhẹ nhàng và nhanh chóng.

Bản nghị định ngày 8-3-1954 của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô có nhấn mạnh rằng các vấn đề chủ yếu xây dựng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi phải có sự tham gia thường xuyên của phụ nữ trong các ngành kỹ nghệ, vận tải, kiến trúc và nông nghiệp. Ban chấp hành yêu cầu Đảng, nhà nước, các cơ quan kinh tế, các tổ chức công đoàn và thanh niên Công-xô-môn tăng cường hoạt động để cải thiện điều kiện lao

động và sinh sống của phụ nữ, đồng thời chiếu cố đặc biệt các bà mẹ và giúp họ trong việc giáo dục con cái. Cần phải quy định sự kiểm tra thường xuyên việc thi hành nghiêm chỉnh các luật lệ xô-viết bảo vệ lao động phụ nữ và các chủ trương của nhà nước bảo vệ sản phụ hài nhi... »

Đường lối của Đảng, trên cơ sở chủ nghĩa Lê-ni-nít nói về giải phóng phụ nữ, đòi hỏi các giám đốc xí nghiệp và công sở phải tăng cường trách nhiệm đối với các hành động vi phạm luật lệ xô-viết, nhằm bảo vệ lao động phụ nữ, xây dựng hài nhi viện và nhà gửi trẻ và những nhà khác có tính chất tương tự. Dù cho các yêu cầu của nhân dân về nhà trẻ và căng-tin mà Lê-nin thường nói là « các mầm mống cộng sản chủ nghĩa » được thỏa mãn đầy đủ đi nữa, nhiệm vụ của xã hội cũng phải thường xuyên và đặc biệt chiếu cố đến người mẹ và đứa trẻ vì trẻ là tương lai của xã hội.

Trong bài báo nhan đề « Một trong những thắng lợi lớn về kỹ thuật » Lê-nin nêu rõ sự quan trọng của vấn đề điện khí hóa toàn quốc dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Điện khí hóa sẽ giảm nhẹ lao động phụ nữ không chỉ ở nhà máy mà cả ở gia đình, làm cho phụ nữ khỏi phải sống « ba phần tư đời người trong gian nhà bếp hôi hám ».

Đường lối đại hội Đảng lần thứ 20 về kế hoạch 5 năm lần thứ 6 của Liên-xô (1956—1960) đã vạch ra một kế hoạch thật vĩ đại về phát triển kỹ nghệ điện. Kế hoạch này thành công sẽ cải thiện rõ rệt điều kiện sinh sống của phụ nữ lao động.

Vấn đề cải thiện điều kiện sinh sống ở gia đình là một yếu tố quan trọng để thỏa mãn nhu cầu văn hóa và vật chất ngày càng tăng của nhân dân xô-viết. Chương trình rộng lớn hiện nay về phát triển công

nghiệp nặng, nông nghiệp và các ngành kỹ nghệ nhẹ và lương thực do Đảng và Chính phủ quy định, cho phép chúng ta nhìn vấn đề cải thiện đời sống gia đình một cách mới mẻ hơn.

Trước hết phải cơ khí hóa để tạo những tiền đồ cần thiết cho việc giảm nhẹ căn bản lao động gia đình.

Việc sản xuất máy giặt, máy ướp lạnh, máy quét nhà, v.v... cũng như sản xuất dụng cụ nấu nướng (máy gọt khoai, máy rửa bát, bếp điện v.v...) và máy khâu đặc biệt là máy khâu chạy bằng điện, đã tăng rất nhiều. Một ngày gần đây, hầu hết các gia đình sẽ có các dụng cụ bằng máy, giúp cho công việc gia đình được nhẹ nhàng và nhanh chóng. Thời giờ tiết kiệm sẽ dùng vào việc đọc sách báo, học tập và tham gia văn nghệ.

Việc tổ chức ăn công cộng được mở rộng và cải thiện có một tầm quan trọng rất lớn đối với việc nâng cao đời sống nhân dân. Vì vậy Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản và Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô ngày 13-3-1956 đã ra một nghị định chung nói rõ các chủ trương cụ thể nhằm cải tiến công tác các xí nghiệp ăn công cộng:

Nghị định trên có câu: « Việc tổ chức ăn công cộng góp phần chấn chỉnh lại đời sống nhân dân lao động trên cơ sở xã hội chủ nghĩa và giải phóng phụ nữ khỏi lao động gia đình là một thứ lao động ít sản xuất ».

Nghị định có đề ra những biện pháp nhằm cải tiến quản lý các khách sạn, tiệm giải khát, tiệm cà phê hiện có và xây dựng thêm những cái mới, cải thiện chất lượng các món ăn và tăng thêm nhiều món, đồng thời cung cấp cho các xí nghiệp đó những dụng cụ tối tân sản xuất nhanh và nhiều, đào tạo cán bộ chuyên nghiệp về nấu ăn và về nhiều mặt khác phục vụ việc ăn công cộng.

Muốn cải tiến việc ăn công cộng cần phải làm cho dư luận nhân dân chú ý. Nghị định nhấn mạnh rằng: « Cần làm cho đông đảo công nhân, viên chức, học sinh, nội trợ tham gia kiểm soát quản lý khách sạn, tiệm cà phê, tiệm giải khát, bằng cách cử người đến kiểm tra. Những người này là đại diện các công đoàn, các tiểu ban căng-tin, cửa hàng hợp tác xã tiêu thụ, tiểu ban thường trực xô-viết địa phương và đại biểu xô-viết của nhân dân lao động ».

Những số tiền lớn của Ngân sách nhà nước và sự tham gia tích cực của nhân dân nhằm cải thiện việc ăn công cộng không bao lâu nữa sẽ đem lại kết quả. Quản lý tốt các nơi ăn công cộng nhất định sẽ làm cho điều kiện sinh sống trong gia đình được dễ dàng hơn nhiều.

Việc thành lập một hệ thống rộng lớn các xưởng may áo quần cũng như việc phát triển và quản lý tốt hệ thống nhà giặt là, nhà nhuộm, xưởng sửa chữa áo quần, giầy và nhiều sở khác có một tầm quan trọng rất lớn, làm nhẹ công việc phụ nữ trong gia đình. Hiện nay Đảng và nhà nước đặc biệt chú ý đến việc xây dựng bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà điều trị, nhà an dưỡng, hài nhi viện và nhà giữ trẻ. Một chương trình to lớn về xây dựng nhà ở cũng đang tiến hành. Nhà ở tươm tất hơn, cải thiện về căn bản điều kiện sinh sống của nhân dân Liên-xô.

Theo quy định của Hội đồng ủy viên nhân dân ngày 10 tháng 10 năm 1944 trong tất cả các làng ở Liên-xô, phải dành riêng ít nhất 10% diện tích nhà cửa mới xây dựng cho các bà mẹ gia đình đông con và các bà mẹ có con mọn đặc biệt thiếu chỗ ở.

Một nghị định khác, không kém phần quan trọng là nghị định của Hội đồng bộ trưởng Liên-xô ngày 18-5-1949 nói về các phương pháp mở rộng hệ thống nhà trẻ.

Nghị định này quy định rằng: từ năm 1950, khi làm dự án xây dựng nhà cửa quan trọng, các bộ, các sở và các Hội đồng bộ trưởng các nước cộng hòa trong Liên bang phải dành 5% diện tích các nhà cửa ấy để làm hài nhi viện và nhà giữ trẻ.

Nhưng hiện nay ở Liên-xô cũng còn những người theo quan niệm cũ xem phụ nữ như người hèn kém. Cũng còn những biểu hiện tình cảm tiểu tư sản về hôn nhân, xem hôn nhân như một vấn đề thương nghiệp, còn những người hờ hững với gia đình và giáo dục con trẻ.

Ở xã hội xô-viết, không còn những lý do khách quan để bào chữa cho những sự việc kỳ quái như vấn đề đa thê và mang mạng che mặt. Tuy nhiên, những sự việc như thế, tàn dư của chế độ cũ, đôi lúc còn xảy ra ở một vài vùng trong các nước cộng hòa Trung Á.

Những ý kiến cũ kỹ lỗi thời, những thói quen và thành kiến do xã hội tư sản để lại biểu lộ, trước hết, trình độ văn hóa thấp kém của những người tuyên truyền các tư tưởng đó và bị dư luận quần chúng nghiêm khắc phê phán trên báo chí xô-viết. Đây là một chứng minh cụ thể. Nhà văn A-léc-xăng-đờ-rơ La-xít tác giả mẩu chuyện «Hãy gọi tên người ấy» là một nhà trí thức có kiến thức rộng. Lúc ra ngoài ông là một nhân vật quan trọng trong giới văn hóa, một nhà báo có tiếng. Về nhà, ông để lộ bộ mặt thật của ông, chửi mắng lung tung, đánh đập vợ là người mẹ của 2 con ông và làm nhục chị đủ mọi cách. Ông còn dạy các «nguyên tắc» ấy cho con trai trưởng ông, sinh viên của một trường cao đẳng xô viết.

Chị vợ đã nói: «Tuy chồng tôi là một nhà văn, tôi không thể xem anh ta như người có học thức. Anh ta có 2 tâm hồn: viết một cách và hành động một cách khác hẳn».

Rất dễ bị mắc lừa lúc nhận xét về con người « đóng kịch ấy » Người ta rất đồng ý với tác giả khi ông ta viết rằng: « Một nhà văn như thế không thể sáng tác những tác phẩm có giá trị. Tâm hồn trống rỗng và giả dối tiểu tư sản của hắn chỉ có thể nói lý luận suông và khô khan thôi, vì những cảm xúc say sưa, ý thức tìm tòi những con đường mới không phải bản chất của một tên trưởng giả ». Vì vậy, sau khi đã thấy rõ bộ mặt thật của ông ta trong đời tư, người ta không còn tín nhiệm và giao công tác cho ông nữa. Đó cũng là một cách góp phần tẩy trừ tư tưởng quan liêu và thái độ thờ ơ đối với con người trong các công sở xô viết.

Thái độ vô trách nhiệm đối với con trẻ không thể tha thứ được vì vấn đề giáo dục trẻ là một nhiệm vụ trọng yếu của gia đình xô viết, một nhiệm vụ vinh quang của tất cả công dân Liên-xô.

Mỗi năm nhà nước xô viết mỗi tăng số tiền dành riêng cho việc bảo vệ người mẹ và đứa trẻ. Nhà nước luôn luôn chú ý làm cho con trẻ được sống một cuộc đời hạnh phúc dưới sự chăm nom âu yếm của gia đình. Một bản thời khắc biểu mới đã được thông qua trong các công sở để làm cho mọi người có thì giờ chăm sóc đến gia đình và con cái.

Sự hòa thuận và thân ái trong gia đình là một yếu tố rất quan trọng đối với việc giáo dục một thế hệ trẻ lành mạnh cả thể chất và tinh thần. Vì vậy Đảng cộng sản và dư luận nhân dân Liên-xô luôn luôn đấu tranh quyết liệt chống các thái độ hững hờ, vô trách nhiệm đối với nghĩa vụ gia đình và nhất là đối với nhiệm vụ của người làm cha mẹ.

Luật xô viết dự định truất quyền làm cha và làm mẹ của những người vi phạm nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa và những điều đòi hỏi của xã hội xô viết đối với con cái.

Tuy nhiên, tàn dư luân lý tư sản trong quan hệ gia đình còn tồn tại, và muốn xóa bỏ phải có sự chú ý đúng mức của dư luận quần chúng, phải tiến hành công tác tư tưởng và giáo dục thường xuyên.

Lê-nin có nói rằng muốn chiến thắng tất cả các tập quán cũ và các ý kiến lỗi thôi, cần phải nâng cao một cách căn bản trình độ văn hóa, không phải chỉ nâng cao thứ văn hóa về một số kiến thức khoa học mà chủ yếu là thứ văn hóa thuộc về tinh thần và đạo đức, thứ văn hóa giúp chúng ta chống bệnh quan liêu và tư tưởng tự tư tự lợi.

Lẽ tất nhiên, đạo đức cộng sản chủ nghĩa, đạo đức của giai cấp vô sản cách mạng không thể chỉ dạy theo lối tuyên truyền bằng lời nói mà đủ. Các hành động cụ thể, cũng rất cần thiết. Phải gây một phong trào phản ứng mạnh mẽ của dư luận quần chúng, một không khí bài xích sôi nổi đối với những người vi phạm nguyên tắc đạo đức cộng sản chủ nghĩa, phải đập tan các hành vi sai trái của họ.

Trong cuộc đấu tranh để tẩy trừ các tàn tích cũ sạch khỏi đầu óc con người, vai trò của báo chí, văn học và nghệ thuật vô cùng quan trọng. Đó là những yếu tố mạnh mẽ nhất, có ảnh hưởng tinh thần rất lớn đối với quần chúng nhân dân. Nhưng tiếc thay, các tác phẩm viết về đời sống của gia đình trong xã hội xô viết về sự đấu tranh giữa mới và cũ trong cuộc sống hàng ngày và trong quan hệ giữa nam nữ, còn hiếm hoi trong nền văn học và nghệ thuật Liên-xô.

Những người xô viết đang nóng lòng mong đợi những tác phẩm có giá trị về văn chương, nêu bật sức mạnh của tình yêu chân chính nói lên đời sống gia đình trong xã hội Liên xô.

Công tác giáo dục kiên trì đi đôi với các chủ trương kinh tế nhằm cải thiện điều kiện sinh sống sẽ đánh ngã hoàn toàn những người còn bị các tập quán cũ, các thành kiến xưa ám ảnh.

Sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và dư luận quần chúng đối với việc nâng cao không ngừng đời sống của nhân dân lao động và đối với việc củng cố gia đình đã giúp cho người phụ nữ xô viết, dù ở vào chức vị nào, cũng có thể kết hợp, làm tròn nhiệm vụ gia đình và hoạt động xã hội.

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI

IN 3.020 CUỐN TẠI NHÀ MÁY IN TIẾN-BỘ HÀ-NỘI
KHỔ 13 x 19 — XONG NGÀY 11-7-59 — SỐ X.B..... — SỐ IN 121
GỬI LƯU CHIỂU THÁNG 7-1959